



**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VIỆT ĐỨC**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VIỆT ĐỨC
NĂM 2021**

Thái Nguyên, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG	3
1. Thông tin chung về nhà trường	3
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của nhà trường	3
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường	5
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường	7
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	9
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	11
1. Đặt vấn đề	11
2. Tổng quan chung	12
2.1. Căn cứ tự đánh giá.....	12
2.2. Mục đích tự đánh giá.....	12
2.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	13
2.4. Phương pháp tự đánh giá.....	13
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	13
3. Tự đánh giá	14
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	14
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	24
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG	203
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	206
PHỤ LỤC	
1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức năm 2021	207
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức năm 2021	219
3. Bảng mã minh chứng.....	210

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
1	Cộng hòa liên Bang Đức	CHLBĐ
2	Tổ chức (GTZ)	GTZ
3	Chương trình đào tạo nghề việt nam	BBPV
4	Cán bộ quản lý	CBQL
5	Cán bộ giáo viên	CBGV
6	Cán bộ, viên chức lao động	CB, VCLĐ
7	Cơ sở vật chất	CSVC
8	Giáo dục nghề nghiệp	GDNN
9	Môn học - Mô đun	MH-MĐ
10	Bộ lao động thương binh và xã hội	BLĐTB&XH
11	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	ĐTN CSHCM
12	Học sinh - Sinh viên	HS-SV
13	Đánh giá chất lượng	ĐGCL
14	Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế	QLKH&HTQT
15	Nghiên cứu khoa học	NCKH
16	Chiến sĩ thi đua	CSTĐ
17	Lao động tiên tiến	LĐTT
18	Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa	CNH-HĐH
19	Tổ chức hành chính	TCHC
20	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
21	Ký túc xá	KTX

GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về nhà trường

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức
- 1.2. Tiếng Anh: Viet Nam - Germany Industrial college
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương
- 1.4. Địa chỉ trường: Phường Thắng lợi - Thành Phố Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên
- 1.5. Số điện thoại: 0208 3861 511- 0208 3862 077
- 1.6. Số fax: 0208 3862 079
- 1.7. E-mail: caodangvietduc@moet.edu.vn
- 1.8. Website: trungvietducthainguyen.edu.vn
- 1.9. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: 1973
 - Năm nâng cấp thành trường Trung học Công nghiệp Việt Đức: 1998
 - Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức: 2006
- 1.10. Loại hình trường: Công lập Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của nhà trường

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức tiền thân là trường Công nhân Kỹ thuật Việt Nam - Cộng hòa Dân chủ Đức được thành lập năm 1973 là kết quả của tình hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức (nay là CHLB Đức). Năm 1998 được nâng cấp thành trường Trung học Công nghiệp Việt Đức. Năm 2006 được nâng cấp thành trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức.

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Công Thương; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề nghiệp.

Trong lĩnh vực bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất nhà trường đã được các dự án hỗ trợ phát triển dạy nghề giúp đỡ, tài trợ. Cụ thể: Từ năm 1996 trường tiếp tục được tổ chức GTZ của CHLB Đức tái đầu tư giai đoạn 1 thông qua dự án “Chương trình đào tạo nghề Việt Nam BBPV”. Từ năm 2006 đến 2010 trường tiếp tục được phía Đức lựa chọn đầu tư thông qua Dự án “Hỗ trợ Kỹ thuật Dạy nghề Việt Nam” do tổ chức GTZ tài trợ và Dự án “Chương trình đào tạo nghề Việt Nam” do tổ chức KfW tài trợ về bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư cơ sở vật chất. Hiện nay đội ngũ cán bộ nhà trường đã nâng cao được năng lực thực hành, tiếp cận được với trang thiết bị hiện đại, phương pháp dạy học mới. Sau gần 50 năm xây dựng và phát triển lớp lớp các thế hệ học sinh - sinh viên của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức sau khi tốt nghiệp ra trường đã được các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực chuyên môn, tác phong công nghiệp và phẩm chất đạo đức vì vậy thương hiệu,

chất lượng đào tạo của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức ngày càng được nâng cao và được xã hội tin tưởng.

* Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu phát triển:

- Tầm nhìn: Trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia, hướng đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Là cơ sở nghiên cứu khoa học ứng dụng và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đào tạo theo nhu cầu xã hội. Chiến lược phát triển nhà trường dựa trên việc xây dựng đội ngũ đạt chuẩn theo tiêu chí trường chất lượng cao, đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo tiên tiến, hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và cơ sở đào tạo khác. Phấn đấu đến năm 2025 đạt trường cao đẳng chất lượng cao. Đến năm 2030 trở thành trường chất lượng cao cấp độ khu vực ASEAN.

- Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công thương và các ngành kinh tế khác theo hướng thực hành công nghệ, có khả năng tự nghiên cứu ứng dụng, làm việc độc lập và sáng tạo tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Mục tiêu: Phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Đào tạo cán bộ quản lý, cử nhân, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, kiến thức chuyên môn vững, kỹ năng thực hành nghề cao, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động phục vụ cho sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế.

Với những nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giảng viên, giáo viên và học sinh, sinh viên; Nhà trường đã vinh dự được tặng thưởng:

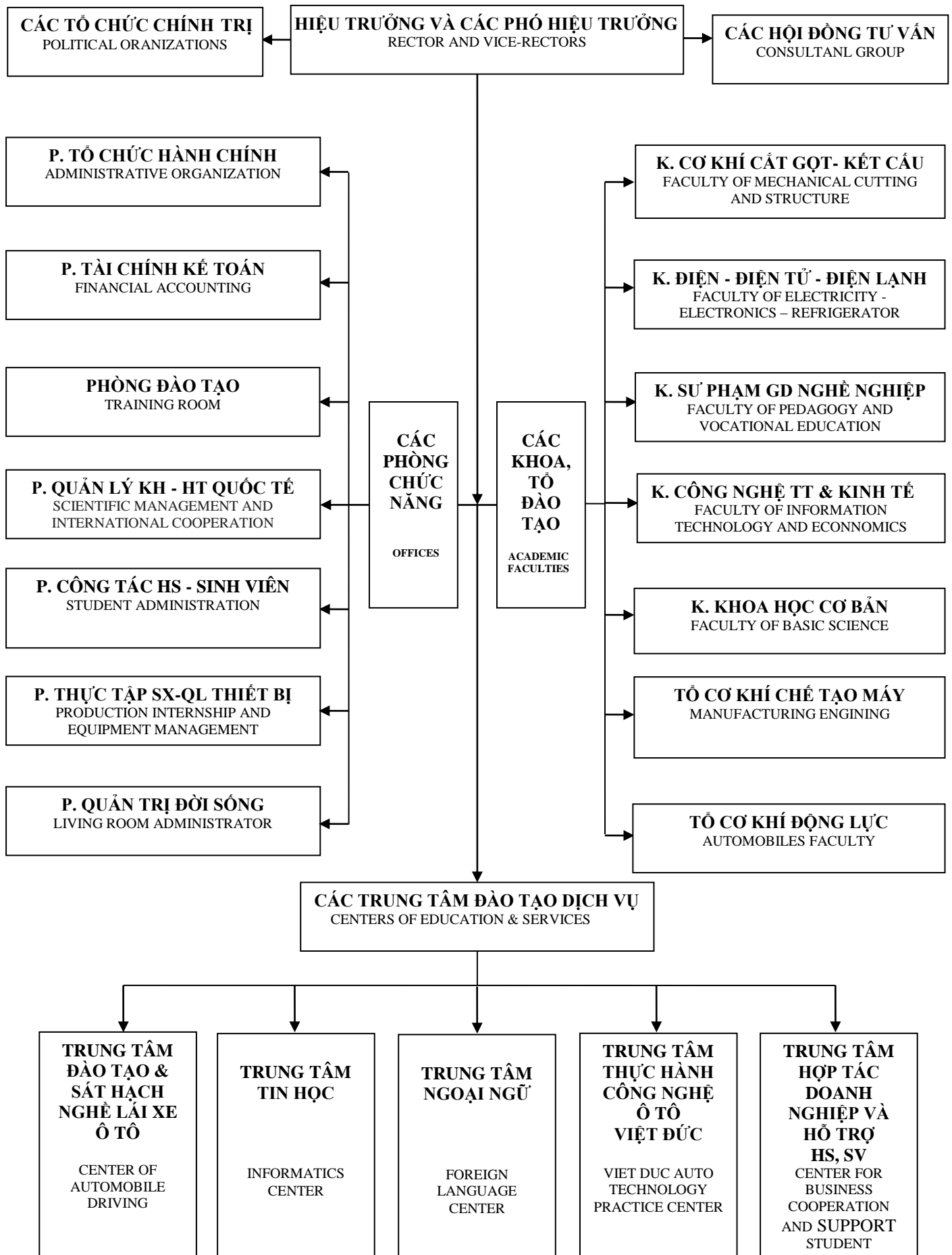
- Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì; 02 Huân chương Lao động hạng Ba.
- Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cùng hàng trăm Cờ, Bằng khen, Huy chương các loại của Chính phủ và các Bộ, Ngành, tỉnh Thái Nguyên trao tặng.

- Nhà trường có 11 nhà giáo được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” và nhiều nhà giáo được công nhận “Giáo viên dạy giỏi Toàn quốc” và hàng trăm lượt “Giáo viên dạy giỏi” cấp Tỉnh, cấp Bộ...

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường

3.1. Cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám Hiệu	Nguyễn Đức Sinh	1964	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Hoàng Minh Thái	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Sinh	1964	Thạc sỹ	Bí thư
Công đoàn	Trần Minh Đức	1971	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn thanh niên	Lý Quang Đại	1985	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Nguyễn Thị Hồng Sơn	1973	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Trần Minh Đức	1971	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HS-SV	Hoàng Văn Quân	1974	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Quản trị Đời sống	Đỗ Khắc Nguyên	1976	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QLKH&HTQT	Lê Xuân Đạt	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính-Kế toán	Lê Anh Tuấn	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QLTB-TTSSX	Mạc Văn Hùng	1975	Đại học	Trưởng phòng
4. Trưởng các Khoa và Trưởng tổ môn				
Khoa Cơ khí CGKC	Nguyễn Văn Thanh	1977	Thạc sỹ	P.Trưởng khoa
Khoa Điện - ĐT - DL	Vũ Thị Ngoan	1983	Thạc sỹ	P.Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Mai Quang Dương	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học cơ bản	Nguyễn Thị Lanh	1971	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Tổ Cơ khí CTM	Nguyễn Thị Kim Anh	1981	Thạc sỹ	Tổ trưởng
Tổ Cơ khí Động Lực	Nguyễn Gia Nghĩa	1981	Thạc sỹ	Tổ trưởng
Tổ CNTT-KT	Trần Kiên	1982	Thạc sỹ	Tổ trưởng
5. Trưởng các Trung tâm đào tạo và dịch vụ				
Trung tâm Đào tạo nghề lái xe ô tô	Nguyễn Mạnh Giang	1978	Thạc sỹ	P.Giám đốc
Trung tâm tin học	Trần Đức Thụ	1981	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm thực hành công nghệ ô tô Việt Đức	Lý Quang Đại	1985	Thạc sỹ	P.Giám đốc
Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ HS, SV	Hoàng Đại Thắng	1978	Thạc sỹ	P.Giám đốc

3.3. Tổng số Cán bộ, viên chức, người lao động của nhà trường: 138 CB, VCLĐ.

Trong đó đội ngũ giáo viên: 104

- Nam: 65 - Nữ: 39
- Cơ hữu: 92 - Thỉnh giảng: 12

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	01
Thạc sĩ	63
Đại học	37
Cao đẳng	
Trung cấp	03
Trình độ khác	
Tổng số	104

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của nhà trường

4.1. Các nghề đào tạo của nhà trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đã được cấp

Stt	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	6520126	Cao đẳng
		5520126	Trung cấp
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	6520149	Cao đẳng
		5520149	Trung cấp
3	Nguội lắp ráp cơ khí	6520127	Cao đẳng
		5520127	Trung cấp
4	Nguội chế tạo	6520125	Cao đẳng
		5520125	Trung cấp
5	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
		5510216	Trung cấp
6	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng
		5520227	Trung cấp
7	Điện dân dụng	6520226	Cao đẳng
		5520226	Trung cấp
8	Điện tử công nghiệp	6520225	Cao đẳng
		5520225	Trung cấp
9	Điện tử dân dụng	6520224	Cao đẳng
		5520224	Trung cấp
10	Hàn	6520123	Cao đẳng
		5520123	Trung cấp
11	Cắt gọt kim loại	6520121	Cao đẳng
		5520121	Trung cấp
12	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Cao đẳng

		5480102	Trung cấp
13	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng
		5340302	Trung cấp
14	Rèn, dập	6520124	Trung cấp
15	Quản trị mạng máy tính	6480209	Trung cấp
16	Cơ điện tử	6520263	Cao đẳng
		5520263	Trung cấp
17	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng
18	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp
19	Kế toán	6340301	Cao đẳng
20	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	6510304	Cao đẳng
21	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Cao đẳng
22	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6510202	Cao đẳng
23	Tài chính - Ngân hàng	6340202	Trung cấp
24	Lái xe B2, A1		Sơ cấp nghề
25	Sư phạm Dạy nghề		Sơ cấp nghề

4.2. Quy mô đào tạo số lượng HS - SV chính quy của trường 3 năm gần đây

TT	Tên nghề	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
		Tổng số tuyển mới	Tổng số tuyển mới	Tổng số tuyển mới
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	0	0	0
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	0	0	0
3	Nguội lắp ráp cơ khí	0	0	0
4	Nguội chế tạo	0	0	0
5	Công nghệ Ô tô	69	80	60
6	Điện công nghiệp	97	70	78
7	Điện dân dụng	0	39	33
8	Điện tử công nghiệp	21	72	67
9	Điện tử dân dụng	0	0	0
10	Hàn	0	0	0
11	Cắt gọt kim loại	314	298	231
12	Kỹ thuật s/chữa, lắp ráp máy tính	0	11	12

13	Kế toán doanh nghiệp	0	0	0
14	Cơ điện tử	0	0	0
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	18	15	12
16	Tin học ứng dụng	0	0	84
17	Kế toán	0	0	0
18	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	0	0	0
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	8	0	5
20	Công nghệ kỹ thuật ô tô	0	0	0
21	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0
22	Rèn, Dập	0	0	0
23	Quản trị mạng máy tính	0	0	0
24	Sư phạm DN & Chuẩn CDNN	544	873	595
25	Lái xe ô tô B2	883	732	451
26	CNC và dạy nghề khác	147	175	113
Tổng cộng		2101	2365	1741

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Cơ sở vật chất

* **Trụ sở 1:** Tổng diện tích đất: 103.654 m², trong đó:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ%
1	Đất xây dựng công trình	19.718	19,2
2	Đất cây xanh	56.977	54,99
3	Hồ điều hòa, mặt nước	12.043	11,62
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.399	1,35
5	Đất ở hiện trạng	4.105	3,96
6	Đất nông nghiệp	3.647	3,52
7	Đường giao thông, bê tông	5.745	5,54
Tổng		103.654	100.00

*** Các hạng mục, công trình xây dựng**

TT	Hạng mục, công trình	Đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	986	
2	Phòng học lý thuyết	12.110	
3	Xưởng/Phòng thực hành	26.473	
4	Khu phục vụ		
4.1	<i>Thư viện</i>	387	
4.2	<i>Ký túc xá</i>	13.778	
4.3	<i>Nhà ăn</i>	586	
4.4	<i>Trạm y tế</i>	78	
4.5	<i>Khu thể thao</i>	2.990	
5	- Hội trường	393	
	- Phòng hội thảo	280	

* **Trụ sở 2:** Trung tâm thực hành công nghệ ô tô Việt Đức: 908 m²

* **Trụ sở 3:** Sân tập lái xe ô tô: 11.945 m²

5.2. Thư viện

Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường: 2.315

5.3. Tài chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Nguồn thu	35.889.181.000	35.619.733.501	31.753.868.000
NSNN cấp	21.641.911.000	21.123.692.000	14.488.868.000
Thu học phí	1.996.286.000	2.428.600.000	2.498.000.000
Thu cấp bù học phí	5.893.443.000	5.000.000.000	7.367.000.000
Nguồn khác	6.357.541.000	7.067.441.501	7400.000.000
2. Tổng quyết toán	35.889.181.000	35.619.733.501	31.753.868.000

5.4. Tổng số máy tính của nhà trường

- Dành cho văn phòng: 88

- Dành cho sinh viên học tập: 247

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

Tự đánh giá chất lượng là một trong những chiến lược quan trọng nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng trong hệ thống bảo đảm chất lượng nhà trường;

Đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là việc đánh giá một trường có đủ tư cách, uy tín hay không, đồng thời là sự lựa chọn hàng đầu của Ngành giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống đảm bảo chất lượng quốc gia, mang nhiều ý nghĩa đối với hoạt động của Nhà trường nói chung.

Tự đánh giá chất lượng nhằm mục đích: đánh giá, cải tiến để đảm bảo hệ thống chất lượng nhà trường, có mục tiêu đào tạo phù hợp và được xác định rõ.

Xác định các nguồn lực tài chính, con người, vật chất cần thiết để đạt được những mục tiêu đã đề ra.

Đưa ra được đầy đủ minh chứng nhằm giúp mọi người tin tưởng rằng trường sẽ tiếp tục đạt được mục tiêu trong thời gian tới.

Nhận thức rõ sự cần thiết và mục đích của hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường. Ban giám hiệu đã sớm đề ra chủ trương, giao nhiệm vụ cho các đơn vị trong toàn trường thực hiện công tác tự đánh giá chất để mang lại hiệu quả.

Đánh giá chất lượng nhằm bảo đảm nhà trường có trách nhiệm đối với sản phẩm đào tạo của mình, bên cạnh đó đánh giá chất lượng sẽ đem lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của nhà trường. Vì vậy, tự đánh giá chất lượng của cơ sở GDNN là một yêu cầu hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này sẽ giúp cho trường đánh giá đúng thực lực của đơn vị mình, thấy rõ được những điểm mạnh và những điểm còn yếu kém, từ đó có giải pháp khắc phục những mặt tồn tại, bất cập và đề ra mục tiêu, phương hướng phát triển đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

1.2. Ý nghĩa, vai trò của tự đánh giá chất lượng

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là một hoạt động có ý nghĩa và vai quan trọng. Thông qua hoạt động tự đánh giá sẽ giúp nhà trường có điều kiện đánh giá các hoạt động của trường một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở GDNN có chất lượng đạt ngang tầm khu vực và quốc tế. Thông qua đánh giá chất lượng, thương hiệu, uy tín của nhà trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

Thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2021. Đây là dịp để nhà trường tự đánh giá rà soát một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất. Từ kết quả sau đánh giá ngoài, lãnh đạo trường cùng toàn thể CB, VCLĐ trong nhà trường sẽ nhận thức đầy đủ hơn và khách quan hơn về mức độ chất lượng các hoạt động đạt được, cũng như các tồn tại để xây dựng kế hoạch và giải pháp khắc phục sớm nhất nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường căn cứ theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN đối với trường cao đẳng:

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 Của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng.

Căn cứ quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức năm 2020 số 61^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Quy trình tự đánh giá chất lượng GDNN được quy định tại mục 2, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện, phương thức học tập của HS - SV, giảng dạy của nhà giáo.

Xác định mức độ đạt được thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị GDNN chất lượng cao đạt ngang tầm khu vực và quốc tế, thương hiệu và uy tín của nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của nhà trường;

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan;

Đánh giá theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường được ban hành và các hướng dẫn có liên quan;

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng;

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Thu thập thông tin, rà soát, thống kê, tổng hợp, báo cáo các hoạt động của trường và những chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, nhà giáo, VCLĐ và người học của trường.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện công văn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng;

Quy trình tự đánh giá thực hiện theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp Quy định về quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng gồm các bước sau:

1. Lập kế hoạch và Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng trường

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của trường
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt/Không đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	100 điểm	91 điểm
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý	12 điểm	11 điểm
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam	1 điểm	Đạt

	trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.		
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1 điểm	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17 điểm	16 điểm
	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được	1 điểm	Đạt

	phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1 điểm	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.	15 điểm	14 điểm

	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với	1 điểm	Đạt

	đội ngũ nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1 điểm	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15 điểm	13 điểm
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống	1 điểm	Đạt

	giáo dục quốc dân theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1 điểm	Không đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15 điểm	13 điểm
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện,	1 điểm	Đạt

	nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1 điểm	Không đạt

	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1 điểm	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5 điểm	4 điểm
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyên giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9 điểm	9 điểm
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế	1 điểm	Đạt

	kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1 điểm	Đạt
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6 điểm	6 điểm
	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1 điểm	Đạt

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

* Mở đầu:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức trực thuộc Bộ Công Thương được thành lập theo Quyết định số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006, trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức có nhiệm vụ đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đã xác định rõ mục tiêu phát triển nhà trường là: Phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Đào tạo cán bộ quản lý, cử nhân, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, kiến thức chuyên môn vững, kỹ năng thực hành nghề cao, tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động phục vụ cho sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích ứng với môi trường hội nhập quốc tế.

Đổi mới cơ bản và toàn diện đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ, năng lực cán bộ, nhà giáo của trường cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho người học để không ngừng nâng cao chất lượng học tập với những kỹ năng tiên tiến, hiện đại và những kiến thức cần thiết để tiến thân lập nghiệp; phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao, tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Mục tiêu và ngành nghề đào tạo của nhà trường hiện nay đã và đang đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho vùng kinh tế trọng điểm các tỉnh miền núi phía Bắc nói riêng và địa bàn cả nước nói chung.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển trường CĐCN Việt Đức Giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ rõ ràng được duyệt được công bố công khai. Hướng tới trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng đầu Việt Nam, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ đặc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vươn tới trình độ khu vực châu Á và Quốc tế;

- Cơ cấu tổ chức bộ máy trường tinh gọn phù hợp với nhiệm vụ chức năng, được phân công, phân cấp quản lý rõ ràng, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo hoàn thành sứ mạng mục tiêu của Trường hiện tại và tương lai, hoạt động, hiệu quả;

- Hệ thống quản lý phân cấp, phân quyền rõ ràng;

- Hệ thống văn bản làm công cụ quản lý đầy đủ, cập nhật, tạo môi trường, hành lang pháp lý cho toàn bộ hoạt động giáo dục, đào tạo trong Trường;

- Đội ngũ cán bộ viên chức giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, sáng tạo, đoàn kết, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá được thực hiện thường xuyên, nên có tác động tốt đến toàn bộ hoạt động của nhà Trường.

** Những tồn tại:*

- Tiếp tục rà soát bổ sung và cập nhật văn bản và quy định, quy chế phương thức hoạt động đáp ứng yêu cầu thực tế của từng đơn vị và của nhà trường;

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kế hoạch rà soát điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ đã được tổ chức nhưng chưa được phân tích và phát triển thành cơ sở lý luận.

- Tiếp tục báo cáo, xin ý kiến với Bộ chủ quản để thành lập hội đồng trường;

- Đề nghị Bộ Công Thương xem xét và phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển CĐCN Việt Đức Giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và thực hiện thành công kế hoạch Chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn, dựa trên

năng lực thực tế của trường và bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước...

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	12 điểm	11 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

* **Tiêu chuẩn 1.1:** Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức tiền thân là Trường Công nhân Kỹ thuật Việt Nam - Cộng hòa Dân chủ Đức (nay là Cộng hòa Liên Bang Đức) được thành lập năm 1973 là kết quả của tình hữu nghị tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức. Năm 1998 nhà trường được nâng cấp thành trường Trung học Công nghiệp Việt Đức. Năm 2006 nhà trường được nhà nước phê duyệt nâng cấp thành trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức (1.1.01 - Quyết định thành lập trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006);

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý toàn diện, trực tiếp của Bộ Công Thương; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về giáo dục nghề nghiệp. Trong điều 2 Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương

quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức có giao nhiệm vụ:

1. Xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển Trường trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Đào tạo, liên kết đào tạo và đào tạo bồi dưỡng

a. Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp trình độ, các ngành nghề đào tạo theo quy định của pháp luật, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động;

b. Tổ chức xây dựng, duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành nghề được phép đào tạo theo quy định của pháp luật.

(1.1.02 - Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức). Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. *(1.1.03- Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).*

Thực hiện đề án Phát triển trường Cao đẳng chất lượng cao. Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức phấn đấu đến năm 2025 đạt trường Cao đẳng chất lượng cao, đến năm 2030 trở thành trường chất lượng cao cấp độ khu vực ASEAN. Trường được phê duyệt 7 nghề trọng điểm, trong đó: 01 nghề cấp độ quốc tế; 03 nghề cấp độ khu vực Asean; 03 nghề cấp độ quốc gia *(1.1.04 - Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025”.* *Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 Quyết định phê duyệt ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến 2025).*

Với mục tiêu của trường trong việc đào tạo gắn với doanh nghiệp, nhằm nâng cao khả năng đáp ứng công việc sau khi tốt nghiệp, khẳng định thương hiệu và chất lượng đào tạo của nhà trường. Trường CDCN Việt Đức thường xuyên nắm bắt, cập nhật về nhu cầu sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh. *(1.1.05 - Văn bản phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam /Bộ /Tỉnh).* Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức tư vấn với thiêu việc làm; Luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. *(1.1.06 - Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm).*

Mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường trong những năm qua được công bố công khai trên website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến rộng rãi đến người học. (1.1.07 - Thông báo tuyển sinh hàng năm trên Website; Pano - áp phích, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...; 1.1.08 - Cập nhật thông tin đăng tải trên Website: truong.vietducthainguyen.edu.vn).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, về mục tiêu sứ mạng của nhà trường. (1.1.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của nhà trường hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 1.2:** Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao ngay trong Quyết định thành lập Trường và nhu cầu lao động kỹ thuật của Vùng;

Căn cứ văn bản phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam /Bộ /Tỉnh, nhà trường với tổng số đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức lao động là 138 người. Trong đó có 104 giáo viên thuộc các nhóm nghề công nghiệp và dịch vụ. Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm. Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghề đào tạo của trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu của người học, xã hội. Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/ngành thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐT BXH phê duyệt (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Trên cơ sở thực trạng nhà trường và nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương, ngành, nhà trường xác định ngành nghề quy mô đào tạo chi tiết cho từng nghề, từng năm từng giai đoạn trong chiến lược phát triển trường. (1.2.02 - Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng VD đến năm 2025 tầm nhìn 2030).

Thực hiện đề án Phát triển trường Cao đẳng chất lượng cao. Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức phấn đấu đến năm 2025 đạt trường Cao đẳng chất lượng cao, đến năm 2030 trở thành trường chất lượng cao cấp độ khu vực ASEAN. Trường được phê duyệt 7

ngành trọng điểm, trong đó: 01 nghề cấp độ quốc tế; 03 nghề cấp độ khu vực Asean; 03 nghề cấp độ quốc gia (1.1.04 - Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025”. Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 Quyết định phê duyệt ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến 2025).

Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN nhà trường được cấp, hàng năm nhà trường triển khai thông báo tuyển sinh cho các cấp trình độ (1.2.03 - Thông báo tuyển sinh hàng năm). Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm (1.2.04 - Kế hoạch tuyển sinh hàng năm).

Từ các số liệu về quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, tổng số lượng Học sinh - Sinh viên chính quy của trường và số lượng đào tạo ngắn hạn 3 năm gần đây. Nhu cầu lao động của doanh nghiệp theo bảng tổng hợp đối với từng ngành, nghề dưới đây... (1.2.05 - Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số người học thực tuyển hàng năm; 1.2.07 - Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp hàng năm).

TT	Tên nghề	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021		
		Chỉ tiêu TS theo kế hoạch	Tổng số tuyển mới	Nhu cầu lao động	Chỉ tiêu TS theo kế hoạch	Tổng số tuyển mới	Nhu cầu lao động	Chỉ tiêu TS theo kế hoạch	Tổng số tuyển mới	Nhu cầu lao động
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	10	0	0	20	0	20	15	0	15
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Nguội lắp ráp cơ khí	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nguội chế tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công nghệ Ô tô	80	69	80	80	80	80	100	60	100
6	Điện công nghiệp	100	97	120	75	70	75	90	78	90
7	Điện dân dụng	20	0	0	20	39	20	30	33	30
8	Điện tử công nghiệp	30	21	50	30	72	30	40	67	40
9	Điện tử dân dụng	0	0	0	15	0	15	0	0	0
10	Hàn	10	0	20	20	0	20	15	0	15
11	Cắt gọt kim loại	330	314	400	320	298	320	340	231	340

12	Kỹ thuật s/chữa, lắp ráp máy tính	20	0	30	20	11	20	20	12	20
13	Kế toán doanh nghiệp	20	0	30	30	0	30	20	0	20
14	Cơ điện tử	10	0	20	20	0	20	15	0	15
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20	18	20	20	15	20	20	12	20
16	Tin học ứng dụng	20	0	0	15	0	15	20	84	20
17	Kế toán	0	0	0	15	0	15	20	0	20
18	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	0	0	20	0	0	0	0	0	0
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	10	8	40	15	0	15	20	5	20
20	Công nghệ kỹ thuật ô tô	10	0	20	15	0	15	20	0	20
21	Tài chính - Ngân hàng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Rèn, Dập	10	0	20	20	0	20	15	0	15
23	Quản trị mạng máy tính	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sư phạm DN & Chuẩn CDNN	400	544		400	873		600	595	
25	Lái xe ô tô B1, B2	920	883		920	732		920	451	
26	CNC và dạy nghề khác	350	147		300	175		200	113	
Tổng cộng		2370	2101	870	2370	2365	750	2520	1741	800
Tỷ lệ (%) so với kế hoạch			88.65	36.71		99.79	31.65		69.09	31.75

Hàng năm nhà trường đều thực hiện báo cáo, đánh giá tổng kết công tác tuyển sinh (1.2.06 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm).

Trường có Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh - Sinh viên thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Tổ chức cho Học sinh - Sinh viên của trường đi thực trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp, tư vấn với thiệu việc làm cho người học..., Thực hiện khảo sát các ngành, nghề của nhà trường để đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ để xác định ngành, nghề của trường đang đào tạo, phối hợp với các công ty, doanh nghiệp để tổ chức tư vấn với thiệu việc làm cho người học. (1.1.06 - Thông báo tuyển dụng lao động của các

doanh nghiệp hàng năm). Thông qua các doanh nghiệp phối hợp với trường trong công tác đào tạo, thông qua sàn giao dịch, tư vấn với thiệu việc làm cho người học. Đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ của trường cụ thể trong từng năm học và mục tiêu chung, thấy rằng các ngành nghề đào tạo của trường bảo đảm đa dạng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành. (1.2.08 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp, sàn giao dịch việc làm trên địa bàn hàng năm).

Hàng năm nhà trường thực hiện khảo sát các ngành, nghề đào tạo của nhà trường để đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ để xác định ngành, nghề của trường đang đào tạo phù hợp với doanh nghiệp đồng thời làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, và tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành và địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công đơn vị phụ trách nghiên cứu, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo đối với các nghề trường được cấp phép đào tạo.. (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của thị trường lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 1.3:** *Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức được phê duyệt nâng cấp từ năm 2006 theo Quyết định thành lập trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006. Trường là đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Bộ Công thương. Để đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức bộ máy quản lý nói chung và cho từng đơn vị phòng, khoa, trung tâm nói riêng theo quy định các chuyên ngành chủ yếu theo nhiệm vụ giao: “Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điện, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật điện tử, Công nghệ thông tin, Kế toán”...; (1.1.01 - Quyết định thành lập trường CDCN Việt Đức Số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006). Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. (1.1.02 - Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức). Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về

chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. (1.1.03 - Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).

Trường đã thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại nghị định số 43/2006/NĐ - CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ đã tạo điều kiện cho nhà trường trong việc quản lý, chi tiêu tài chính, tài sản và kinh phí nhà nước một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ, tiết kiệm, chống lãng phí để đảm bảo yêu cầu hoạt động của trường. Công tác quản lý của trường theo nguyên tắc tập trung dân chủ dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ trường; được rà soát, điều chỉnh định kỳ hàng năm. Các đơn vị trong trường có sự phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, mọi hoạt động đều phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật được thể hiện trong các quyết định.

Trường đã có văn bản điều chỉnh về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, để phù hợp với luật giáo dục nghề nghiệp đã được ra nghị quyết và được Hiệu phê duyệt ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trong điều kiện thực tế. (1.3.01 - Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/1/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.02 - Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; 1.3.03 - Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường CĐCN Việt Đức; 1.3.04 - Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức lao động; 1.3.05 - Quy chế thi đua khen thưởng hàng năm; 1.3.06 - Quy chế phúc lợi hàng năm; 1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm; 1.3.08 - Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm; 1.3.09 - Quy chế quản lý nhân sự; 1.3.10 - Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn). Nội dung các Quy chế thể hiện rõ quyền hạn của lãnh đạo, cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức lao động và trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định đã được ban hành. Các quy chế của trường đảm bảo công khai, dân chủ và khách quan.

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, cho thấy các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đáp ứng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. (1.3.11 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý về các văn bản quy định tổ chức và quản lý theo

hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.4:** *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Các văn bản qui định về tổ chức, cơ chế quản lý của nhà trường được ban hành đầy đủ có hệ thống, có phân công, phân định rõ ràng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong toàn trường. (1.4.01 - Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý ban hành lần trước khi chỉnh sửa của nhà trường (Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức; Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trường CĐCN Việt Đức; Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm; Các quy trình- sổ tay bảo đảm chất lượng...)).

Cơ chế quản lý của trường được căn cứ theo các qui định của pháp luật và Điều lệ của trường, hàng năm đều có rà soát, bổ sung và điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của trường. (1.4.02 - Kế hoạch rà soát văn bản quy định về tổ chức quản lý hàng năm; 1.4.03 - Biên bản họp liên quan đến việc chỉnh sửa văn bản quy định về tổ chức và quản lý hàng năm).

Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường đã ban hành, trong đó một số văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với văn bản cấp trên, định kỳ được lãnh đạo trường rà soát bổ sung, hoàn thiện. (1.4.04 - Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý ban hành lần sau khi chỉnh sửa của nhà trường (Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức; Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trường CĐCN Việt Đức; Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm; Các quy trình bảo đảm chất lượng - Sổ tay bảo đảm chất lượng...)).

Hệ thống các văn bản khác của Trường cũng được thay đổi theo kế hoạch và báo cáo rà soát hàng năm phù hợp với sự thay đổi của văn bản mới và tình hình thực tế của Trường.

Kết quả chỉnh sửa các văn bản chính ngoài các văn bản đã nêu trên:

TT	Tên văn bản	Năm ban hành	Năm sửa đổi, bổ sung	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức	2018	2021	Bổ sung các chính sách ưu tiên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo văn bằng 2 phù hợp với vị trí việc làm theo Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ nội vụ.
2	Quy định về chế độ công tác của giảng viên, giáo viên	2018	2020	Sửa đổi nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà giáo theo Thông tư số 07/2017/TT; Bổ sung chế độ giảm định mức giờ giảng cho GV, GV kiêm công tác Đảng, đoàn thể và chế độ ưu đãi đối với GV, GV làm nghề nặng nhọc độc hại....
3	Quy chế hoạt động khoa học công nghệ	2018		Sửa đổi nội dung quy định rõ hơn về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng dung theo TT số 03/2017/TT-BLĐT BXH.
4	Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ, viên chức quản lý các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng CNVĐ	2019		Theo Quyết định số 5086/QĐ-BCT, ngày 28/12/2016 của Bộ Công Thương
5	Quy chế dân chủ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức	2016		Quy định rõ trách nhiệm của Hiệu trưởng, trách nhiệm của cán bộ, viên chức, mối quan hệ giữa Hiệu trưởng với cơ quan cấp trên và với các đơn vị
6	Quy chế Tổ chức và hoạt động của	2018		Sửa đổi theo Luật giáo dục nghề nghiệp và Thông tư 46 quy định

	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức			về Điều lệ Trường Cao đẳng
7	Quy chế chi tiêu nội bộ	2019	2021	Tăng mức hỗ trợ tuyển sinh; bổ sung định mức ngoài trời đối với giáo viên GDTC...
8	Quy chế thi đua khen thưởng	2019	2020	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật thi đua khen thưởng.
9	Quy chế hoạt động dạy nghề ngắn hạn và thi sát hạch nâng bậc		2020	Bổ sung những quy định về nhiệm vụ, quyền lợi, nghĩa vụ và tổ chức thực hiện dạy nghề ngắn hạn, sát hạch nâng bậc cấp chứng chỉ tại trường CĐCN Việt Đức.
10	Quy chế tiếp công dân	2018		Bổ sung một số quy định, nguyên tắc tiếp công dân theo TT số 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ.

Ngoài ra Trường đã xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; cụ thể đã ban hành tổng số 69 quy trình BĐCL. Năm 2020 trường đã xây dựng và ban hành 35 quy trình; Năm 2021 trường đã xây dựng và ban hành 34 quy trình với các lĩnh vực quản lý, xây dựng mới...; Quyết định số 119^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành và đưa vào sử dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng năm 2021; và sổ tay bảo đảm chất lượng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.5:** *Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định Căn cứ vào Quy chế làm việc được ban hành, các đơn vị trong nhà trường hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp rõ ràng. Trường các đơn vị chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Trường về các hoạt động tại đơn vị mình phụ trách, bảo đảm đúng chủ trương, đúng pháp luật và báo cáo đầy đủ, kịp thời kết quả hoạt động của đơn vị theo kế hoạch học kỳ, năm học.

Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. (1.1.03- Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).

Các nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ lãnh đạo Phòng/Khoa/Trung tâm được thể hiện cụ thể trong quy chế làm việc của Trường, trong từng đơn vị có phân công nhiệm vụ theo vị trí việc làm cho từng người, mỗi người, mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trong lĩnh vực được phân công. (1.5.01- Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương phê duyệt). Trong Ban Giám hiệu có quy định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (1.5.02 - Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu). Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Quyết định ban hành số 219/QĐ-CĐCNCD ngày 02/10/2018 về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức. Hiện nay nhà trường có 07 Phòng chức năng, 04 Khoa đào tạo, 03 Tổ môn và 04 Trung tâm. Chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định cụ thể, rõ ràng.

Điều 26. Các khoa chuyên môn

1. Khoa là đơn vị quản lý chuyên môn trực thuộc Trường, có các nhiệm vụ:

a) Quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học thuộc khoa theo phân công của Hiệu trưởng;

b) Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Xây dựng chương trình đào tạo, mô đun, môn học của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc khoa mình quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu dạy - học theo định hướng phát triển của nhà trường; phát triển chương trình đào tạo, tài liệu

giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

d) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động thuộc khoa;

e) Tổ chức đánh giá giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

g) Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa;

h) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Hiệu trưởng...

Điều 28. Các phòng chức năng

1. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc chủ yếu của trường gồm các phòng: Đào tạo, Tổ chức - hành chính, Quản trị đời sống, Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, Công tác học sinh, sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý thiết bị và thực tập sản xuất, theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

2. Phòng chức năng có Trưởng phòng và có thể có Phó phòng. Trưởng phòng, Phó phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

a) Trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên, riêng Trưởng phòng quản lý đào tạo, Trưởng phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế phải có trình độ thạc sĩ trở lên và có kinh nghiệm quản lý, giảng dạy ít nhất 02 (hai) năm trở lên.

b) Phó phòng là người giúp Trưởng phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phó Trưởng phòng phải có trình độ đại học trở lên. Số lượng Phó Trưởng phòng sẽ được bổ nhiệm tùy theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các đơn vị Phòng, Khoa, Tổ môn và Trung tâm, được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề của nhà trường, chi tiết tới từng nhiệm vụ... (1.3.01- Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CDCN Việt Đức).

Căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại địa phương, trường đã đăng ký hoạt động dạy nghề cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 hệ đào tạo ngắn hạn (Lái xe và sư phạm GDNN). Các ngành, nghề đã được BLĐTBXH phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Quy mô, ngành nghề đào tạo của trường phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất-kinh doanh- dịch vụ, phù hợp với định biên, năng lực của đơn vị... hàng năm nhà trường đều có sự điều chỉnh số lượng tuyển sinh theo ngành nghề đào tạo; địa điểm đào tạo; cả năm Trường đã đạt được quy mô so với số các bộ giáo viên hiện nay, Do tình hình học nghề của Vùng, Tỉnh còn nhiều bất cập, nên Trường mới đạt chỉ tiêu tuyển sinh (70-80%) theo kế hoạch. Từ các số liệu về quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, tổng số lượng Học sinh - Sinh viên thực tuyển 3 năm gần đây và nhu cầu lao động của doanh nghiệp theo bảng tổng hợp đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường. (1.2.05 - Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số người học thực tuyển hàng năm); 1.2.07 - Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp hàng năm).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. (1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.6:** *Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng áp dụng Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 quy định về điều lệ trường Cao đẳng. Nhà trường có đầy đủ các hội đồng, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. (1.6.01 - *Quyết định thành lập các Hội đồng: (Hội đồng trường; Hội đồng tư vấn; Hội đồng nghiên cứu khoa học; Hội đồng tinh giảm biên chế; Hội đồng sát hạch nhà giáo; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng lương, phụ cấp thâm niên nghề; Hội đồng tự kiểm định trường; Hội đồng tuyển sinh...).*

Các hội đồng tư vấn bao gồm: Hội đồng các bộ chủ chốt (thành phần hội đồng Trường); hội đồng tuyển dụng, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng nâng bậc lương, hội đồng thi tốt nghiệp, hội đồng xây dựng chương trình giáo trình, hội thi tốt nghiệp... Hội đồng Trường tuy chưa được Bộ công thương trả lời, nhưng hội đồng tư vấn gồm các bộ chủ chốt đã hoạt động với vai trò như hội đồng Trường trong mọi hoạt động...

Chức năng nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn trường: Quyết nghị về phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của trường, bao gồm: Chiến lược phát triển trường, Điều lệ, quy chế hoạt động của Trường; các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển dài hạn và trung hạn của trường phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp. Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản và phương hướng đầu tư phát triển trường theo quy định của pháp luật: Chi tiêu tài chính, sử dụng cơ sở vật chất, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên. Quyết nghị những vấn đề về tổ chức, nhân sự của nhà trường theo quy định của pháp luật; Nghị quyết như về mức thu học phí, thông qua các quy chế, quy định thực hiện trong năm học, mục tiêu năm học cũng như định hướng lớn của Trường; kiện toàn, bổ sung nhân sự Hội đồng trường tại kỳ rà soát, về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Hội đồng tư vấn Trường hoạt động đúng quy chế, đúng chức năng nhiệm vụ. (1.3.01 - *Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;*

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo (1.5.04 - *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường).*

Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Công tác thi đua, khen thưởng của của nhà trường trong những năm qua tiếp tục được duy trì và có những đổi mới trong công tác chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua. Đảng uỷ, Ban giám hiệu luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao đối với công tác thi đua, khen thưởng; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng. Luôn hưởng ứng, tham gia tích cực các phong trào thi đua do cấp trên phát động.

Công tác khen thưởng có những đổi mới quan trọng, chất lượng bình xét, đề nghị khen thưởng được nâng lên, khắc phục dần những hạn chế trong những năm trước; chú trọng khen thưởng đột xuất cho cán bộ, viên chức và người lao động trực tiếp giảng dạy và làm việc. Hàng năm xây dựng kế hoạch về công tác thi đua theo đúng kế hoạch, có đăng ký thi đua, xét và bình chọn những tập thể cá nhân tiêu biểu trong trường để trình Hiệu trưởng phê duyệt, cấp trên phê duyệt.

Số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến/tổng số cán bộ viên chức; Chiến sĩ thi đua cơ sở/tổng số lao động tiên tiến luôn đảm bảo tỷ lệ theo quy định. (1.6.02 - Quyết định khen thưởng: Bằng khen, giấy khen đối với các cá nhân và đơn vị hàng năm; 1.6.03 - Biên bản thanh tra, kiểm tra).

Bảng tổng hợp kết quả danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể 3 năm gần đây:

TT	DANH HIỆU THI ĐUA CÁ NHÂN									DANH HIỆU THI ĐUA TẬP THỂ								
	Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020			Năm học 2020-2021			Năm học 2018-2019			Năm học 2019-2020			Năm học 2020-2021		
	CS	LĐ	HT	CS	LĐ	HT	CS	LĐ	HT	LĐ	LĐ	HT	LĐ	LĐ	HT	LĐ	LĐ	HT
	TD	TT	NV	TD	TT	NV	TD	TT	NV	XS	TT	NV	XS	TT	NV	XS	TT	NV
	Cơ sở			Cơ sở			Cơ sở											
Tổng	21	146	09	19	130	18	18	132	09	11	05	0	08	06	02	10	05	01

Tập thể nhà trường được công nhận “Tập thể lao động tiên tiến, xuất sắc” nhiều năm liền. Năm 2018 được Bộ Công thương tặng Cờ thi đua xuất sắc; được UBND Tỉnh tặng

Bằng khen. Năm 2020 được Bộ Công thương tặng Cờ thi đua xuất sắc. Năm 2021 được UBND Tỉnh tặng Bằng khen. Các thành viên của các hội đồng nhà trường đều hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đối chiếu với yêu cầu của tiêu chuẩn, Hội đồng Trường đang trình Bộ công thương chưa có quyết định công nhận vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.7:** *Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiện Thông tư số 28/2017/TT- BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN, Trường đã tiến hành xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng gồm: Chính sách chất lượng; Mục tiêu chất lượng cấp trường và cấp đơn vị; Sổ tay chất lượng. Hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc trên các lĩnh vực quản lý, việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trường là cơ hội để trường tiếp cận với mô hình quản lý hiện đại, đề cao vai trò của nhà quản lý, gắn kết sự tham gia của tất cả các thành viên trong trường và giúp giải quyết các vấn đề quản lý một cách đồng bộ, khoa học.

Các quy trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường đã bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động trong nhà trường, trong giải quyết các công việc chuyên môn của trường; các quy trình được cụ thể hoá, xác định rõ trách nhiệm của các Phòng, Khoa, Tổ môn và Trung tâm, cá nhân; từng bước nâng cao năng lực và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

Nhà trường có bộ phận riêng để thực hiện công tác bảo đảm chất lượng hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế được tách từ Phòng đào tạo. (1.7.01 - Quyết định số 178/QĐ-CĐCNCD ngày 10/8/2017 Quyết định về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đơn vị: (Quyết định thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế; 1.7.02 - Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/01/2019 Quyết định về việc ban hành chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các đơn vị (Chức năng, nhiệm vụ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế).

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế theo văn bản trên có Chức năng:

Tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác xây dựng chiến lược phát triển nghiên cứu Khoa học - Hợp tác quốc tế; Kiểm định chất lượng. Quản lý và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế theo quy định. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Nhiệm vụ:

1. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và đào tạo

- Xây dựng chiến lược nghiên cứu khoa học trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường;

- Quản lý và đề xuất kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học, chương trình dự án, sản xuất thử nghiệm;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý theo kế hoạch tiến độ các đề tài nghiên cứu khoa học, chương trình dự án sản xuất thử nghiệm và các kế hoạch ứng dụng, chuyển giao Khoa học - Công nghệ;

- Quản lý chất lượng, tổ chức đánh giá, nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học và các chương trình dự án sản xuất thử nghiệm;

- Tổ chức chuyển giao các tiến bộ Khoa học - Công nghệ vào công tác đào tạo và sản xuất của nhà trường;

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ trong lĩnh vực Nghiên cứu khoa học...

2. Công tác bảo đảm chất lượng

- Xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng trường, các đơn vị trong trường;

- Tổ chức triển khai nội dung và các giải pháp nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục trong nhà trường;

- Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các giải pháp của các bộ phận của nhà trường về công tác bảo đảm chất lượng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phê duyệt.

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng. Nhà trường đã cập nhật bổ sung xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng nội bộ của trường.

(1.7.03 - Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức được Hiệu trưởng phê duyệt;

Để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm trường đều lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường. Qua quá trình tự đánh giá đã góp phần hoàn thiện về mọi mặt và nâng cao chất lượng thương hiệu đào tạo của nhà trường. (1.7.04 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm).

Nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng và ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2021 ban hành với số lượng 34 quy trình mới, về các lĩnh vực quản lý, xây dựng... (1.7.05- Kế hoạch số 03/KH-CĐCNVD ngày 03/01/2021; Về việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Trường hàng năm; 1.7.06 - Quyết định và danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm; 1.7.07 - Quyết định số 119^a/QĐ-CĐCNVD ngày 12 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành và đưa vào sử dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng năm 2021).

Toàn bộ các tài liệu bảo đảm chất lượng của Trường đều được số hóa và đăng tải trên trang Website của trường: trung.vietducthainguyen.edu.vn

Hiện nay tổng số quy trình của trường đã được xây dựng và đưa vào vận hành là 69 quy trình. Việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường là nhằm đưa mọi hoạt động của trường vào một hệ thống quản lý có trật tự và khoa học hơn, giải quyết được các vấn đề trong tổ chức một cách logic và hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời giúp nhà trường khẳng định được thương hiệu và uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của cả nước.

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo (1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường).

Hàng năm trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định, có báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng nhà trường. (1.7.08 - Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng Trường hàng năm). Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, về xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng của trường. (1.7.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.8:** Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định: Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế được tách từ Phòng đào tạo theo Quyết định số 178/QĐ-CĐCNCD ngày 10/8/2017. Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế có 04 viên chức; trong đó có 02 viên chức phụ trách công tác bảo đảm chất lượng của trường; có 01 viên chức phụ trách công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. và 01 Trưởng phòng quản lý chung trong các lĩnh vực. (1.7.01 - Quyết định số 178/QĐ-CĐCNCD ngày 10/8/2017 Quyết định về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đơn vị: (Quyết định thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế; 1.7.02 - Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/01/2019 Quyết định về việc ban hành chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các đơn vị (Chức năng, nhiệm vụ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế). Trong những năm qua bộ phận phụ trách công tác đảm bảo chất lượng đã tổ chức, làm tốt công tác tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo, các nghề trọng điểm của trường. Kết quả tự đánh giá cho thấy công tác tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo luôn đạt từ 90 điểm trở lên.

Năm 2020 trường thực hiện đánh giá ngoài chất lượng trường và chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng:

Kết quả đánh giá chất lượng cơ sở GDNN đạt 88/100 điểm. Quyết định số 31/QĐ-VĐTPTNL ngày 22 tháng 2 năm 2021 Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng đạt 86/100 điểm. Quyết định số 29/QĐ-VĐTPTNL ngày 22 tháng 2 năm 2021 Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo.

Kết quả được công bố công khai trong toàn trường và trên trang Website: truongvietducthainguyen.edu.vn

Hàng năm trường đều lập kế hoạch và triển khai kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định. (1.7.05- Kế hoạch số 03/KH-CĐCNVD ngày 03/01/2021; Về việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Trường hàng năm). Việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường là nhằm đưa mọi hoạt động của Trường vào một hệ thống quản lý có trật tự và khoa học hơn, giải quyết được các vấn đề trong tổ chức một cách logic và hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời giúp nhà trường khẳng định được thương hiệu và uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của cả nước. Năm 2021 nhà trường tiếp tục triển khai

xây dựng và ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng với số lượng 34 quy trình mới, đủ các lĩnh vực quản lý... (1.7.07 - Quyết định số 119^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành và đưa vào sử dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng năm 2021; 1.8.01 - Báo cáo tổng kết về xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường hàng năm).

Đề từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm trường đều lập kế hoạch, quyết định thành lập hội đồng và báo cáo tự đánh giá chất lượng trường. Qua quá trình tự đánh giá đã góp phần hoàn thiện về mọi mặt và nâng cao chất lượng thương hiệu đào tạo của nhà trường. (1.7.04 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm; 1.7.06 - Quyết định và danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm; 1.8.02 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường hàng năm).

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng năm được rà soát và điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Hàng năm đều được lập kế hoạch, quyết định thành lập hội đồng và báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (1.8.03 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm; 1.8.04 - Quyết định và danh sách hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm; 1.8.05 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm). Toàn bộ các tài liệu bảo đảm chất lượng của trường đều được số hóa và đăng tải trên trang Website của trường: trungvietducthainguyen.edu.vn (1.8.06 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường và chương trình đào tạo được đăng tải trên Website: trungvietducthainguyen.edu.vn).

Với thành tích trên Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế và các cá nhân luôn hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong các năm gần đây: Năm học 2018 - 2019 Tổ công đoàn Phòng QLKH&HTQT được tặng Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn công thương Việt Nam (Quyết định số 261/QĐ-CĐCT ngày 16/10/2019);

Năm học 2019 - 2020 Phòng QLKH&HTQT được tặng Bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công thương (Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 19/11/2020).

100% viên chức lao động đạt lao động tiên tiến, lao động xuất sắc, trong đó: Có 01 đồng chí viên chức là trưởng phòng (Đ/c Lê Xuân Đạt liên tục 3 năm liền đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở); Chiến sĩ thi đua cấp Bộ.

Hàng năm Phòng luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, VCLĐ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế được đánh giá tốt thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học của đơn vị. (1.8.07 - Báo cáo tổng kết năm học của Phòng quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế).

Hàng năm, Trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng trường theo quy định, có báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng nhà trường hàng năm (1.7.08 - Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng hàng năm).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm; 1.8.08 - Hồ sơ thi đua khen thưởng của Phòng quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế hàng năm).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, về công tác đảm bảo chất lượng nhà trường. (1.8.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác đảm bảo chất lượng hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 1: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 1.9:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức trực thuộc Thành ủy Sông Công được thành lập từ 2006. Đảng bộ trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức gồm có 13 Chi bộ, hiện tại có 129 Đảng viên trong đó Đảng viên là các cán bộ quản lý và các nhà giáo chiếm trên 90%. Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã bầu đồng chí Nguyễn Đức Sinh Hiệu trưởng là Bí thư đảng ủy nhà trường; đồng chí Hoàng Văn Thái Phó hiệu Trưởng là Phó bí thư đảng ủy. Tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ nhà trường luôn đoàn kết thống nhất cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị nhà trường. (1.9.01 - Quyết định về việc chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ Trường CĐCN Việt Đức; Quyết định về việc chuẩn y chức danh cấp ủy).

Đảng bộ trường thực hiện tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng cụ thể:

- Lãnh đạo công tác cán bộ, công tác tổ chức bộ máy.
- Chỉ đạo bằng nghị quyết trên các lĩnh vực hoạt động chính quyền, đoàn thể...
- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra Đảng viên của mình quản lý trong việc thực hiện nghị quyết.

Mấy năm gần đây mặc dù gặp nhiều khó khăn về công tác tuyển sinh, về tài chính, dịch Covid 19 nhưng Ban Thường vụ Đảng ủy nhà trường đã chủ động, sáng tạo tranh thủ sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo Thành ủy Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên, của Bộ Công Thương và Tổng cục GDNN, với phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ lãnh đạo các tổ

chức đoàn thể trong hệ thống chính trị nhà trường từng bước tháo gỡ khó khăn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống quan liêu, tham nhũng, do vậy các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ nhà trường đề ra và đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. (1.9.02 - Các văn bản hoạt động của Đảng Ủy trường; 1.9.03 - Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác Đảng của Đảng bộ trường CDCN Việt Đức và các Chi bộ hằng năm).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX của nhà trường, trong những năm vừa qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Công Thương và, Thành uỷ Sông Công, BCH Đảng bộ nhà trường đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng Điều lệ, quy định của Hiến pháp và pháp luật, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo CB, VCLĐ trong toàn trường nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, phát huy dân chủ, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt kết quả toàn diện trên các mặt công tác.

Xuất phát từ tình hình thực tế, Đảng bộ trường đã kiện toàn lại cơ cấu tổ chức các chi bộ trực thuộc Đảng bộ nhà trường hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, giữ vai trò lãnh đạo bằng các Nghị quyết, chỉ đạo toàn trường hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ như: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo theo tiêu chuẩn, đúng quy hoạch, quy trình, công khai, dân chủ và khách quan...; chỉ đạo Công tác kiểm tra, giám sát hàng năm theo kế hoạch... Đặc biệt mấy năm gần đây mặc dù gặp nhiều khó khăn về công tác tuyển sinh, về tài chính, dịch Covid 19 nhưng Ban Thường vụ Đảng uỷ đã chủ động, sáng tạo tranh thủ sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo Thành uỷ Sông Công - Tỉnh Thái Nguyên, của Bộ Công Thương và Tổng cục GDNN, với phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị nhà trường từng bước tháo gỡ khó khăn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống quan liêu, tham nhũng, do vậy các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ nhà trường đề ra đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả lãnh đạo của Đảng bộ thể hiện qua sự ghi nhận của Đảng và chính quyền trong những năm qua. Với những nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giảng viên, giáo viên và học sinh, sinh viên; Nhà trường đã vinh dự được tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập hạng Nhì, hạng Ba.
- Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì; 02 Huân chương Lao động hạng Ba.
- Huân chương Chiến công hạng Ba.

Cùng hàng trăm Cờ, Bằng khen, Huy chương các loại của Chính phủ và các Bộ, Ngành, tỉnh Thái Nguyên trao tặng.

- Nhà trường có 11 nhà giáo được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu “Nhà giáo Ưu tú” và nhiều nhà giáo được công nhận “Giáo viên dạy giỏi Toàn quốc” và hàng trăm lượt “Giáo viên dạy giỏi” cấp Tỉnh, cấp Bộ...

Đảng bộ Trường liên tục được Thành ủy Sông công đánh giá và công nhận là Đảng bộ hoàn tốt nhiên vụ. (1.9.04 - *Các quyết định công nhận tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và các quyết định khen thưởng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hàng năm*).

BCH Đảng uỷ đã chỉ đạo các Chi bộ đổi mới nội dung sinh hoạt, thực hiện sinh hoạt theo chuyên đề, ra nghị quyết về lãnh đạo công tác chuyên môn. Kết quả cho thấy: 100% Đảng viên của Trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 15% - 20% Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được thể hiện qua báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường.

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, về tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; (1.9.05 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường hàng năm. (đối với chi bộ, Đảng bộ)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 1: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 1.10:** *Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức với các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban Nữ công, Hội khuyến học...; Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trường, Đoàn thể cấp trên, các đoàn thể chính trị xã hội của trường đã đi vào hoạt động theo điều lệ, có quy chế riêng của từng tổ chức. Quá trình hoạt động đều có kế hoạch, tổng kết báo cáo đúng quy định, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. (1.10.01 - *Quyết định thành lập; Quy chế hoạt động; Kế hoạch, Chương trình hành động; Các quyết định khen thưởng; Các hình ảnh hoạt động phong trào; Báo cáo tổng kết đối với các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ)*).

Trong quá trình hoạt động của Đoàn thanh niên, Công đoàn và Ban nữ công...; luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ, đạt hiệu quả thiết thực:

Tổ chức tuyên truyền giáo dục, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng thiện... theo sự chỉ đạo và chương trình của đoàn thể cấp trên và đảng bộ trường.

Tổ chức các phong trào nhất là tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút được đông đảo đoàn viên tham gia, hàng năm tổ chức 2 đến 3 đợt vào những ngày lễ lớn của đất nước, ngày kỷ niệm nhà trường...

Công đoàn tổ chức tốt “Phong trào 3 tốt” (Thi đua dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt...), phong trào “xanh - sạch - đẹp”... phong trào “Giỏi việc nước, Đảm việc nhà” đối với nữ công, phong trào học tập suốt đời, phong trào nghiên cứu khoa học... “ học tập vì ngày mai lập nghiệp”...

Theo kế hoạch hàng năm, Công đoàn và Ban Nữ công trường đã tham gia tích cực vào nhiều lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như soạn thảo, xây dựng các loại quy chế, quy định quản lý điều hành nhằm đảm bảo quyền lợi CB, VCLĐ theo luật, đặc biệt là quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế dân chủ, phối hợp tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức lao động hàng năm. Giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và giải quyết chế độ chính sách đối với CB, VCLĐ nhà trường, đồng thời trực tiếp chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp người lao động, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hi trong đội ngũ CB, VCLĐ trong nhà trường. Tặng quà cho các cháu ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 và tết trung thu. Tổ chức nhiều phong trào tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách đối với CB, VCLĐ không may mắc bệnh hiểm nghèo: Quyên góp ủng hộ đoàn viên công đoàn gặp hoàn cảnh khó và đồng bào bị thiên tai lũ lụt một ngày lương. Hàng năm tổ chức du lịch hè, tổ chức cho nữ công đi thăm quan du lịch, tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tổ chức gặp mặt nhân dịp ngày 20/10...

Bằng những nỗ lực phấn đấu hoạt động tích cực, Công đoàn nhà trường được tặng bằng khen của Công đoàn công thương Việt Nam năm 2017, 2019; Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam năm 2018, và nhiều năm liền đạt danh hiệu tổ chức công đoàn trong sạch vững mạnh...

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã thu hút trên 90% HS-SV học tập tại Nhà trường tham gia như: Phong trào “xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ tổ quốc”, Phong trào thấp sáng đường quê; phong trào đồng hành cùng thanh niên lập nghiệp, phong trào hiến máu tình nguyện vì cộng đồng, phong trào thể dục thể thao, Đặc biệt đoàn mỗi năm tổ chức 2 đến 3 đợt giảng dạy kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm... Hàng năm Ban chấp hành đoàn thanh niên nhà trường phát động phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, tham gia làm các đề tài, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tới toàn thể cán bộ, giáo viên là đoàn viên thanh niên nhà trường. Thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, như: 03/02; 26/3; 30/4; 01/05; 19/5; 02/9; 20/11...; cho hàng trăm đoàn viên thanh niên. Tổ chức cho đoàn viên nhà trường đến thăm hỏi tặng quà

động viên những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người già cô đơn không nơi nương tựa trên địa bàn nhân dịp lễ, tết. Phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào hiến máu nhân đạo thu hút đoàn viên, CB, VCLĐ của Trường tham gia. Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp trên 1.000 lượt ĐVTN của Thành phố Sông Công và các tỉnh lân cận, các trường THCS tuyên truyền tư vấn về nghề nghiệp và việc làm cho thanh niên. Tích cực tham gia hội Trại thanh niên tại Lễ hội với đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của ban tổ chức.

Thực hiện tốt việc phối hợp với các đơn vị đoàn bạn do Thành Đoàn phân công để thực hiện các công trình thấp sáng đường quê, với tổng giá trị tiền hàng chục triệu đồng. trong năm học 2020 - 2021. BCH đoàn trường kêu gọi sự chung tay ủng hộ của cán bộ, công nhân viên chức lao động và toàn thể học sinh, sinh viên trong toàn trường bằng tình cảm và vật chất đã quyên góp, ủng hộ em đang theo học tại trường có hoàn cảnh khó khăn để em có thể tiếp tục theo học. Đoàn thanh niên nhà trường, đã được BCH tỉnh Đoàn tặng Bằng khen và Trung ương Đoàn tặng Cờ thi đua năm 2019; Bằng khen đơn vị thi xuất sắc năm 2020...

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. *(1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).*

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, học sinh, sinh viên về đoàn thể của nhà trường. *(1.10.02 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động của các tổ chức đoàn thể, xã hội trong Trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 1: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 1.11:** *Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá các hoạt động của Trường được giao cho từng đơn vị, hội đồng cụ thể như:

- Ban thanh tra nhân dân nhà trường, tiến hành kiểm tra, xác minh vụ việc theo nghị quyết của Hội nghị viên chức, Ban chấp hành công đoàn nhà trường quyết định, Hiệu trưởng yêu cầu hoặc khi phát hiện những dấu hiệu vi phạm có liên quan đến thực hiện chế

độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, hoặc vi phạm quy chế... Ban Thanh tra nhân dân do Hội nghị CB, VCLĐ bầu ra được Ban Thường vụ Công đoàn Trường ra quyết định công nhận theo nhiệm kỳ.

- Hội đồng sát hạch giáo viên kiểm tra, đánh giá chất lượng, dạy và học của nhà giáo.

- Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế: Tham mưu xây dựng kế hoạch tổ chức tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo, đặc biệt là các nghề trọng điểm; phối hợp xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng tổ chức thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Kiểm tra, giám sát công tác tự đánh giá chất lượng của các đơn vị trong toàn trường;

- Phòng đào tạo tổ chức giám sát, kiểm tra thực hiện tiến độ, kế hoạch, chương trình...; dự giờ, hội giảng. kiểm tra, giám sát công tác an toàn, vệ sinh lao động... trên cơ sở mục tiêu chương trình, mục tiêu môn học, mục tiêu bài học và chuẩn đầu ra;

- Phòng Quản lý thiết bị và thực tập sản xuất quản trị giám sát công tác vệ sinh môi trường, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động; công tác cung cấp vật tư, thiết bị; kiểm tra việc thực hiện sử dụng thiết bị, vật tư, phôi liệu...

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại theo phân cấp quản lý; kiểm tra, các quy chế chung; nền nếp của Trường...

- Phòng Công tác học sinh, sinh viên: Kiểm tra, giám sát thực hiện nội quy, quy chế công tác học sinh, sinh viên, Quản lý học sinh, sinh viên ngoại trú, nội trú theo các quy định hiện hành.

- Các đơn vị có kế hoạch và thực hiện tự kiểm tra trong đơn vị, phối hợp với các bộ phận thanh, kiểm tra, sát hạch... để thực hiện công tác kiểm tra sát hạch khi liên quan đến đơn vị mình.

- Phòng Tài chính - Kế toán chủ trì công việc tự kiểm tra tài chính theo thông tư Bộ tài chính số 61/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017. Chú trọng tự kiểm tra việc thu, chi theo kế hoạch hàng năm, quyết toán năm tài chính và lưu trữ sổ sách tài chính hàng năm.

Để triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ các đơn vị đều có xây dựng ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, nội dung kiểm tra, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất trong từng thời gian, có báo cáo kịp phục. Công tác thanh, kiểm tra các mặt hoạt động được báo cáo với Ban Giám hiệu sau mỗi đợt kiểm tra và báo cáo tại hội nghị tổng kết năm. Các kết quả thanh, kiểm tra các mặt hoạt động của trường nhằm mục đích xác định các tồn tại, hạn chế, bắt cập tìm phương hướng giải quyết, kịp thời điều chỉnh, từ đó

nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, hiệu quả công việc, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Nhờ có việc thực hiện tốt công tác kiểm tra các hoạt động nên trường đã có môi trường sư phạm, môi trường văn hóa tốt, góp phần nâng cao chất lượng, ổn định và phát triển trường. (1.11.01 - Quy định về công tác kiểm tra giám sát).

Công tác kiểm tra thanh tra đào tạo được chú trọng kiểm tra thường xuyên, giám sát tập trung chủ yếu vào việc kiểm tra về nề nếp đào tạo, giám sát quy chế đào tạo, hồ sơ giảng dạy của giáo viên...

Riêng công tác đánh giá nội bộ đối với hệ thống bảo đảm chất lượng do Phòng Quản lý Khoa học và hợp tác Quốc tế phụ trách, tự đánh giá chất lượng, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Thông qua những hoạt động kiểm tra, giám sát đi vào nề nếp, góp phần nâng cao chất lượng, ổn định và phát triển chung của nhà trường. (1.11.02 - Kế hoạch, biên bản, báo cáo tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát hàng năm (công tác Đào tạo, công tác quản lý người học, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi bộ Đảng, Công tác bảo đảm chất lượng...));

Hàng năm nhà trường thành lập Hội đồng sát hạch nhà giáo kiểm tra, đánh giá chất lượng, dạy và học của nhà giáo. (1.11.03 - Kế hoạch, kết quả sát hạch trình độ đội ngũ hàng năm).

* Kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng, dạy và học của nhà giáo 3 gần đây:

- Năm học 2018 - 2019 tổng số có 76 giáo viên (loại giỏi có 42; loại khá có 27, loại trung bình có 3, không đạt 04);

- Năm học 2019 - 2020 tổng số có 72 giáo viên (loại giỏi có 39; loại khá có 27, loại trung bình có 04, không đạt 02);

- Năm học 2020 - 2021 tổng số có 71 giáo viên (loại giỏi có 34; loại khá có 32, loại trung bình có 03, Không xếp loại 02). Đối với giáo viên không đạt đều có kế hoạch tự bồi dưỡng và sát hạch lại, bị hạ thi đua và hệ số thưởng hàng năm.

Quá trình kiểm tra giám sát có tổng kết, đánh giá, rà soát phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát hằng năm. Qua đó Nhà trường đã có những cải tiến quan trọng như: Kiểm tra đột xuất giờ giảng của giáo viên, thay đổi, bổ sung nội dung trong phiếu dự giờ và biên bản dự giờ đánh giá bài giảng; tăng số lần kiểm tra, nội dung trong biên bản kiểm tra nhiều hơn so với năm trước; Thay đổi thời gian, đối tượng kiểm tra, công cụ kiểm tra... Phối hợp cán bộ kiểm tra của Phòng đào tạo, bổ sung quy chế quy định cho phù hợp đảm bảo khách quan, trung thực, đưa công nghệ mới vào kiểm tra giám sát như Camera...; Hiện nay Trường có Camera tham gia vào việc kiểm tra việc chấp hành nề nếp ở một số vị trí phù hợp của

trường. Hoặc thay đổi sát hạch khối viên chức lao động hàng năm bằng thực hiện các đề tài khoa học, xây dựng các quy trình...; đưa các quy trình bảo đảm chất lượng vào hoạt động.

Để nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị trong toàn trường, hàng tuần Trường tổ chức họp giao ban cán bộ lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng quản lý trong các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. (1.11.04 - Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt).

Nhằm đảm bảo tính khách quan minh bạch trong công tác kiểm tra, giám sát; Nhà trường xây dựng quy định về việc xử lý vi phạm, bên cạnh đó tăng cường, đổi mới hình thức và cách thức kiểm tra trên cơ sở các quy chế, quy định chức năng, nhiệm vụ các Phòng, Khoa, Trung tâm, Tổ môn, nhiệm vụ cho từng năm học của nhà trường để điều chỉnh kế hoạch kiểm tra. Thông qua công tác thanh, kiểm tra kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, qua đó nâng cao trách nhiệm người cán bộ, nhà giáo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của trường. (1.11.05 - Các văn bản điều chỉnh).

Hàng năm Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo về phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát (1.11.06 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 1: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 1.12:** Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo. Thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho học sinh, sinh viên học nghề Hàn, Cắt gọt kim loại; rèn dập...giảm 70% học phí, do đặc thù của nghề độc hại. Hệ trung cấp 9/12 được miễn giảm 100% học phí. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn, Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định như: Thông báo, Quyết định, danh sách các đối tượng thuộc diện ưu đãi và được hưởng chế độ miễn giảm học phí. Hàng năm, các Báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của nhà trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. (1.12.01 - Các văn bản quy định về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học; (Quyết định miễn,

giảm học phí hàng năm; Quyết định cấp học bổng hàng năm...; 1.12.02 - Quyết định, Danh sách người học thuộc đối tượng ưu tiên: Họ và tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm).

Nhà trường đã ban hành các nội quy, quy định nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của HS-SV học tập tại trường cũng như trong ký túc xá của trường. (1.12.03 - *Nội quy ký túc xá Nhà trường*).

Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNH nhà trường được cấp, hàng năm nhà trường triển khai thông báo tuyển sinh cho các cấp trình độ. (1.2.03 - *Thông báo tuyển sinh hàng năm*).

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. Quyết định số 11/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/01/2020 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. (1.3.07 - *Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm*) Cụ thể: Đối với chế độ học tập ngắn hạn: Hỗ trợ kinh phí đào tạo, tiền ăn, nghỉ, tàu xe đi và về, tiền tài liệu; đối với học tập dài hạn: Được thanh toán học phí đào tạo, giữ nguyên lương và phần lương tăng thêm hàng tháng, trợ cấp tiền thuê nhà, mua tài liệu học tập, tiền tàu xe, đối với viên chức học cao học, đi học theo quy hoạch...

Đối với đào tạo tiến sĩ nhà trường hỗ trợ học phí từ 15 triệu đến 18 triệu đồng và 50.000.000 bảo vệ luận án tiến sĩ.

Nghề nặng nhọc, độc hại được giảm trừ 1 giờ/ tuần giảng dạy.

Nhà trường đã thực hiện tốt các chế độ ưu đãi đối với nhà giáo như chế độ phụ cấp ưu đãi nhà giáo, Phụ cấp thâm niên nghề; có chính sách khuyến khích bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý về tin học, ngoại ngữ và kỹ năng nghề, được cộng thêm hệ số lương tăng thêm hàng tháng...; (1.12.04 - *Bảng lương hàng tháng của CB, CNVC, người lao động của nhà Trường hàng năm của từng đơn vị*).

Việc thực hiện chính sách bình đẳng giới được lồng ghép vào các quy chế làm việc, chế độ làm việc của nhà giáo như: Không phân công nhà giáo là nữ có con nhỏ dưới 36 tháng phụ trách các xưởng thực hành có sử dụng nhiều hóa chất, độc hại, việc nghỉ thai sản, miễn giảm giờ giảng cho nhà giáo khi có con nhỏ, có diện tích phòng chuẩn bị, sinh hoạt; được hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định...

Trường có quy định về chế độ, chính sách bình đẳng giới đảm bảo cho cả nam, nữ bình đẳng về trách nhiệm, quyền lợi chung. Hàng năm nhà trường cử một số cán bộ, giáo viên nữ đi học tập, tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, bổ nhiệm,

bố trí sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ nữ đủ tiêu chuẩn giữ các chức vụ trong Đảng, chính quyền và đoàn thể của trường nhằm mục tiêu xây dựng người phụ nữ Việt Nam “Có tri thức, có sức khoẻ, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu”. Hiện nay số cán bộ quản lý của trường có 7/21 cán bộ quản lý và giữ các vị trí quan trọng của Nhà trường ở các đơn vị như: Tổ chức, Đào tạo, Khoa Điện Điện tử - Điện lạnh, Khoa Khoa học Cơ bản, Thanh tra nhân dân...; trong cấp ủy, đảng ủy Trường số lượng nữ 2/11, trong đó Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng phòng tổ chức hành chính cán bộ là nữ. Qua quá trình công tác nhận thấy các chị em phụ nữ đã khẳng định được vị thế của mình, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển trường.

Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ Hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...; Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. (1.12.05 - Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; 1.12.06 - Chương trình hành động vì sự tiến bộ phụ nữ; 1.12.07 - Quy chế hỗ trợ, quy chế chi tiêu của Công đoàn Trường; 1.12.08 - Báo cáo tổng kết công tác bình đẳng giới hàng năm).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước. (1.12.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; bình đẳng giới hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 1: 1 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

*** Mở đầu:**

Hoạt động đào tạo là một trong những hoạt động chính của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy hoạt động đào tạo được nhà trường quan tâm chỉ đạo sâu sát và có các định hướng phù hợp, đúng quy định nhằm đưa hoạt động đào tạo của trường ngày càng đạt chất lượng, khẳng định được vị thế của nhà trường trong địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, đảm bảo đúng quy chế.

Trong hoạt động tổ chức đào tạo nghề, nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, với phương thức đào tạo dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng nhu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...

Nhà trường đã có chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học/mô-đun. Cùng với việc xây dựng chương trình và đào tạo các nghề... nhà trường còn trú trọng đầu tư vào các ngành nghề đào tạo, đặc biệt đầu tư chiều sâu vào các nghề trọng điểm.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng lao động.

Trong những năm gần đây, Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích cán bộ, nhà giáo tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và đã có những kết quả ban đầu trong việc nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy. Chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ trong khu vực và quốc tế.

** Những điểm mạnh:*

Là trường công lập trong hệ thống các cơ sở GDNN, trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức luôn thực hiện công tác dạy và học nghiêm túc, hiệu quả. Các hoạt động dạy và học được thực hiện theo nội dung, chương trình đã được phê duyệt, có tiếp thu các thông tin phản hồi đa chiều nhằm kịp thời điều chỉnh hợp lý nhưng vẫn đảm bảo tốt nội dung, mục tiêu, chương trình đào tạo; đã ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để HS-SV và xã hội biết;

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo và được thực hiện nghiêm túc, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Các Khoa chuyên môn luôn phối hợp chặt chẽ với phòng Đào tạo để xây dựng thời khóa biểu, phân công giáo viên giảng dạy, lập kế hoạch cấp vật tư học tập để bảo đảm tiến độ và chất lượng trong dạy học. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện đa dạng hóa các ngành nghề và phương thức, tổ chức đào tạo như: Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo thuộc lĩnh vực (Điện, Cơ khí, Công nghệ ô tô, Kính tế, Dịch vụ ...);

Phương thức đào tạo đa dạng, linh hoạt theo hướng mở (đào tạo theo niên chế và theo phương thức tích lũy mô đun); Tổ chức đào tạo đa dạng, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên kết.

Hàng năm, nhà trường tổ chức có nề nếp hoạt động hội giảng giáo viên cấp khoa, cấp trường và tích cực tham gia hội giảng cấp tỉnh, cấp Quốc gia đạt giải cao, tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi, trau dồi kinh nghiệm giảng dạy, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy. Mở lớp tại chỗ hoặc cử giáo viên đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng nghề nghiệp.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học, mô đun.

Nhà trường coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao. Đồng thời quan tâm tạo điều kiện và cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên học tập, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật...

** Những tồn tại:*

Hợp tác với các trường Đại học, Cao đẳng nước ngoài còn hạn chế;

Đào tạo liên thông các ngành, nghề trong Nhà trường còn hạn chế.

Cải tạo phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trên cơ sở các thế mạnh đã đạt được nhà trường tiếp tục phấn đấu thực hiện tốt công tác tuyển sinh cho từng năm học đạt chỉ tiêu được giao, đề ra các giải pháp thực hiện tốt đa dạng hóa các ngành nghề, phương thức tổ chức đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo các lớp chất lượng cao hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17 điểm	16 điểm

<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

*** Tiêu chuẩn 2.1:** Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức thuộc Bộ Công thương, trường thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho ngành và nhu cầu sử dụng lao động của địa phương, Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức hiện đang đào tạo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp, với 19 chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, 18 chương trình đào tạo hệ Trung cấp. Các ngành, nghề đào tạo của trường đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận của Tổng cục GDNN. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHH-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, hiện nay Nhà trường đã xây dựng và đưa vào áp dụng chuẩn đầu ra cho 100% chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được nhà trường xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Trường đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-CĐCNVĐ ngày 29/11/2017, V/v Ban hành Chuẩn đầu ra cho các ngành/nghề trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Chuẩn đầu ra được xây dựng đúng theo quy định đảm bảo nội dung: Giới thiệu chung về ngành nghề; kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm; vị trí việc làm sau tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ. (2.1.01 - *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho các ngành/nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp*; 2.1.02 - *Bộ chuẩn đầu ra tương ứng cho các ngành/nghề*). Chuẩn đầu ra do nhà trường ban hành có khối lượng kiến thức và yêu cầu năng lực đạt được sau khi tốt nghiệp bằng khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu năng lực đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng của từng ngành nghề mà BLĐTBXH đã ban hành sau năm 2017.

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*; (2.1.04 - *Bộ chuẩn đầu ra được đăng tải trên Website: trungvietducthainguyen.edu.vn*

Hàng năm, nhà trường tổ chức thu thập ý kiến đánh giá về chuẩn đầu ra, sau khi có kế hoạch nhà trường đã xây dựng phiếu khảo sát và thực hiện khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh - sinh viên chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo (2.1.05 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.2:** *Trường ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức thực hiện công tác tuyển sinh hệ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp theo đúng quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015, thông tư 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 quy định về đào tạo trình độ Sơ cấp; Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo trình độ liên thông. Căn cứ theo Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ Trung cấp, Cao đẳng; Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 05/2017/TT-

BLĐTBOXH; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Dựa theo các căn cứ này nhà trường đã ban hành quy chế, quy định trong công tác tuyển sinh phù hợp với năng lực nhà trường, sát với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành và địa phương cũng như nhu cầu của xã hội (2.2.01 - Quy chế tuyển sinh hằng năm).

Quy chế tuyển sinh thể hiện đầy đủ các nội dung: Thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh; các chính sách ưu tiên; Hồ sơ và thủ tục đăng ký dự tuyển vào trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, tổ chức phúc tra, xác định kết quả trúng tuyển, triệu tập học sinh trúng tuyển, kiểm tra kết quả xét tuyển và hồ sơ của thí sinh trúng tuyển, xử lý thông tin phản ánh vi phạm Quy chế tuyển sinh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.3:** *Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm căn cứ vào dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, của ngành và địa phương. Nhà trường thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh. Trên cơ sở kết quả khảo sát và Chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN nhà trường thực hiện đăng ký chỉ tiêu đào tạo với Bộ Công thương (2.3.01 - Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm). Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh đồng thời có văn bản hướng dẫn tuyển sinh đến các đơn vị trong toàn trường; (1.2.04 - Kế hoạch tuyển sinh hằng năm). Mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường trong những năm qua được công bố công khai trên website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến rộng rãi đến người học tư vấn tuyển sinh. (1.1.07 - Thông báo tuyển sinh hàng năm trên Website; Pano - áp phích, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...). Hàng năm, nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh (2.3.02 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hằng năm). Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh, phát tờ rơi, thông báo tuyển sinh trên Website của trường.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh nhà trường đã tiến hành họp nhằm tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học tiếp theo. Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng

tuyển sinh đúng theo quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan, trong nhiều năm trở lại đây không có đơn thư khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh của nhà trường. (2.3.03 - *Biên bản họp hội đồng tuyển sinh*).

Nhà trường tổ chức thu hồ sơ đăng ký dự tuyển tại trường trực tiếp từ thí sinh hoặc qua đường Bru điện, từ các trung tâm... Danh sách thí sinh dự tuyển được lập theo từng nghề học với các thông tin cần thiết cho việc xét tuyển. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, Hội đồng tuyển sinh, dự kiến điểm xét tuyển và duyệt danh sách trúng tuyển (2.3.04 - *Hồ sơ đăng ký dự tuyển (theo quy định)*). Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại trường (2.3.05 - *Danh sách xét tuyển, trúng tuyển hàng năm*). Hội đồng tuyển sinh của trường tổ chức xét tuyển, kết quả trúng tuyển theo tiêu chí lấy từ cao tới thấp, Hiệu trưởng xét duyệt danh sách và gửi giấy báo trúng tuyển. Học sinh trúng tuyển nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bu điện, học sinh nhập học và có quyết định mở lớp (2.3.06 - *Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo)*). Kết quả cho thấy công tác tuyển sinh diễn ra công khai, đối tượng tuyển sinh đúng theo quy định, khi xét tuyển đảm bảo tính công bằng, khách quan, trong nhiều năm trở lại đây không có đơn thư khiếu nại liên quan đến công tác tuyển sinh của nhà trường. (2.3.07 - *Các văn bản, báo cáo gửi bộ, ngành, sở về công tác tuyển sinh hàng năm*; (1.2.06 - *Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm*; (2.3.08 - *Báo cáo công tác thanh tra về tuyển sinh hàng năm*).

Hàng năm nhà trường tổ chức thu thập ý kiến đánh giá về công tác tuyển sinh qua phiếu khảo sát của HS-SV, nhà giáo, cán bộ quản lý kết quả cho thấy HS-SV được cung cấp đầy đủ các thông tin về chế độ chính sách, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học, công tác tuyển sinh của Nhà trường được thực hiện theo quy định. (2.3.09 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tuyển sinh hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)*).

Nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tổ chức tư vấn với thiệu việc làm; Luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. (1.1.06 - *Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm*).

Hàng năm nhà trường thực hiện khảo sát các ngành, nghề đào tạo của nhà trường để đánh giá nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ để xác định ngành, nghề của trường đang đào tạo phù hợp với doanh nghiệp đồng thời làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm, và tổ chức thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu phát

triển của ngành và địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công đơn vị phụ trách nghiên cứu, phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo đối với các nghề trường được cấp phép đào tạo.. (1.2.09 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của thị trường lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.4:** *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đã thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của người học. Cụ thể, nhà trường đang đào tạo 3 cấp trình độ Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp trong đó: có 19 nghề trình độ cao đẳng, 18 nghề trình độ trung cấp và 02 nghề trình độ sơ cấp, chủ trương đa dạng hoá được thể hiện trong Chiến lược phát triển trường.

Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. (1.1.03 - Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức; 1.3.01 - Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/1/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).

Hiện nay, nhà trường đang sử dụng 2 phương thức tổ chức đào tạo đó là: Theo tín chỉ và theo phương thức tích lũy mô đun, các nghề thực hiện hai phương thức đào tạo tín chỉ và tích lũy môn học - mô đun theo quyết định số 161/QĐ-CĐCNVD ngày 01 tháng 7 năm 2018 được Hiệu trưởng phê duyệt. (2.4.01 - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, hình thức và phương thức đào tạo. Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm... Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh

doanh của doanh nghiệp. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*; 2.3.06 - *Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo)*).

Để thực hiện tốt đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, hàng năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên về phương thức đào tạo của trường. (2.4.03 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.5:** *Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết cho từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức hiện đang đào tạo nghề ở 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp nghề. Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khóa học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, hình thức và phương thức đào tạo. Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm... Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. (2.3.06 - *Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo)*; (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*; 2.5.01 - *Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*).

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*);

Hàng năm các đơn vị đào tạo đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. (2.5.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.6:** *Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức hiện đang đào tạo nghề ở 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp nghề. 100% các nghề đào tạo của trường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*; 2.5.01 - *Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*).

Hàng năm các đơn vị đào tạo đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo*).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đã ban hành và sử dụng hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng đúng quy định.

Để giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả, trường thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác đào tạo như kiểm tra hồ sơ sư phạm của nhà giáo, trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, bộ phận thanh tra đào tạo kiểm tra và đánh giá việc thực hiện giảng dạy của từng nhà giáo. Kết quả kiểm tra được báo cáo lãnh đạo nhà trường và thông báo tới Tổ môn trên cơ sở đó có ý kiến chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở nhà giáo chưa chấp hành nghiêm túc quy chế, nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng đào tạo đồng thời kết quả thanh kiểm tra cũng là một chỉ tiêu để bình xét thi đua đối với nhà giáo hằng năm. (2.6.01 - *Hồ sơ sư phạm nhà giáo*). Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. (2.6.02 - *Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học*; 2.6.03 - *Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.7:** *Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*).

Nhà trường đã liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp đưa HS-SV đi thực tập, trải nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (2.7.01 - *Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm*). Căn cứ chương trình đào tạo, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đưa người học đi thực tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp, đồng thời cử giáo viên tham gia hướng dẫn và quản lý suốt thời gian thực tập sản xuất...; (2.7.02 - *Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp*; 2.7.03 - *Quyết định, danh sách người học đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp*; 2.7.04 - *Quyết định, danh sách giáo viên hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp*).

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập theo đề cương đã lập. Kết thúc đợt thực tập HS-SV viết báo cáo, đơn vị sử dụng lao động xác nhận đánh giá kết quả thực hành, thực tập với từng HS-SV. (2.7.05 - *Sổ nhật ký thực tập*; 2.7.06 - *Báo cáo thực tập*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.8:** *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức và phương pháp dạy học tích cực khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học, cụ thể: Chỉ đạo các khoa chuyên môn xây dựng giáo án tích hợp, nhà giáo sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học tổ chức học tập theo nhóm, lấy người học làm trung tâm. Sử dụng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả các trang thiết bị và phương tiện dạy học. Đội ngũ giáo viên của trường thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức dạy học, thực hiện đầy đủ các biểu mẫu của Bộ LĐTBXH và nhà trường quy định. Các khoa chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy của giáo viên đảm bảo nhà giáo giảng dạy theo đúng mục tiêu của chương trình đào tạo thông qua việc quản lý Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên, Giáo án được phê duyệt trước khi lên lớp. (2.8.01 - *Sổ lên lớp*; 2.8.02 - *Sổ tay giáo viên*; 2.8.03 - *Giáo án lên lớp của giáo viên*; 2.8.04 - *Bài giảng điện tử theo từng môn học - mô đun*; 2.8.05 - *Phiếu dự giờ của nhà giáo*). Hàng năm trường thực hiện sát hạch nhà giáo định kỳ; Hội giảng nhà giáo, dự giờ thường xuyên, đột xuất để đánh giá bài giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy và đánh giá phương pháp đào tạo (2.8.06 - *Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch, Hội giảng hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến HS-SV và nhà giáo về chất lượng và phương pháp đào tạo. (2.8.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm năm hàng năm).

Kết quả cho khảo sát cho thấy 100% ý kiến của HS-SV, nhà giáo đánh giá các tiêu chí đạt yêu cầu và cho rằng phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.9:** Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học như: Số hóa các nội dung bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; quay các video clip thực hành kỹ năng làm phương tiện giảng dạy của các Khoa, Tổ môn và cho người học tham khảo thêm trong quá trình hình thành kỹ năng; mô phỏng hóa các kỹ năng...; Nhà trường đã nâng cấp, hoàn thiện lắp đặt và đưa vào sử dụng mạng nội bộ, nâng cấp website, xây dựng cơ sở dữ liệu sử dụng phần mềm trong quản lý đào tạo (2.9.01 - Phần mềm quản lý đào tạo).

Nhà trường đang sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng điện tử, mô phỏng, lập trình trong giảng dạy và một số phần mềm hữu ích khác như: Phần mềm mô phỏng động cơ đốt trong, phần mềm thiết kế mô phỏng PLC, phần mềm mô phỏng Misa, các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử và các phần mềm dựng phim, nhạc..., việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học là một việc không thể thiếu trong tình hình hiện nay. (2.9.02 - Bài giảng điện tử theo từng môn học - mô đun).

Việc xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng trường là nhằm đưa mọi hoạt động của Trường vào một hệ thống quản lý có trật tự và khoa học hơn, giải quyết được các vấn đề trong tổ chức một cách logic và hiệu quả, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời giúp nhà trường khẳng định được thương hiệu và uy tín trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp của cả nước. Năm 2021 nhà trường tiếp tục triển khai xây dựng và ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng với số lượng 34 quy trình mới, đủ các lĩnh vực, trong đó có một số quy trình áp dụng trong đào tạo, quản lý như: (2.9.03 - Phần mềm tích hợp tính năng

quản lý hồ sơ nhập học của người học vào phần mềm tuyển sinh của trường; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, lưu trữ dữ liệu người học sau khi tốt nghiệp)...

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HS-SV, nhà giáo về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy và học. (2.9.04 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo khảo sát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học năm*).

Nhà trường đã đầu tư lắp đặt phần mềm quản lý đào tạo song thời gian sử dụng lâu ngày hiện nay phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường hỏng không hoạt động, giáo viên và học sinh không có tài khoản để truy cập. Phần mềm quản lý đào tạo không có hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động đào tạo, vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.10:** *Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác đào tạo như bồi dưỡng sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo...; quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, sau mỗi kỳ kiểm tra đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đều đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như chất lượng đào tạo của trường. Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có các kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. (2.8.06 - *Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch, Hội giảng hàng năm; 2.10.01 - Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo hàng năm (sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp...)*).

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Phòng đào tạo có bộ phận thực hiện nhiệm vụ công tác thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. (2.6.02 - *Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học*).

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. (2.10.02 - *Kế hoạch, báo*

cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; 2.10.03 - Kế hoạch quý của nhà trường và đơn vị).

Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.11:** *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, nhà trường đều tổ chức hội nghị về đổi mới phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, từ đó đưa ra được những phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc điểm của các môn học - môn học cũng như phù hợp với từng đối tượng người học. Trường rất coi trọng việc đánh giá đúng, chính xác kết quả học tập của người học, bởi việc đánh giá đúng kết quả học tập giúp cho việc phân loại người học, chất lượng nhà giáo chính xác và là cơ sở cho việc thực hiện điều chỉnh phương pháp giảng dạy trong nhà trường. Ban Giám hiệu nhà trường đã xác định, để đánh giá đúng kết quả học tập của người học cần phải thực sự nghiêm túc trong tổ chức coi thi, chấm thi quy trình kiểm tra đánh giá và đi đôi với đổi mới phương pháp dạy học.

Nhà trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác đào tạo như bồi dưỡng sát hạch trình độ nhà giáo, kiểm tra hồ sơ nhà giáo...; Hàng năm Thanh tra Phòng đào tạo thực hiện từ 450 đến 560 lượt kiểm tra việc thực hiện chức nghiệp giáo viên, quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, sau mỗi kỳ kiểm tra đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đều đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như chất lượng đào tạo của trường. Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có các kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. (2.8.06 - Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch, Hội giảng hàng năm; 2.10.01 - Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo hàng năm (sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp...)). Trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. (2.10.02 - Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về hoạt động kiểm tra, giám sát trong dạy và học. Kết quả cho thấy các ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý đánh giá về mức độ đạt yêu cầu và thực hiện tốt trong hoạt động dạy và học. Có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. (2.11.01 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động kiểm tra, giám sát trong dạy và học (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.12:** Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐT&XH ngày 13/3/2017 Quy định về đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng; Thông tư 42/2015/TT-BLĐT&XH ngày 20/10/2015 Quy định về đào tạo trình độ Sơ cấp; Thông tư 10/2017/TT-BLĐT&XH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Thông tư 17/2017/TT-BLĐT&XH ngày 30/6/2017 quy định về đánh giá điểm rèn luyện với HS-SV, Nhà trường đã cụ thể hoá và ban hành đầy đủ Quy chế đào tạo; Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng cao đẳng, trung cấp và mẫu phôi chứng chỉ; Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Quy chế Công tác HS-SV...

Hiện nay trường đang sử dụng 2 phương thức tổ chức đào tạo đó là: Theo tín chỉ và theo phương thức tích lũy mô đun, các nghề thực hiện hai phương thức đào tạo tín chỉ và tích lũy môn học - mô đun theo quyết định số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được Hiệu trưởng phê duyệt (2.4.01 - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Trường đã ban hành quyết định số 26a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 22/01/2018 và Quyết định số 189/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12/8/2019 phê duyệt mẫu văn bằng, chứng chỉ (2.12.01 Quyết định phê duyệt mẫu văn bằng chứng chỉ). Để tổ chức thi tốt nghiệp kết thúc khoá học Trường đã ban hành Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp (2.12.02 - Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp). Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.13:** *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm. Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghề đào tạo của trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu của người học, xã hội. Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/ngành thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHH-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập. Trong quá trình HS-SV thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, giáo viên hướng dẫn thường xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức hướng dẫn, đánh giá quá trình thực tập. Kết thúc đợt thực tập các đơn vị sử dụng lao động có xác nhận đánh giá kết quả thực tập đối với từng HS-SV. (2.13.01 - Danh sách các doanh nghiệp có người học của trường đến làm việc).

Nhà trường đã liên kết với các cơ quan, doanh nghiệp đưa HS-SV đi thực tập, trải nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (2.7.01 - Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm). Căn cứ chương trình đào tạo, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đưa người học đi thực tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp, đồng thời cử giáo viên tham gia hướng dẫn và quản lý suốt thời gian thực tập sản xuất...; (2.7.02 - Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp; 2.7.03 - Quyết định, danh sách người học đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; 2.7.04 - Quyết định, danh sách giáo viên hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp).

Trường đã ban hành quyết định số 26a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 22/01/2018 và Quyết định số 189/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12/8/2019 phê duyệt mẫu văn bằng, chứng chỉ (2.12.01 Quyết định phê duyệt mẫu văn bằng chứng chỉ). Để tổ chức thi tốt nghiệp kết thúc khoá học Trường đã ban hành Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp (2.12.02 - Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp). Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.14:** *Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy chế và tổ chức thực hiện nghiêm túc các Quy chế trong quản lý đào tạo như: Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp; Quy chế Công tác HS-SV; Quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Cùng với quá trình đánh giá kết quả học tập của HS-SV, việc đánh giá kết quả rèn luyện của HS-SV sau mỗi kỳ học được Nhà trường giao cho Phòng đào tạo, các Khoa chuyên môn, Tổ môn và Trung tâm; Các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng Thông tư 17/2017/TT-BLĐT&XH ngày 30/6/2017 ban hành về Quy chế công tác HS-SV.

Hiện nay việc đánh giá của nhà trường thực hiện như sau: Giáo viên chủ nhiệm tổ chức họp lớp để phổ biến các tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện, nhận xét ưu khuyết điểm, thông báo số ngày vắng học và vi phạm khuyết điểm của từng học sinh - sinh viên (nếu có), HS-SV trong lớp nhận xét với từng học sinh - sinh viên. Sau đó HS-SV trong lớp tự đánh giá, giáo viên chủ nhiệm xem xét chấm điểm và công bố trước lớp. Kết quả đánh giá điểm rèn luyện của HS-SV các lớp được Trưởng khoa ký duyệt và trình lên Hội đồng nhà trường.

Hiện nay trường đang sử dụng 2 phương thức tổ chức đào tạo đó là: Theo tín chỉ và theo phương thức tích lũy mô đun, các nghề thực hiện hai phương thức đào tạo tín chỉ và tích lũy môn học - mô đun theo quyết định số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được Hiệu trưởng phê duyệt (2.4.01 - *Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp*). Để tổ chức thi tốt nghiệp kết thúc khóa học Trường đã ban hành Quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp (2.12.02 - *Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp*). Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Ngoài ra việc lưu trữ các thông tin tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định. Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ của người học được lưu trữ tại Phòng đào tạo, hàng năm đều có báo cáo tổng kết khóa học, việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ và các biên bản kiểm tra (2.14.01 - *Báo cáo tổng kết khóa học hàng năm*; 2.14.012 - *Báo cáo về cấp phát văn bằng, chứng chỉ năm hàng năm*; 2.14.03 - *Các văn bản, biên bản kết luận*

thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 2.15:** Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường cao đẳng Công nghệ Việt Đức đã xây dựng và ban hành quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Hàng năm nhà trường thường xuyên rà soát các quy chế, quy định trong việc thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định và luôn đảm bảo nghiêm túc, khách quan. Để thực hiện việc rà soát hàng năm trường đã xây dựng kế hoạch rà soát và báo cáo kết quả rà soát (2.15.01 - Kế hoạch rà soát và báo cáo kết quả sau rà soát; (Các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ); (2.15.02 - Các văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ). Việc lưu trữ các thông tin tốt nghiệp được nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định. Sở cấp phát văn bằng chứng chỉ của người học được lưu trữ tại Phòng đào tạo, hàng năm đều có báo cáo tổng kết khóa học, việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ và các biên bản kiểm tra (2.14.03 - Các văn bản, biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan). Kết quả việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được họp thông qua hội nghị giao ban trường (1.11.04 - Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt). Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ (2.15.03 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về các quy định về kiểm tra,

thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.16:** *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trên cơ sở các quy định tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, trường đã ban hành quy chế đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của trường, trong đó quy định rõ mục đích, đối tượng, điều kiện học liên thông, tuyển sinh đào tạo liên thông, thời gian đào tạo, nhiệm vụ của trường trong việc tổ chức đào tạo liên thông.

Nhà trường đã xây dựng văn bản quy định về tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành, các văn bản hướng dẫn về đào tạo liên thông đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành. Có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng đối với những ngành, nghề đào tạo liên thông. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Trường có đầy đủ các văn bản qui định về đào tạo liên thông. Các chương trình đào tạo đã được triển khai xây dựng và thẩm định theo đúng qui định. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo về công tác đào tạo liên thông. (2.16.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông, Chương trình đào tạo liên thông các ngành/ngành; 2.16.02 - Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông; 2.16.03 - Kế hoạch đào tạo liên thông; 2.16.04 - Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông). Quá trình thực hiện đào tạo liên thông của nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập nâng cao trình độ cho người học, có đầy đủ chương trình đào tạo liên thông theo quy định.

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về thực hiện đào tạo liên thông (2.16.05 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 2.17:** *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý gồm có: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện. Các dữ liệu về hoạt động đào tạo được lưu trữ tại đơn vị Phòng đào tạo, đồng thời Nhà trường có ký Hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên viễn thông quốc tế FPT lưu trữ cơ sở dữ liệu trên mạng internet.

Các văn bản qui định về sử dụng dữ liệu trong hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý được lưu trữ tại Phòng đào tạo, văn thư, thư viện. Dữ liệu được lưu trữ trên máy tính và các bản in, được tổ chức quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả.

Hiện nay trường đang sử dụng 2 phương thức tổ chức đào tạo đó là: theo tín chỉ và tích lũy môn học - mô đun Quyết định số 161/QĐ-CĐCNVĐ ngày 01 tháng 7 năm 2018 được Hiệu trưởng phê duyệt (*2.4.01 - Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp*). Để lưu trữ và quản lý dữ liệu hiệu quả theo quy định, nhà trường đã ban hành quy chế công tác văn thư lưu trữ, từ đó làm cơ sở để thực hiện lưu trữ cơ sở dữ liệu (*2.17.01 - Quy chế công tác văn thư, lưu trữ*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo (*1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường*). Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (*1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý (*2.17.02 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

*** Mở đầu:**

Nhà trường có văn bản quy định tuyển dụng viên chức lao động, ký hợp đồng làm việc của viên chức, văn bản quy định về công tác bổ nhiệm, quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo và công tác đánh giá phân loại. Việc tuyển dụng viên chức lao động được thực hiện đúng quy trình, quy định.

Trường có chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học...

*** Những điểm mạnh:**

Trường có đội ngũ nhà giáo trẻ, nhiệt huyết tích cực tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ.

Trường tranh thủ được nguồn kinh phí đáng kể từ cơ quan chủ quản giành cho việc đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, phấn đấu cho mục tiêu dài hạn là nâng cao trình độ nhà giáo đạt chuẩn trường chất lượng cao trong tương lai.

*** Những tồn tại:**

Một số nhà giáo của trường chưa đạt chuẩn về kỹ năng nghề (ví dụ nghề Kế toán, giáo viên kiêm nhiệm), một nhà giáo chưa đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm.

Đa số nhà giáo của trường chưa được đi tham gia học tập nâng cao trình độ tại doanh nghiệp.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, thi chứng chỉ kỹ năng nghề Quốc gia cho nhà giáo;

Lập kế hoạch để nhà giáo của trường được đi tham gia học tập nâng cao trình độ tại doanh nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	15 điểm	13 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

*** Tiêu chuẩn 3.1:** *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ quyết định 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường CĐCN Việt Đức. Thông tư số 15/2012/TT-BNV của bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức, trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng quản lý viên chức và lao động hợp đồng. Quy chế đã cụ thể hóa nguyên tắc và điều kiện tuyển dụng; phương thức và hình thức cũng như quy trình tuyển dụng; các chính sách ưu tiên với người có công và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao; hợp đồng lao động và các chính sách cũng như nghĩa vụ của người lao động được tuyển dụng.

Trường đã có văn bản đề nghị điều chỉnh về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức, để phù hợp với luật giáo dục nghề nghiệp đã được hội đồng nhà trường ra nghị quyết và được Hiệu phê duyệt ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trong điều kiện thực tế. (1.3.01 - *Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/1/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức*).

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, thường xuyên công khai minh bạch trong Hội nghị công chức, viên chức người lao động hằng năm. (3.1.01 - *Quy chế tuyển dụng viên chức*).

Công tác Quy hoạch đội ngũ cán bộ đã được nhà trường quy định tại Quyết định số 11/QĐ-CĐCNVĐ ngày 09/01/2017 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức về ban hành Quy chế

quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Trường. (3.1.02 - Quy chế quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Trường đã ban hành quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trên cơ sở cụ thể hóa nghị định 101/2017/NĐ-BNV và thông tư số 01/2018/TT-BNV hướng dẫn một số điều của nghị định 101/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trong đó nhấn mạnh việc nhà trường khuyến khích CB, VCLĐ học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tính công khai minh bạch của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; điều kiện trách nhiệm cũng như quyền lợi được hưởng khi được cử đi đào tạo bồi dưỡng (1.3.02 - Quyết định số 91/QĐ – CDCNVĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức).

Công tác đánh giá xếp loại: Nhà trường có quy chế đánh giá, xếp loại cán bộ, nhà giáo, viên chức người lao động hàng năm được nhà trường ban hành trên cơ sở cụ thể hóa các Nghị định 56/2015 và 88/2017 của chính phủ cũng như các văn bản hướng dẫn của cơ quan chủ quản là bộ Công thương trong đó quy định các tiêu chuẩn và tiêu chí khác nhau với nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức hay lao động hợp đồng.

Quy chế cũng bao gồm các biểu mẫu, quy trình đánh giá, xếp loại và trách nhiệm của các cá nhân bộ phận liên quan để đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch. (1.3.04 - Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức lao động).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.2:** Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đã xây dựng và ban hành các quy định tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, được công khai minh bạch trong Hội nghị công chức, viên chức người lao động. Nhà trường cũng ban hành những cơ chế chính sách động viên nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt trong việc chủ động đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực của người học.

Hàng năm nhà trường có kế hoạch và tổ chức cho đội ngũ cán bộ, viên chức người lao động được cử đi học tập, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ...; (3.2.01 - Kế hoạch học tập, bồi

đường nâng cao trình độ viên chức lao động hàng năm; 3.2.02 - Các Quyết định cử viên chức lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm).

Trường đã xây dựng và ban hành các quy định tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, thường xuyên công khai minh bạch trong Hội nghị công chức, viên chức người lao động hằng năm. Từ năm 2019 đến 2021 trường chỉ tuyển dụng 02 viên chức là lao động hợp đồng, được điều chuyển từ các đơn vị khác trong trường (Bộ Công Thương cho phép các đơn vị tuyển viên chức lao động). (3.2.03 - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động được tuyển dụng; Quy hoạch; Bồi dưỡng... hàng năm).*

DANH SÁCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2020

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vụ trí việc làm	Đơn vị tuyển dụng	Ngày TD và bổ nhiệm ngạch VC
1	Nguyễn Việt Nam	16/2/1981	Quản trị xây dựng	Phòng QTĐS	19/5/2020
2	Hoàng Điệp	27/1/1980	Kế toán tài chính	Phòng TC-KT	20/5/2000

Hàng năm các đơn vị trong trường đều có báo cáo tổng kết năm học tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động, (3.2.04 - *Báo cáo về biên chế, quy hoạch và đánh giá viên chức của trường hằng năm; (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).*

Căn cứ quyết định 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường CĐCN Việt Đức. Thông tư số 15/2012/TT-BNV của bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức, trường đã ban hành Quy chế tuyển dụng, sử dụng quản lý viên chức và lao động hợp đồng. Quy chế đã cụ thể hóa nguyên tắc và điều kiện tuyển dụng; phương thức và hình thức cũng như quy trình tuyển dụng; các chính sách ưu tiên với người có công và đội ngũ chuyên gia có trình độ cao; hợp đồng lao động và các chính sách cũng như nghĩa vụ của người lao động được tuyển dụng.

Trường đã xây dựng và ban hành các quy định tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, có kế hoạch tuyển dụng, và công khai minh bạch trong Hội nghị công chức, viên chức người lao động hằng năm. (3.2.05 - *Nghị quyết về việc tuyển dụng viên chức hàng năm;*

(3.2.06 - Kế hoạch; Thông báo tuyển dụng viên chức; (3.2.07 - Hồ sơ tuyển dụng viên chức; 3.2.08 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; (3.2.09 - Hình ảnh thông báo tuyển dụng tại bảng tin; Hình ảnh đăng tải trên website; 3.2.10 - Quyết định về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức; 3.2.11 - Báo cáo kết quả xét tuyển viên chức hàng năm).

Công tác quy hoạch, trường đã căn cứ vào chiến lược phát triển, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công Thương, quy mô đào tạo và các yêu cầu thực tiễn, Trường tiến hành thông báo tới các đơn vị thuộc trường, rà soát cán bộ, điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp. (3.2.12 - Công văn hướng dẫn, triển khai công tác rà soát, quy hoạch cán bộ của Bộ Công thương hàng năm; 3.2.13 - Thông báo của Trường CDCN Việt Đức về việc thực hiện công tác rà soát, quy hoạch cán bộ các đơn vị và nhà trường hàng năm; 3.2.14 - Danh sách quy hoạch cán bộ hàng năm; 3.2.15 - Báo cáo công tác quy hoạch cán bộ hàng năm; 3.2.16 - Biên bản họp Đảng ủy về công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ hàng năm).

DANH SÁCH (QUẢN LÝ) ĐIỀU ĐỘNG BỔ NHIỆM CÁN BỘ 3 NĂM GẦN ĐÂY

TT	Họ và tên	Đơn vị cũ	Đơn vị được điều động bổ nhiệm	Chức vụ	Điều động, Bổ nhiệm
I	Năm 2019				
1	Đỗ Khắc Nguyên	Phòng QTĐS	Phòng QTĐS	Trưởng phòng	Bổ nhiệm
2	Nguyễn Văn Thanh	Khoa CK-CG-KC	Khoa CK-CG-KC	P.Trưởng khoa	Bổ nhiệm
3	Đào Ngọc Quý	Khoa CK-CG-KC	TTĐT& Sát hạch nghề LX ô tô	P.Trưởng TT	Điều động, bổ nhiệm
II	Năm 2020				
1	Nguyễn Thanh hà	Khoa KHCB	Khoa KHCB	P.Trưởng khoa	Bổ nhiệm
III	Năm 2021				
1	Hoàng Đại Thắng	Phòng Đào tạo	Trung tâm HTDN và hỗ trợ HS,SV	Giám đốc TT	Điều động, bổ nhiệm
2	Lý Quang Đại	Phòng Đào tạo	Trung tâm thực hành CN ô tô Việt Đức	Giám đốc TT	Điều động, bổ nhiệm

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động, đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. (3.2.17 - *Kết quả phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm*; 3.2.18 - *Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm*; 3.2.19 - *Thông báo kế hoạch bình xét thi đua khen thưởng năm học hàng năm*).

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. Quyết định số 11/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/01/2020 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. (1.3.07 - *Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm*; 1.12.05 - *Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*).

Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...

Chế độ phụ cấp thâm niên; chế độ nâng lương trước thời hạn được Quy định tại Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, trước kỳ hạn; nâng phụ cấp thâm niên, vượt khung được ban hành tại Bộ Quy chế nội bộ theo Quyết định số 11/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/01/2020 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

Chế độ cho nhà giáo, viên chức tham gia học Thạc sỹ, Tiến sỹ; thực hiện các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm; chuyển giao công nghệ; thiết kế thiết bị, mô hình dạy học tự làm; có các bài báo khoa học được giảm trừ định mức giảng dạy hoặc tùy theo từng mức khen thưởng cụ thể của Hiệu trưởng được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có quy định chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên.

Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. (3.2.20 - *Danh sách công chức, viên chức, người lao động được tăng lương, phụ cấp thâm niên nhà giáo hàng năm*; 3.2.21 - *Danh sách CBVC-NLĐ được tăng lương trước thời hạn các năm*; 3.2.22 - *Danh sách công chức, viên chức, người lao động được hưởng chế độ ốm đau*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. (3.2.23 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức thực*

hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hàng năm).

Việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động đảm bảo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.3:** *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ nhà giáo của trường đến thời điểm hiện tại là 138 CB, VCLĐ; Trong đó đội ngũ giáo viên là: 104. Cơ hữu 92; Thỉnh giảng 12; Trình độ đào tạo Tiến sĩ 01, Thạc sĩ 63, Đại học 37, Trung cấp 03. Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức có chức năng vừa dạy nghề vừa dạy văn hóa hệ Giáo dục thường xuyên, ngoài ra còn đào tạo nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; Sơ cấp nghề lái xe ô tô hạng B1,B2 nên một số giảng viên, giáo viên dạy lý thuyết cơ sở, dạy các môn văn hóa, dạy sơ cấp nghề lái xe ô tô không bắt buộc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. (trong đó: 20 giảng viên lý thuyết, 15 giảng viên dạy các môn văn hóa; 05 giảng viên dạy nghiệp vụ sư phạm; 11 giáo viên dạy sơ cấp nghề lái xe ô tô).

Hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy 100% nhà giáo dạy sơ cấp có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp chuyên nghiệp trở lên; 100% nhà giáo dạy Trung cấp và Cao đẳng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm kỹ thuật trở lên, chuyên ngành phù hợp với nghề giảng dạy; 100% nhà giáo đạt chuẩn về năng lực sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định. (3.3.01 - Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...).

Nhà trường hàng năm đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động và đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. (3.3.02 - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm).

Hàng năm trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo (3.3.03 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo).

Hiện tại nhà trường còn 48 nhà giáo chưa đủ chứng chỉ kỹ năng nghề;

Vậy đối chiếu với quy định Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH thì tính đến tháng 12/2021 có 58/92 nhà giáo có trình độ kỹ năng nghề, do đó trường mới đảm bảo được 52%; vì vậy Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.4:** *Nhà giáo cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường CD Công nghiệp Việt Đức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định về Quy chế tổ chức, hoạt động; Quy chế quản lý nhân sự (trong đó có quy định về giờ giấc làm việc; các nội quy, quy chế...); Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế nâng lương; Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô; Quy chế làm việc của giảng viên. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị (1.1.03 - *Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức*). Ngoài ra, trường còn ban hành các nội quy, quy định quản lý trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Nội quy trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức, Nội quy quản lý phòng học lý thuyết, Nội quy quản lý xưởng thực tập, nội quy các phòng học chuyên môn, ký túc xá, nội quy thư viện, nội quy phòng thường trực bảo vệ, nội quy phòng làm việc, nội quy phòng họp, nội quy phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, quy định thời gian làm việc, giảng dạy và học tập.. (3.4.01 - *Nội quy Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức*);

Hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy 100% nhà giáo dạy sơ cấp có bằng tốt nghiệp trung cấp, trung cấp chuyên nghiệp trở lên; 100% nhà giáo dạy trung cấp và Cao đẳng có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm kỹ thuật trở lên, chuyên ngành phù hợp với nghề giảng dạy; 100% nhà giáo đạt chuẩn về năng lực sư phạm, kỹ năng nghề theo quy định. Hồ sơ đánh giá, phân loại viên chức hàng năm thì 100% nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường đều thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, không vi phạm nội quy, quy định của trường. (3.3.01 - *Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...*; (3.4.02 - *Danh sách trích ngang viên chức lao động của trường, (họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...)*);

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức việc đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động. Đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo. (3.2.17 - *Kết quả*

phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm; 3.4.03 - Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.9.12 - Thông báo kế hoạch bình xét thi đua khen thưởng hàng năm; 3.4.04 - Kết quả bình xét thi đua khen thưởng hàng năm). Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. Quyết định số 11/QĐ-CĐCNVD ngày 02/01/2020 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường. (1.3.07 - *Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm*). Trường còn ban hành các nội quy, quy định quản lý trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Nội quy Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức, Nội quy quản lý phòng học lý thuyết, Nội quy quản lý xưởng thực tập, nội quy các phòng học chuyên môn, ký túc xá, nội quy thư viện, nội quy phòng thường trực bảo vệ, nội quy phòng làm việc, nội quy phòng họp, nội quy phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa, quy định thời gian làm việc, giảng dạy và học tập...; (3.4.05 - *Nội quy lớp học, xưởng thực hành, ký túc xá...*).

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Tổ môn, Trung tâm. Phòng đào tạo có bộ phận thanh tra đào tạo trong đó có nội dung quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học do thanh tra đào tạo thực hiện. nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo đề ra. (3.4.06 - *Hồ sơ hoạt động của Ban thanh tra đào tạo hàng năm*). Bên cạnh đó, nhà trường có thành lập Ban thanh tra nhân dân để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, các quy định, quy chế khác trong trường. (3.4.07 - *Hồ sơ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân hàng năm*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.5:** *Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ nhà giáo của nhà trường đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, đảm bảo được tất cả các môn học - mô đun nghề. Có đủ số lượng nhà giáo đứng lớp giảng dạy (Theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN), đảm bảo tỷ lệ học sinh/nhà giáo theo quy định. Các nghề đào tạo của trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và

nhu cầu của người học, xã hội. Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019; (3.5.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...).

Định mức giờ giảng của nhà giáo được xây dựng cụ thể, có chế tài hợp lý và phù hợp với quy định chung, cụ thể nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi số lượng nhà giáo/học sinh. (3.5.02 - Bảng thống kê số lượng cán bộ nhà giáo quy đổi hàng năm; (3.5.03 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo hàng năm; 3.5.04 - Bảng tổng hợp quy đổi người học/nhà giáo theo từng ngành/nghề đào tạo hàng năm).

BẢNG TỔNG HỢP QUY ĐỔI NHÀ GIÁO/ HỌC SINH 3 NĂM GẦN ĐÂY

- Năm 2019

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi	Tỉ lệ quy đổi GV/HS
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Cắt gọt kim loại	38	10	48	40,9	980.8	1/24
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	14	11	25	17,2	239.1	1/13,9
3	Công nghệ ô tô	4	14	18	8,1	113.9	1/14,1
4	Kế toán	3	6	9	4,7	4.4	1/0,9
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	3	6	9	4,7	16.8	1/3,6
	Tổng cộng	62	47	109	75,6	1355	1/17,9

- Năm 2020

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi đến tháng 08/2020	Tỉ lệ quy đổi GV/HS đến 08/2020
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Cắt gọt kim loại	30	10	40	32,9	568.6	1/17,3
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	12	11	23	15,2	227	1/14,9
3	Công nghệ ô tô	8	12	20	11,5	114	1/9,9
4	Kế toán	1	6	7	2,7	4	1/1,5
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	3	6	9	3,7	4.4	1/1,2
	Tổng cộng	54	45	99	66	918	1/13,9

- Năm 2021

TT	Ngành, nghề/ Nhóm ngành, nghề	GV Cơ hữu	GV Thỉnh giảng/ kiêm nhiệm	Tổng số Giáo viên	Tổng số Giáo viên sau quy đổi	HS-SV quy đổi đến tháng 11/2021	Tỉ lệ quy đổi GV/HS đến 11/2021
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Điện công nghiệp; Điện dân dụng; Điện tử công nghiệp	14	04	18	14,63	307	1/20,9
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Cắt gọt kim loại	29	05	34	29,78	574,6	1/19,2
3	Tin học ứng dụng, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	03	04	07	3,63	44,7	1/12,3
4	Công nghệ ô tô	08	12	20	9,88	133,9	1/14,5
	Tổng cộng	54	25	79	58	1060,2	1/18,3

Như vậy tất cả các nghề có tỷ lệ học sinh quy đổi đảm bảo tỉ lệ không quá 25 học sinh/01 giáo viên, trong phạm vi cho phép.

Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...; Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. (1.12.05 - *Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*).

Hội đồng tuyển sinh của trường tổ chức xét tuyển, kết quả trúng tuyển theo tiêu chí lấy từ cao tới thấp, Hiệu trưởng xét duyệt danh sách và gửi giấy báo trúng tuyển. Học sinh trúng tuyển nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện, học sinh nhập học và có quyết định mở lớp (2.3.06 - *Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo)*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*; 2.5.01 - *Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*).

Hàng năm các đơn vị đào tạo đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo*; 3.5.05 - *Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, giáo viên chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...)*).

Danh sách nhà giáo được thanh toán tiền vượt giờ hàng năm của nhà giáo, được nhà trường chi trả đúng quy định. (3.5.06 - *Bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền vượt giờ hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.6:** Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ nhà giáo của trường (bao gồm nhà giáo cơ hữu, thỉnh giảng; giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn), đáp ứng đủ về số

lượng và chất lượng, đảm bảo được tất cả các môn học - mô đun. Có đủ số lượng nhà giáo đứng lớp giảng dạy (Theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN). (3.5.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...*). Hàng năm các đơn vị đào tạo đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt (2.5.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo*).

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*;

Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, hình thức và phương thức đào tạo. Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm... Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*).

Đội ngũ giáo viên của trường thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức dạy học, thực hiện đầy đủ các biểu mẫu của Bộ LĐTBXH và nhà trường quy định. Các khoa chịu trách nhiệm về nội dung giảng dạy của giáo viên đảm bảo nhà giáo giảng dạy theo đúng mục tiêu của chương trình đào tạo thông qua việc quản lý Sổ lên lớp, Sổ tay giáo viên, Giáo án được phê duyệt trước khi lên lớp... (2.8.01 - *Sổ lên lớp*; 2.8.02 - *Sổ tay giáo viên*; 2.8.03 - *Giáo án lên lớp của giáo viên*; 3.6.01 - *Lịch công tác tuần của nhà giáo*).

Nhà trường có kế hoạch đào tạo cho từng nghề chi tiết đến từng môn học, mô đun, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập nghề nghiệp. Thời khoá biểu được các đơn vị đào tạo lập theo từng tuần cho các môn học - mô đun. (2.5.01 - *Thời khoá biểu cho từng môn học, mô đun*). Hàng năm trường thực hiện sát hạch nhà giáo định kỳ; Hội giảng nhà giáo, dự giờ thường xuyên, đột xuất để đánh giá bài giảng để nâng cao chất lượng giảng dạy và đánh giá phương pháp đào tạo (2.8.05 - *Phiếu dự giờ của nhà giáo*). Thanh tra đào tạo thường xuyên thanh, kiểm tra các hoạt động đào tạo, hồ sơ công tác thanh tra đào tạo

cho thấy 100% nhà giáo đều giảng dạy đúng nội dung, mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo (3.6.02 - *Biên bản kiểm tra của thanh tra*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.7:** *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã ban hành các quy chế nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quyết định số 91/QĐ-CĐCNVĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức.

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.07 - *Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm*). Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...; Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. (1.12.05 - *Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp*). Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.02 - *Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*).

Hàng năm trường đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác đào tạo như bồi dưỡng sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo...; quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học, sau mỗi kỳ kiểm tra đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó đều đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như chất lượng đào tạo của trường. Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có các kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. (2.10.01 - *Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...)*);

Căn cứ vào các quy chế trường đã thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy học. Các văn bản cử cán bộ, giáo viên đi học tập bồi dưỡng hàng năm, các quyết định cử đi học tập đều nêu rõ “Được hưởng lương và các khoản phụ cấp (nếu có) theo chế độ hiện hành của nhà nước và được hỗ trợ tiền học phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường”. Theo đó, đội ngũ nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh,... được nhà trường hỗ trợ kinh phí đầy đủ, kịp thời hoặc giảm trừ định mức giảng dạy theo đúng quy định đề ra. Trường ban hành các quy chế nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quyết định số 91/QĐ-CĐCNVD ngày 19 tháng 05 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. (3.7.01 - *Bản đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo từng đơn vị tại Hội nghị công chức viên chức vòng hai hàng năm*; 3.2.02 - *Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm*; 3.7.02 - *Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, nhà giáo chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...)*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. (1.5.04 - *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường*).

Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về chính sách và các biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. (3.7.03 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chính sách và các biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.8:** Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường rất chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Để đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn, có trình độ kỹ năng nghề giỏi thì yếu tố đội ngũ nhà giáo là vô cùng quan trọng. Hàng năm nhà trường có kế hoạch và tổ chức sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo, từ đó lựa chọn được các nhà giáo có thành tích cao để tham gia các kỳ hội giảng cấp tỉnh, cấp toàn quốc. Mục tiêu của hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt không chỉ dừng lại ở điểm số mà còn là dịp để các nhà giáo chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới phương pháp, giới thiệu những ý tưởng, sáng kiến về tổ chức quản lý dạy học... (2.10.01 - Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...));

Nhà trường ban hành các quy chế nhằm khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Quyết định số 91/QĐ-CĐCNVĐ ngày 19 tháng 05 năm 2020 về việc Ban hành Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (3.2.02 - Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm; 3.8.01 - Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng; 3.8.02 - Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...).

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo cụ thể 3 năm gần đây:

- Năm 2019 cử 104 lượt (trong đó có: 94 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Năm 2020 cử 125 (trong đó có: 82 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị và quốc phòng an ninh.

- Năm 2021 cử 36 (trong đó có: 17 lượt nhà giáo cơ hữu) đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Ngoài ra, nhà trường đã triển khai công tác Hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường để nhà giáo được tham gia thi đua dạy tốt và tự học hỏi nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy. Việc triển khai kế hoạch, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ của nhà trường luôn đảm bảo đúng yêu cầu đề ra. Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt

nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.9:** Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Việc thực hiện các chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động như: chế độ phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ khuyến khích học tập, bồi dưỡng; chi hỗ trợ các ngày lễ; chi vượt giờ; chế độ nghỉ hè, tham quan, chi thi đua, khen thưởng...; Các chế độ cho đội ngũ nhà giáo, viên chức người lao động được thực hiện đầy đủ theo quy định, quy chế của nhà trường. (1.12.05 - Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp). Đồng thời với mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy hàng năm, Nhà trường đã ban hành quy trình Tổ chức cho giảng viên đi thực tập tại doanh nghiệp, hiện tại nhà trường mới bố trí được cho 10% nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học/mô đun chuyên ngành của các nghề được đi học tập bồi dưỡng, thực tập thực tế tại đơn vị sử dụng lao động (gọi tắt là doanh nghiệp) để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định (3.9.01 - Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức lao động).

Đội ngũ nhà giáo của trường (bao gồm nhà giáo cơ hữu, thỉnh giảng; giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn), đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng, đảm bảo được tất cả các môn học - mô đun. Có đủ số lượng nhà giáo đứng lớp giảng dạy (Theo thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN). (3.5.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...).

Trước khi đi thực tế tại các cơ sở, mỗi giảng viên đều phải xây dựng đề cương về nội dung sẽ tìm hiểu, cập nhật kiến thức công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Kết thúc đợt thực tế tại doanh nghiệp, nhà giáo phải có báo cáo kết quả quá trình học tập bồi dưỡng, thực tập thực tế tại đơn vị sử dụng lao động với khoa chuyên môn. (3.9.02 - Các quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng tại các doanh nghiệp hàng năm; 3.9.03 - Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng

năm; 3.9.04 - Tài liệu/hình ảnh của nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp hàng năm; 3.8.02 - Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo. (3.9.05 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo*).

Trường đã cử nhà giáo đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, tuy nhiên việc cử đi thực tập với số lượng ít, và không liên tục; 3 năm trở lại đây trường không cử nhà giáo đi thực tập ngoài doanh nghiệp vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.10:** *Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường đã thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo. Trước khi kết thúc năm học, các khoa đều tiến hành tổ chức họp chuyên môn, các giảng viên lần lượt báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cá nhân trong năm học vừa qua, trong đó có những đề xuất phương án cải tiến, áp dụng vào thực tiễn giảng dạy. Các đơn vị nhận xét đánh giá đề xuất của các cá nhân, tổng hợp các ý kiến chung, áp dụng vào phương pháp giảng dạy, gửi báo cáo về Hội đồng. Căn cứ báo cáo của các khoa chuyên môn, hội đồng sẽ họp để đánh giá, thống nhất ý kiến và có phương án khắc phục cho năm sau...

Kết quả cho thấy qua các đợt kiểm tra các đơn vị kịp thời có các kế hoạch và hoạt động điều chỉnh hoạt động dạy và học nhằm đảm bảo kế hoạch, nội dung chương trình và nâng cao chất lượng đào tạo. (2.10.01 - *Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...)*). Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Qua công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo của trường hàng năm đều cho thấy: Nhà giáo đã học tập được các kiến thức mới, áp dụng vào công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng

đào tạo của trường. (3.10.01 - Biên bản họp chuyên môn của các đơn vị đào tạo hàng năm; 3.10.02 - Biên bản họp giao ban cán bộ lãnh đạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.11:** Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định: Ban lãnh đạo của trường gồm Hiệu trưởng và một hiệu phó. Tiêu chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đáp ứng quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐBXH quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng.

Thầy Nguyễn Đức Sinh - Hiệu trưởng: Bằng Thạc sĩ; bằng cao cấp lý luận chính trị; chứng chỉ quản lý nhà nước chuyên viên chính; chứng chỉ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Nghiệp vụ Sư phạm dạy nghề; Ngoại ngữ (tiếng anh): B; Tin học: IC3.

Thầy Hoàng Minh Thái - Phó hiệu trưởng: Bằng Thạc sĩ; Bằng cao cấp lý luận chính trị; chứng chỉ quản lý nhà nước chuyên viên chính; chứng chỉ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Nghiệp vụ Sư phạm dạy nghề; Ngoại ngữ (Tiếng anh): Đại học; Tin học: B. (3.11.01 - Danh sách trích ngang của Hiệu trưởng phó Hiệu trưởng; 3.11.02 - Hồ sơ công chức của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; 3.11.03 - Hồ sơ bổ nhiệm lần đầu Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng). Trong Ban Giám hiệu có quy định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (1.5.02 - Quyết định số 443/QĐ-CĐCNVĐ ngày 10/12/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức. Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu).

Như vậy ban lãnh đạo nhà trường đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Ban Giám hiệu nhà trường có phân công nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo trong công việc và chủ động trong lĩnh vực trách nhiệm của mình.

Hàng năm, Ban Giám hiệu đều thực hiện kiểm điểm đánh giá trước tập thể lãnh đạo nhà trường (gồm Đảng ủy, Ban Giám hiệu) và trước hội nghị cán bộ chủ chốt. Việc phân loại thi đua được tiến hành công khai như mọi cán bộ công chức, viên chức của trường, nhưng phải báo cáo cơ quan chủ quản là Bộ Công Thương và được Bộ Công Thương chấp thuận. Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng được cấp trên tặng thưởng nhiều bằng khen, danh hiệu vì có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Trường, đồng thời Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng liên tục đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua và nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành... (3.11.04 - Các Quyết định khen thưởng hàng năm của nhà trường; 3.11.05 - Bản tự kiểm điểm của cá nhân các đ/c trong Ban giám hiệu hàng năm; 3.11.06 - Phiếu nhận xét, đánh giá Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hàng năm).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.12:** *Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐ ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng, căn cứ các Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; Quy định về công tác bổ nhiệm CBQL của trường. Căn cứ quy hoạch cán bộ, vị trí chức năng nhiệm vụ và nhu cầu cán bộ quản lý. Nhà trường có văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ của nhà trường, như điều lệ Trường; Quy định về chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường. Các đơn vị trong trường đều có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. (1.1.03- Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức; 1.3.01 - Quyết định số 03/QĐ-CĐCNCD ngày 07/1/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức).

Cán bộ quản lý các cấp của trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước, trong đó có khoảng 90% có trình độ Thạc sĩ. Cán bộ quản lý các cấp của nhà trường đáp ứng yêu cầu quản lý, có kinh nghiệm quản lý, được bổ nhiệm đảm bảo theo quy định, có phẩm chất đạo đức tốt, là những cán bộ, nhà giáo có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, công tác, được các thành viên trong đơn vị đề bạt, được Đảng ủy giới thiệu và Trường tổ chức lấy phiếu tín nhiệm trước khi bổ nhiệm, có năng lực lãnh đạo, chuyên môn vững, quản lý đơn vị mình hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. (3.12.01 - Danh sách trích ngang Trường/Phó các đơn vị trong trường). Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm).

Để đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường hàng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát quy hoạch, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, thăm dò đối với đội ngũ cán bộ, qua kết quả lấy phiếu tín nhiệm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của trường đều có số phiếu tín nhiệm cao. Ngoài ra, trong hồ sơ của các cán bộ quản lý đã

cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của trường đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và trong báo cáo hoạt động của đơn vị tại các Phòng, Khoa, Tổ môn và Trung tâm đã thể hiện 100% cán bộ quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. (3.12.02 - Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc CDCN Việt Đức; 3.12.03 - Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng/Phó các đơn vị trong trường; 3.12.04 - Hồ sơ cán bộ Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường; 3.12.05 - Hồ sơ điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức hàng năm; 3.12.06 - Biểu thống kê kết quả điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức hàng năm).

DANH SÁCH (QUẢN LÝ) ĐIỀU ĐỘNG BỔ NHIỆM CÁN BỘ 3 NĂM GẦN ĐÂY

TT	Họ và tên	Đơn vị cũ	Đơn vị được điều động bổ nhiệm	Chức vụ	Điều động, Bổ nhiệm
I	Năm 2019				
1	Đỗ Khắc Nguyên	Phòng QTĐS	Phòng QTĐS	Trưởng phòng	Bổ nhiệm
2	Nguyễn Văn Thanh	Khoa CK-CG-KC	Khoa CK-CG-KC	P.Trưởng khoa	Bổ nhiệm
3	Đào Ngọc Quý	Khoa CK-CG-KC	TTĐT& Sát hạch nghề LX ô tô	P.Trưởng TT	Điều động, bổ nhiệm
II	Năm 2020				
1	Nguyễn Thanh hà	Khoa KHCB	Khoa KHCB	P.Trưởng khoa	Bổ nhiệm
III	Năm 2021				
1	Hoàng Đại Thắng	Phòng Đào tạo	Trung tâm HTDN và hỗ trợ HS,SV	Giám đốc TT	Điều động, bổ nhiệm
2	Lý Quang Đại	Phòng Đào tạo	Trung tâm thực hành CN ô tô Việt Đức	Giám đốc TT	Điều động, bổ nhiệm

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.13:** *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016 và Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019 của Bộ

trường Bộ LĐTBXH quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng, căn cứ vào kết quả việc bổ nhiệm cán bộ quản lý hàng năm, cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường từ năm 3 năm gần đây đều đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ (3.12.01 - Danh sách trích ngang Trưởng/Phó các đơn vị trong trường; 3.12.04 - Hồ sơ cán bộ Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường; 3.13.01 - Phiếu đánh giá công chức, viên chức hàng năm đối với cán bộ quản lý hàng năm; 3.13.02 - Kết quả phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Thời điểm hiện tại thì Trường CDCN Việt Đức tổng số đội ngũ cán bộ tại các Phòng, Khoa, Trung tâm, các đoàn thể là: 34 người. Trong đó 26/34 người có bằng thạc sỹ, 08/34 có bằng đại học; 34/34 người có chứng chỉ sư phạm dạy nghề và chứng chỉ sư phạm Đại học, Cao đẳng. 34/34 cán bộ quản lý có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN; Trình độ Tin học có: 34/34 có chứng chỉ tương đương với chứng chỉ CNTT cơ bản trở lên; trình độ tiếng anh: chứng chỉ B: 21 người, C: 3 người, B1: 6 người, 02 người A2; Đại học: 02 người. 34/34 người đều có chứng chỉ chuyên môn ngành nghề riêng Kế toán trưởng có chứng chỉ Kế toán trưởng của Bộ tài chính. Tất cả các chứng chỉ trên đều hợp lệ, như vậy đối chiếu theo tiêu chuẩn, trường có 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. (1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường).

Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 3.14:** Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý cả về chuyên môn, nghiệp vụ lẫn bản lĩnh chính trị hướng tới mục tiêu xây dựng trường chất lượng cao đến năm 2025, Trường đã chủ động lập kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức toàn trường nói chung hàng năm (3.14.01- Kế hoạch học tập bồi dưỡng cho cán bộ quản lý hàng năm).

Đội ngũ cán bộ quản lý được nhà trường cử đi học tập, bồi dưỡng 3 năm gần đây cụ thể như sau: Năm 2019: 45 lượt; Năm 2020: 52 lượt; Năm 2021: 19 lượt.

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý đã triển khai đúng kế hoạch và tham gia thêm các lớp học tập, bồi dưỡng khác do yêu cầu triển khai của các cơ quan quản lý cấp trên. (3.14.02 - Các quyết định cử Cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng hàng năm; 3.8.02 - Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen... (3.14.03 - Tài liệu/hình ảnh Cán bộ quản lý đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ các bộ quản lý; (3.14.04 - Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 3.15:** *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ viên chức, người lao động; gọi tắt là viên chức lao động (VCLĐ) của trường hiện đang công tác tại các Phòng, Khoa, Trung tâm, đều hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào mức độ và khối lượng hoàn thành công tác phục vụ và theo báo cáo tổng kết năm học của trường và của các đơn vị cho thấy đội ngũ VCLĐ của trường có năng lực chuyên môn phù hợp với từng công việc vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu công việc được giao. (3.15.01 - Danh sách trích ngang viên chức, lao động của Trường (Họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...).

Để nâng cao hiệu quả công việc, hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ VCLĐ phù hợp với từng đối tượng. (3.15.02 - Kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức, lao động hàng năm; 3.15.03 - Các Quyết định cử viên chức, lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm; 5.15.04 - Tài liệu/hình ảnh viên chức, người lao động đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm; 3.8.02 - Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...). Cụ thể số lượng VCLĐ được bồi dưỡng nâng cao trình độ 3 năm gần đây:

- Năm 2019, có 24 lượt VCLĐ được đi đào tạo bồi dưỡng; Năm 2020, có 20 lượt; Năm 2021, có 26 lượt.

Bên cạnh đó, hàng năm đội ngũ VCLĐ của trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị hè, học tập nghị quyết chuyên đề do nhà trường tổ chức:

- Năm 2019: Bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính kế toán, Bồi dưỡng kiến thức cơ bản về bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở GDNN;
- Năm 2020: Bồi dưỡng kỹ năng nghề, Bồi dưỡng chính trị hè.
- Năm 2021: Tập huấn Quốc phòng an ninh, cập nhật kiến thức vệ sinh an toàn lao động.

Đề đánh giá nhiệm vụ công tác hàng năm của cán bộ viên chức lao động; Nhà trường ban hành quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức lao động (3.15.05 - *Phiếu đánh giá và phân loại, viên chức lao động hàng năm*).

Hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết công tác cụ thể, từ đó có những định hướng cho công việc, nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. (1.5.04 - *Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường*; (3.15.06 - *Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức người lao động của trường hàng năm*). Các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

**** Mở đầu:***

Chương trình đào tạo của trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức được được xây dựng, biên soạn, rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ LĐTBXH. Chương trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các cấp trình độ, các môn học tự chọn trong mỗi nghề, hàng năm sẽ được đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động cũng như điều kiện thực tế của trường;

Chương trình đào tạo có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp, nhằm giúp nhà giáo đánh giá người học một cách chính xác nhất. Nhà trường đã triển khai công tác biên soạn giáo trình và lựa chọn giáo trình tài liệu giảng dạy các môn học - mô đun cho tất cả các nghề trường đang đào tạo theo đúng quy trình đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có đầy đủ chương trình của các nghề mà trường đào tạo;

Chương trình, giáo trình được xây dựng, biên soạn, rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ LĐTBXH. Nội dung của chương trình, giáo trình đảm bảo tính thực tiễn, cập nhật những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính liên thông trong trường và trong hệ thống giáo dục quốc dân.

** Những tồn tại:*

Trường chưa có đủ giáo trình cho các nghề trong Giấy chứng nhận đăng ký GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung do Tổng cục GDNN cấp.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trường tiếp tục rà soát, bổ sung, lựa chọn và ban hành, đầy đủ giáo trình theo quy định cho các nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15 điểm	13 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

Tiêu chuẩn 14	1 điểm	1 điểm
Tiêu chuẩn 15	1 điểm	0 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.1:** Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Để tổ chức tốt và hiệu quả các loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học, nhà trường đã liên kết đào tạo với các trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các trung tâm. Trên cơ sở hợp đồng, nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ giảng dạy phù hợp với điều kiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghề đào tạo của trường phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu của người học, xã hội. Trường đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/ nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐT BXH phê duyệt (1.2.01 - Giấy CN số: 132/2017 và số: 132a/2017; số: 74/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019; 4.1.01 - Danh sách các ngành, nghề, đang tổ chức đào tạo tại Trường).

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Giấy CN số 132/2017 và số 132a/2017			Giấy CN số 74/2019				Ghi chú
		Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Sơ cấp	
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
3	Nguội lắp ráp cơ khí	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
4	Nguội chế tạo	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
5	Công nghệ ô tô	x		x	x		x		
6	Điện công	x		x	x		x		

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Giấy CN số 132/2017 và số 132a/2017			Giấy CN số 74/2019				Ghi chú
		Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Sơ cấp	
	ngành								
7	Điện dân dụng	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2018
8	Điện tử công nghiệp	x		x	x		x		
9	Điện tử dân dụng	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
10	Hàn	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
11	Cắt gọt kim loại	x		x	x		x		
12	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	x		x	x		x		
13	Kế toán doanh nghiệp	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2018
14	Cơ điện tử	x		x	x		x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
15	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		x	x		x	x		Hệ CĐ không tuyển sinh được
16	Tin học ứng dụng			x	x				Không tuyển sinh được từ năm 2017
17	Kế toán			x			x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
18	Công nghệ			x			x		Không tuyển

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Giấy CN số 132/2017 và số 132a/2017			Giấy CN số 74/2019				Ghi chú
		Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Trung cấp	Liên thông	Cao đẳng	Sơ cấp	
	kỹ thuật cơ điện tử								sinh được từ năm 2017
19	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			x		x	x		Hệ CD không tuyển sinh được
20	Công nghệ kỹ thuật ô tô			x			x		Không tuyển sinh được từ năm 2017
21	Tài chính - Ngân hàng	x			x				Không tuyển sinh được từ năm 2017
22	Rèn, Dập	x			x				Không tuyển sinh được từ năm 2019
23	Quản trị mạng máy tính	x			x				Không tuyển sinh được từ năm 2017
24	Sư phạm DN & Chuẩn CDNN	x						x	Đào tạo sơ cấp nghề
25	Lái xe ô tô B1, B2	x						x	Đào tạo sơ cấp nghề
26	CNC và dạy nghề khác	x						x	Đào tạo sơ cấp nghề
Tổng		20	1	20	18	2	19	2	
Tổng số nghề có HS-SV đang học					6	2	4		

Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN, Trường có đủ các chương trình đào tạo được xây dựng và ban hành:

- Năm 2019: Trường đã chỉnh sửa 06 chương trình Cao đẳng và 06 chương trình Trung cấp (các chương trình khác của 13 nghề Cao đẳng và 11 nghề Trung cấp không tuyển sinh được từ 2017 nên không rà soát, chỉnh sửa).

Biên soạn mới 01 chương trình Trung cấp (Tin học ứng dụng) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 74/2019, Quyết định số 152^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/6/2019. Rà soát chỉnh sửa 06 chương trình trình độ Cao đẳng và 07 chương trình trình độ Trung cấp; Quyết định số 157^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 và Quyết định số 226/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 v/v ban hành 02 chương trình liên thông (Công nghệ KT Cơ khí - sau khi rà soát, chỉnh sửa và Công nghệ KT Điện - Điện tử - Biên soạn chương trình mới).

- Năm 2020: Trường điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng chất lượng cao. Như vậy, trường có tổng số: 19 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 18 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 02 chương trình liên thông và 02 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề: (Sư phạm GDNN & Chuẩn chức danh nghề nghiệp - Tổng cục GDNN; Nghề lái xe ô tô theo chương trình của Cục Đường bộ).

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt, ban hành. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.2:** *100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã xây dựng 100% chương trình đào tạo các nghề có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo Điều 6, Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp; Điều 7, Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong GDNN”.

Trường đã thực hiện việc xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy định, cụ thể năm 2019, Trường có Kế hoạch số 51^a/KH-CĐCNVĐ ngày 22/02/2019 v/v rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Năm 2020: Điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng nghề chất lượng cao. Trong kế hoạch có Căn cứ, danh sách các ngành nghề cần chỉnh sửa, nội dung công việc và tiến độ thực hiện, tổ chức thực hiện và

phân công nhiệm vụ cho các hội đồng, tiểu ban, các phòng chức năng và các đơn vị đào tạo (4.2.01 - *Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*).

Thành lập Hội đồng chỉnh sửa chương trình đào tạo: Năm 2019 trường có thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá lại chương trình đã đào tạo (Quyết định số: 42^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/02/2019 v/v thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá chương trình đào tạo trình độ trình độ Cao đẳng, Trung cấp cho các ngành nghề). Thành phần Hội đồng có 13 người gồm Hiệu trưởng, các Trưởng Phòng, Khoa; Giảng viên có kinh nghiệm và có sự tham gia của các doanh nghiệp (ví dụ: Ông Lê Kiều Hưng - Quản đốc công ty Phụ tùng máy số 1; Ông Vũ Xuân Toàn - Phó GD công ty TNHH 1 thành viên Diesel Sông Công...). Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá chương trình đào tạo các ngành nghề đã thực hiện đào tạo đối với K45 trình độ Cao đẳng và K11 trình độ Trung cấp, có biên bản kết luận những nội dung cần chỉnh sửa trong các chương trình đào tạo đã triển khai thực hiện (Không đánh giá những nghề không tuyển sinh được, thể hiện trong bảng tổng hợp tại tiêu chí 4, tiêu chuẩn (4.1). (4.2.02 - *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm*; 4.2.03 - *Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*; 4.2.04 - *Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo*; 4.2.05 - *Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo*).

Sau đó thành lập 04 Tiểu ban chỉnh sửa chương trình đào tạo toàn khóa trình độ Trung cấp, Cao đẳng cho các ngành nghề, gồm 06 Chương trình Cao đẳng; 07 Chương trình Trung cấp, 02 chương trình Liên thông (Quyết định số: 70^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/3/2019) và thành lập 05 Tiểu ban chỉnh sửa nội dung chương trình chi tiết môn học - mô đun cho các ngành nghề (Quyết định số: 73^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019).

Sau khi thành lập, các tiểu ban đã triển khai thực hiện theo kế hoạch: Các tiểu ban chỉnh sửa tổ chức xây dựng, dự thảo chương trình, tuân thủ theo mẫu chương trình và sơ đồ mối liên hệ giữa các môn học - mô đun của Thông tư 03/2017, bổ sung, cập nhật nội dung kiến thức, trang thiết bị mới của từng ngành nghề để đáp ứng chuẩn đầu ra và phù hợp với thực tế nhu cầu xã hội; Tổ chức Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; (ví dụ: Tiểu ban nghề Điện công nghiệp có bản nhận xét, góp ý của Ông Đỗ Hồng Sơn - Giám đốc kinh doanh công ty Xuân Lộc Thọ; Ông Vũ Văn Định - Giám đốc công ty TNHH Sản xuất Thiết bị điện Việt Hàn; Tiểu ban nghề Điện tử Công nghiệp có bản nhận xét, góp ý của Ông Lê Cảnh Bình - Cán bộ phụ trách kỹ thuật Công ty cổ phần dụng cụ cơ khí xuất khẩu).

Sau Hội thảo các Tiểu ban chỉnh lý và chỉnh sửa chương trình tiếp thu ý kiến đã được kết luận trong Hội thảo, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo chương trình toàn khóa, từ đó đưa về các tiểu ban chỉnh lý nội dung chương trình chi tiết môn học - mô đun của các ngành nghề.

Thẩm định chương trình đào tạo: Trường đã thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Năm 2019: Thành lập 04 Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (Quyết định số: 74^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019 v/v thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp cho các ngành nghề). Số lẻ (7 hoặc 9 thành viên); Thành phần của Hội đồng có các Trưởng, Phó phòng, Khoa, nhà giáo và đại diện doanh nghiệp. (4.2.06 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*). Tổ chức thẩm định chương trình, các thành viên của Hội đồng thẩm định có Phiếu đánh giá theo nội dung và kết cấu, điều kiện thực hiện của chương trình đào tạo, tính cập nhật, phù hợp của chương trình; (4.2.07- *Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo*; Các Hội đồng thẩm định họp đều có Biên bản nghiệm thu (4.2.08 - *Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo*).

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐT BXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.3:** *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ vào các chương trình đào tạo của trường đã có quyết định ban hành, chương trình đào tạo của tất cả các nghề: 100% chương trình của trường đã tuân thủ theo Thông tư 03/2017 của Bộ LĐT BXH.

Chương trình đào tạo thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng: Mục tiêu đào tạo của trình độ được thể hiện ở 1. Mục tiêu (1.1. Mục tiêu chung và 1.2. Mục tiêu cụ thể). Trong chương trình chi tiết môn học/mô đun: Quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp được thể hiện ở chương trình đào tạo trình độ Trung

cấp, Cao đẳng: 1.2. Mục tiêu cụ thể; 1.2.2. Trình độ kiến thức, kỹ năng đạt được sau tốt nghiệp;

Phạm vi và cấu trúc nội dung chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng thể hiện trong Chương trình chi tiết của từng môn học - mô đun;

Cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học: Chương trình đào tạo hệ Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp thể hiện ở mục: V. Nội dung và phương pháp đánh giá/ 2. Phương pháp đánh giá.

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành. Chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, như đã được trình bày ở trên tiêu chuẩn (4.1; 4.2). (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.4:** *Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Các chương trình đào tạo của trường được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học: 100% các tiểu ban chỉnh sửa chương trình đào tạo đều có sự tham gia của các nhà giáo có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy nghề mà mình biên soạn. (Nhà giáo có thâm niên ít nhất là 14 năm, Cô Lê Thị Thanh Xuân, Giảng viên tiếng Anh. Nhiều nhất là 27 năm: Thầy Trần Minh Đức, Trưởng Phòng đào tạo), đúng chuyên môn đang làm (Thầy Trần Đức Thụ, Thạc sĩ Tin học Khoa học Máy tính, Hội đồng thẩm định nghề Kiểm tra, Sửa chữa lắp ráp máy tính và Tin học ứng dụng; Cô Nguyễn Thị Hoàng Hạnh, Thạc sĩ Chính trị Khoa khoa học Cơ bản, Hội đồng thẩm định môn chung; Thầy Phạm Lưu Bình, Khoa Điện-Điện tử - Điện lạnh, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Điện, Hội đồng thẩm định nhóm nghề Điện-Điện tử).

Các Hội đồng thẩm định đều có 7 hoặc 9 thành viên, trong đó có 4/7 (57,14%) hoặc 4/9 (44,44%) thành viên là các nhà giáo đang giảng dạy ở trình độ đào tạo và nghề tương ứng.

- 100% Hội đồng thẩm định chương trình có sự tham gia của đại diện Doanh nghiệp (ví dụ: Hội đồng thẩm định nghề Công nghệ ô tô, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Bảo trì và sửa

chữa ô tô có Ông Vũ Văn Dân - Giám đốc Công ty TNHH Toàn dân; Hội đồng thẩm định nghề Bảo trì thiết bị cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Cơ khí chế tạo có Ông Nguyễn Bá Hải - Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Dụng cụ cơ khí xuất khẩu)...

- 100% Hội đồng thẩm định chương trình có sự tham gia của nhà giáo thuộc một cơ sở GDNN khác (ví dụ như: Hội đồng thẩm định nghề Kỹ thuật Sửa chữa lắp ráp Máy tính và nghề Tin học Ứng dụng, có nhà giáo Gia Thị Định, Trưởng khoa Điện - Điện tử - Tin học trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên; Hội đồng thẩm định nghề Cắt gọt Kim loại có nhà giáo Chu Thúc Độ, Phó trưởng khoa Cơ khí trường Cao đẳng Cơ khí Luyện Kim).

- 100% Hội đồng thẩm định chương trình có sự tham gia của cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN tham gia (ví dụ như: Bà Trương Thị Thúy Hồng, cán bộ Phòng dạy nghề Sở LĐTĐHXH tỉnh Thái Nguyên). (4.2.02 - *Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm*; 4.2.03 - *Quyết định thành lập hội đồng và các tiêu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*; 4.2.06 - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*). Các Hội đồng thẩm định họp đều có Biên bản nghiệm thu (4.2.08 - *Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo*).

Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐHXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐLĐTĐHXH “Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng”; Điều 10. Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo và Điều 11. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo.

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐLĐTĐHXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Hàng năm trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo. (4.4.01 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.5:** Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định: Các chương trình đào tạo của trường định kỳ được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Chương trình đảm bảo độ chính xác về kiến thức, kỹ năng, bám sát thực tiễn, cập nhật tiến bộ Khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính linh hoạt khi có sự thay đổi của thị trường lao động.

- Năm 2019: Trường đã chỉnh sửa 06 chương trình Cao đẳng và 06 chương trình Trung cấp. Biên soạn mới 01 chương trình Trung cấp (Tin học ứng dụng) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GĐNN số 74/2019, Quyết định số 152^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/6/2019. Rà soát chỉnh sửa 06 chương trình trình độ Cao đẳng và 07 chương trình trình độ Trung cấp; Quyết định số 157^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 và Quyết định số 226/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 v/v ban hành 02 chương trình liên thông (Công nghệ KT Cơ khí - sau khi rà soát, chỉnh sửa và Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử - Biên soạn chương trình mới).

- Năm 2020: Trường điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng chất lượng cao. (4.5.01- Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa). Chương trình đảm bảo tính thực tiễn, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động, ví dụ:

TT	Tên nghề	MH - MĐ	Đảm bảo tính thực tiễn	Đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động
1	Điện công nghiệp	MĐ 31. Trang bị điện 3	Cập nhật thêm kiến thức và kỹ năng về lắp đặt, điều khiển thang máy và băng tải.	Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng của học sinh về lắp đặt băng tải công nghiệp và thang máy có trong thực tế tại các dây chuyền sản xuất công nghiệp, tòa nhà.
		MĐ 32. Máy điện 3	Cập nhật thêm kiến thức và kỹ năng về động cơ bước, động cơ servo	Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng của học sinh về bảo dưỡng, sửa chữa động cơ bước, động cơ servo trong dây chuyền sản xuất công nghiệp.
		MĐ 27. Kỹ thuật lạnh	Cập nhật kiến thức về cấu tạo, nguyên lý và vận hành kho lạnh,	Do hệ thống kho lạnh bảo quản và điều hòa trung tâm cho tòa nhà ngày càng phát triển, nên nhu cầu thị trường lao động cần

			điều hòa trung tâm	nhiều hơn những thợ điện có khả năng vận hành, sửa chữa kho lạnh và hệ thống điều hòa trung tâm.
2	Công nghệ Ô tô	MĐ 37. Kỹ thuật kiểm định ô tô	Đưa Quy trình kiểm định của Cục đăng kiểm VN vào chương trình.	
		MĐ 38. Bảo dưỡng hệ thống điều hòa trên Ô tô		Dùng thiết bị chẩn đoán G-Scan II để kiểm tra và phát hiện lỗi của hệ thống điều hòa tự động.

Hàng năm trường tiến hành khảo sát doanh nghiệp và cựu HS-SV của trường (4.5.02 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo (đối với doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp). Kết quả cho thấy các đối tượng được khảo sát đều đánh giá chương trình đào tạo của trường đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Ví dụ cụ thể khảo sát các doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dụng cụ cơ khí xuất khẩu, Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Điện cơ Hà Nội, Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyên, Công ty Cổ phần Dụng cụ máy số 1...

- Khảo sát doanh nghiệp

Năm	Kết quả đánh giá về chương trình đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động		
	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
2019 (11 DN)	5/11 (45%)	5/11 (45%)	1/11 (10%)
2020 (10 DN)	0	9/10 (90%)	1/10 (10%)
2021 (10 DN)	5/10 (50%)	10/10 (100%)	0

- Khảo sát cựu HS-SV

Năm	Kết quả đánh giá về chương trình đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động		
	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác

2019 (40 người)	30/40 (75%)	7/40 (17,5%)	3/40 (7,5%)
2020 (50 người)	42/50 (84%)	7/50 (14%)	1/50 (2%)
2021 (50 người)	44/50 (88%)	11/50 (22%)	0

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.6:** Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tất cả các chương trình đào tạo của trường đều được xây dựng, chỉnh sửa theo chương trình khung của Bộ LĐTBXH ban hành nên bảo đảm tính khoa học, hệ thống, phân chia các khối kiến thức, kỹ năng nghề theo trình tự hợp lý. Chương trình đào tạo thể hiện rõ mục tiêu, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cần phải đạt đối với từng nghề, từng môn học - mô đun. Chương trình được thiết kế theo hướng liên thông với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trên cơ sở các quy định tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, trường đã ban hành quy chế đào tạo liên thông phù hợp với điều kiện của trường, trong đó quy định rõ mục đích, đối tượng, điều kiện học liên thông, tuyển sinh đào tạo liên thông, thời gian đào tạo, nhiệm vụ của trường trong việc tổ chức đào tạo liên thông. Nhà Trường đã xây dựng văn bản quy định về tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành, các văn bản hướng dẫn về đào tạo liên thông đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành. Có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ Trung cấp, Cao đẳng đối với những ngành, nghề đào tạo liên thông.

Trường có đầy đủ các văn bản qui định về đào tạo liên thông. Các chương trình đào tạo đã được triển khai xây dựng và thẩm định theo đúng qui định. Hàng năm nhà trường đều có báo cáo về công tác đào tạo liên thông. (2.16.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông, Chương trình đào tạo liên thông các ngành/ngành).

Biên bản thỏa thuận ngày 16/9/2019 giữa Trường CĐCN Việt Đức với trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên v/v phối hợp tuyển sinh liên thông lên đại học. (4.6.01 - Văn bản ghi nhớ, hợp đồng đào tạo liên thông).

Trường Đại học Thái nguyên đã xem xét chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí của trường CĐCN Việt Đức, so sánh với chương trình đào tạo Đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên và trường đã có QĐ số 2719/QĐ-ĐHKTCN ngày 13/10/2020 v/v công nhận kết quả bảo lưu một số học phần cho Sinh viên của trường CĐCN Việt Đức học hệ liên thông từ Cao đẳng lên Đại học; Chuyên ngành Kỹ thuật Cơ khí học tại trường Đại học Kỹ thuật Thái Nguyên (4.6.02 - *Quyết định/ hợp đồng của các trường đại học về đào tạo liên thông với cao đẳng công nghiệp Việt Đức*; 4.6.03 - *Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông*).

Trường Đại học Thái Nguyên tổ chức thi tuyển liên thông giữa trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học hệ chính quy; Quyết định số 2328/QĐ-ĐHTN ngày 16/12/2019 v/v công nhận thí sinh trúng tuyển ngành Kỹ thuật Cơ khí gồm 15 thí sinh đều là sinh viên của lớp K8 Cao đẳng liên thông Cơ khí A Trường CĐCN Việt Đức (QĐ số 111/QĐ-CĐCNVĐ ngày 18/6/2019 v/v công nhận tốt nghiệp trình độ Cao đẳng (4.6.04 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng*). Quyết định số 311/QĐ-ĐHKTCN ngày 27/12/2019 v/v thành lập các lớp Sinh viên Đại học hệ liên thông Chính quy, trong đó có lớp LTVĐ19CCM.01, ngành Kỹ thuật Cơ khí, là lớp có 15 cựu SV của Trường CĐCN Việt Đức.

Như vậy, Chương trình đào tạo của trường được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với trình độ đào tạo Đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.7:** *Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Tại tiêu chuẩn (4.1; 4.2) như đã trình bày ở trên. Chương trình đào tạo của trường được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo quy định để đáp ứng nhu cầu đào tạo. Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua các cuộc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của chuyên gia từ các doanh nghiệp, cán bộ, nhà giáo và người học của trường làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp. (4.7.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo)*; 4.7.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo)*). Các tiểu ban tổ chức đánh giá, cập nhật và điều chỉnh, sau đó có báo cáo kết quả, ví dụ:

Nội dung trước khi chỉnh sửa	Nội dung sau khi chỉnh sửa
Môn chung: Chính trị	- Đổi tên: Giáo dục chính trị; - Giảm giờ: từ 90 giờ xuống còn 75 giờ.
Điện công nghiệp	
MĐ 20. Trang bị điện 1; MĐ 23. Trang bị điện 2	- MĐ 22. Trang bị điện 1; MĐ 23. Trang bị điện 2; MĐ 31. Trang bị điện 3 - Nội dung của MĐ 31. Trang bị điện 3 đã cập nhật nội dung về thang máy và băng tải (trong bài 2 và bài 3).
MĐ 17. Máy điện 1; MĐ 24. Máy điện 2	- MĐ 18. Máy điện 1; MĐ 19. Máy điện 2; MĐ 32. Máy điện 3 - Nội dung của MĐ 32. Máy điện 3 đã cập nhật nội dung về Động cơ Servo (bài 1) và Động cơ bước (bài 2).
MĐ 31. Kỹ thuật lạnh, thời lượng 20 giờ lý thuyết + 40 giờ thực hành.	- Đổi mã: MĐ 27. Kỹ thuật lạnh - Thay đổi thời lượng 15 giờ lý thuyết + 45 giờ thực hành; - Bổ sung thêm nội dung về Điều hòa trung tâm (bài 4) và Hệ thống kho lạnh (bài 5).
Thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 640 giờ	Tăng thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 960 giờ.
Công nghệ Ô tô	
Có MĐ 31 và MĐ 32	- Tích hợp MĐ 31 vào MĐ 22. - Tích hợp MĐ 32 vào MĐ 23.
MĐ. 39	Không còn MĐ 39. Các nội dung của MĐ 39 đã được đưa vào các MĐ khác.
Thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 640 giờ	Tăng thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 960 giờ
Cắt gọt Kim loại	
Thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 640 giờ	Tăng thời gian thực tập nghề nghiệp 1 và 2: Tổng số 960 giờ
- MĐ 17. Tiện trụ tron ngoài: 90 giờ - MĐ 18. Gia công lỗ: 60 giờ - MĐ 19. Phay bào mặt phẳng: 90 giờ + Không có Gia công trên máy xung	- MĐ 16. Tiện trụ tron ngoài: 60 giờ; + MĐ 17. Tiện lỗ: 30 giờ. - MĐ 18. Phay bào mặt phẳng, 60 giờ - Bổ sung MĐ 34. Gia công trên máy xung

và máy cắt dây và gia công khuôn mẫu	+ Bổ sung MĐ 35. Máy cắt dây
+ Không có Gia công trên trung tâm tiện CNC	+ Bổ sung MĐ 36. Gia công khuôn mẫu
+ Không có Gia công trên máy Doa.	+ Bổ sung MĐ 33. Gia công trên trung tâm tiện CNC
	+ Bổ sung MĐ 23. Gia công trên máy Doa.

Trường đã lập kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo theo đúng trình tự, quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp. (4.2.01 - Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm). Tất cả các chương trình đào tạo của trường hằng năm được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Chương trình đảm bảo độ chính xác về kiến thức, kỹ năng, bám sát thực tiễn, cập nhật tiến bộ Khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính linh hoạt khi có sự thay đổi của thị trường lao động. (4.5.01- Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa).

Trường có Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo (Quyết định số: 42^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 26/02/2019; Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo (Quyết định số: 74^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/3/2019 như đã được mô tả rõ trong tiêu chuẩn (4.2); 4.2.03 - Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm; 4.2.06 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.8:** *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có các chương trình đào tạo được ban hành năm 2017 (4.7.01 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo).

- Năm 2019, trường đã cập nhật và chỉnh lý 06 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 01 chương trình liên thông;

- Năm 2020: Trường điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng chất lượng cao. Các chương trình đào tạo được cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo và tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. Ví dụ: Nghề Cắt gọt kim loại tham khảo chương trình đào tạo đã được chuyển giao của Đức cho nghề Cắt gọt Kim loại chất lượng cao. Nghề Công nghệ ô tô: Điều khiển động cơ Servo được đưa vào chương trình Điện công nghiệp; Trình tự kiểm định xe ô tô của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới được đưa vào chương trình nghề Công nghệ Ô tô...

TT	Tên chương trình ĐT	Trước khi chỉnh sửa	Sau khi chỉnh sửa
1	Công nghệ Ô tô	MĐ 23. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng chế hòa khí.	MĐ 22. Chẩn đoán và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng
		MĐ 24. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel. Thời lượng: 60 giờ	MĐ 23. Chẩn đoán và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel. Thời lượng: 45 giờ
		MĐ 38.Kỹ thuật kiểm định ô tô. Thời lượng: 60 giờ	MĐ37. Kỹ thuật kiểm định ô tô. Thời lượng: 30 giờ (biên soạn theo trình tự kiểm định của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới)
2	Điện công nghiệp	MĐ. 30 Kỹ thuật lắp đặt điện	MĐ 26. Kỹ thuật lắp đặt điện đã bổ sung thêm bài 4: Lắp đặt hệ thống điện thông minh
		MĐ 17. Máy điện 1; MĐ 24. Máy điện 2	Bổ sung thêm MĐ 32. Máy điện 3. Nội dung đã cập nhật nội dung về Động cơ Servo (bài 1) và Động cơ bước (bài 2)
3	Cắt gọt KL	Sử dụng chương trình của TCDN (trước đây), có phần An toàn lao động chung.	1. Tựa gốc tiếng Đức: FACHKUNDEMETALL Copyright 2010 (56 th edition): Verlag Europa-Lehrmittel journey, Vollmer GmgH&Co.KG, 42781 Haan-Gruiten, Germany, Nhóm tác giả (Lê Tùng Hiếu và nhóm dịch), chuyên ngành cơ khí, nhà xuất bản Europa-

			<p>Lehrmittel.</p> <p>2. Nhà xuất bản thế giới xuất bản lần thứ 6, 2015, Nhóm tác giả (Công ty dịch thuật Expertrans Global), Kỹ thuật gia công cắt gọt, nhà xuất bản Europa-Lehrmittel.</p> <p>3. Sổ tay cơ khí, nhà xuất bản Europa-Lehrmittel.</p>
--	--	--	---

Trường đã lập kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo theo đúng trình tự, quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH “Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp. (4.2.01 - Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm). Tất cả các chương trình đào tạo của trường định kỳ được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Chương trình đảm bảo độ chính xác về kiến thức, kỹ năng, bám sát thực tiễn, cập nhật tiến bộ Khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính linh hoạt khi có sự thay đổi của thị trường lao động. (4.5.01- Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa).

Chương trình đào tạo của trường được định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo quy định để đáp ứng nhu cầu đào tạo. Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua các cuộc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của chuyên gia từ các doanh nghiệp, cán bộ, nhà giáo và người học của trường làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp. (4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo); (4.8.01 - Chương trình đào tạo thí điểm (có chương trình đào tạo kèm theo)).

Các Hội đồng thẩm định họp đều có Biên bản nghiệm thu (4.2.08 - Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.9:** Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ theo Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Bộ LĐTBXH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, trường có Quyết định ban hành Quy định về đào tạo liên thông trong đó có Điều 6: Chương trình đào tạo liên thông và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập. (4.9.01 - *Quyết định số 78^a/QĐ-CĐCNVD ngày 02/4/2018 Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ*).

Chương trình đào tạo liên thông của trường được xây dựng trên cơ sở rà soát nội dung giữa 2 bộ chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và đào tạo trình độ trung cấp; Xác định cụ thể các mô đun, môn học mà người học phải bổ sung thêm, người học không phải học lại các mô học, mô đun đã được học trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Trường có Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng (02 chương trình: Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí và Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử). (2.16.01 - *Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, Hội đồng tuyển sinh của trường đã căn cứ vào bộ Hồ sơ đầu vào của học sinh và kết quả học tập trình độ trung cấp để xét tuyển. Nếu đủ tiêu chuẩn học liên thông theo Quy định, trường có Quyết định v/v các môn học, mô đun được bảo lưu kết quả học khi liên thông từ Trung cấp lên trình độ Cao đẳng.

Sau khi xét tuyển đủ điều kiện đầu vào, trường ra Quyết định thành lập lớp và Quyết định công nhận kết quả bảo lưu các môn học, mô đun cho Sinh viên học hệ liên thông tại trường CĐCN Việt Đức. (4.9.02 - *Hồ sơ đào tạo liên thông*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.10:** *Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/nghề thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt (1.2.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHH-TCDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019*).

Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*).

Các mô đun, môn học của tất cả các nghề đều có giáo trình và được trường tổ chức biên soạn và làm tài liệu giảng dạy đảm bảo đáp ứng theo danh mục các mô đun - môn học của từng chương trình đào tạo. Trong nhiều năm trở lại đây, tất cả các môn học-mô đun kỹ thuật cơ sở và chuyên môn nghề của các chương trình đào tạo đã được ban hành trước đó hoặc mới được cấp phép đào tạo đều có giáo trình, tài liệu giảng dạy do các nhà giáo dạy chuyên môn biên soạn.

Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: Trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019). (4.10.01 - Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn; 4.10.02 - Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề).

Bảng kê giáo trình tương ứng với số MĐ/MH cho từng chương trình đào tạo như sau:

TT	Tên chương trình ĐT	Số lượng Môn học/ Mô đun		Số lượng Giáo trình CĐ	Ghi chú
		CĐ	TC		
1	Nguội sửa chữa máy công cụ	48	34	21	Không đủ GT
2	Bảo trì thiết bị cơ điện	39	32	21	Không đủ GT
3	Nguội lắp ráp cơ khí	36	31	14	Không đủ GT
4	Nguội chế tạo	42	32	20	Không đủ GT
5	Điện dân dụng	30	24	30	Đủ GT
6	Điện tử dân dụng	31	25	31	Đủ GT
7	Hàn	35	25	34	Không đủ GT
8	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	36	22	36	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun
9	Kế toán doanh nghiệp	38	26	36	Không đủ GT
10	Cơ điện tử	37	28	34	Không đủ GT
11	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	51		51	Đủ GT
12	Kế toán	32		31	Không đủ GT
13	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	38		30	Không đủ GT
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	37		32	Không đủ GT
15	Công nghệ kỹ thuật ô tô	34		33	Không đủ GT

16	Cắt gọt kim loại	45	36	45	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun
17	Điện tử công nghiệp	33	26	33	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun
18	Công nghệ ô tô	37	28	37	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun
19	Điện công nghiệp	35	27	35	Đủ 5 bản/ 1 môn học, mô đun
20	Rèn, dập	45	34	16	Không đủ GT
21	Quản trị mạng máy tính		23	23	Đủ GT
22	Tin học ứng dụng	30	20	30	Đủ GT
23	Tài chính - ngân hàng		28	26	Không đủ GT
24	CD liên thông Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19		19	Đủ GT
25	CD liên thông Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19		19	Đủ GT
	Tổng	827	501	737	

Trường có giáo trình, tài liệu cho tất cả các ngành nghề đào tạo, tuy nhiên Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun) chưa đảm bảo cho tất cả các ngành/ngành. Vì một số ngành/ nghề mấy năm gần đây trường không tuyển sinh được, nên không in đủ giáo trình tài liệu theo quy định, vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn. (4.10.03 - Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 0 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.11:** 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định: Tất cả các môn học - mô đun các ngành nghề đào tạo của trường đang đào tạo đều có giáo trình, tài liệu được lựa chọn và được tổ chức biên soạn, lựa chọn đúng quy trình, quy định, nội dung phù hợp với nội dung đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo và được Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình của trường tổ chức thẩm định, nghiệm thu, được Hiệu trưởng phê duyệt đưa vào sử dụng.

Năm 2019 Trường có kế hoạch số 212^a/KH-CĐCNVĐ ngày 01/7/2019 v/v Lựa chọn giáo trình cho các môn học - mô đun các ngành nghề (4.11.01 - Kế hoạch lựa chọn giáo

trình). Sau đó thành lập Hội đồng thẩm định (QĐ số 167/QĐ-CĐCNVĐ ngày 17/7/2019 v/v thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình môn - mô đun;

Tất cả các thành viên của Hội đồng thẩm định giáo trình đều có bằng tốt nghiệp từ đại học chuyên ngành trở lên, đúng chuyên ngành giảng dạy. Ví dụ: nhà giáo có thâm niên cao nhất là 19 năm, cô Trương Thị Hải Thanh, Thạc sĩ Luật học, Giáo viên Pháp luật; Nhà giáo có thâm niên thấp nhất là 10 năm trở lên, thầy Trần Quang Khánh, cử nhân Giáo dục thể chất, Giảng viên Giáo dục quốc phòng - An ninh... ; (4.11.02 - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình các môn học, mô đun*).

Hội đồng thẩm định có Phiếu đánh giá cho các thành viên (Phiếu có 10 câu, đánh giá theo 5 mức). (4.11.03 - *Phiếu đánh giá giáo trình*).

Các khoa chuyên môn đăng ký lựa chọn giáo trình, gửi Danh sách cho phòng Đào tạo để phòng Đào tạo tổ chức xét duyệt danh sách, có Biên bản lựa chọn và thẩm định giáo trình. (4.11.04 - *Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình*).

Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019). (4.10.01 - *Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn*; 4.10.02 - *Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề*). (4.11.05 - *Bảng tổng hợp số lượng môn học/mô đun và giáo trình*; 4.10.03 - *Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.12:** *Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có tổng số: 19 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, 18 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 02 chương trình liên thông và 01 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp (nghề lái xe ô tô theo chương trình của Cục Đường bộ). (1.2.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019*).

Từ năm 2019: Sau 3 năm đào tạo, trường đã rà soát, chỉnh sửa 06 chương trình Cao đẳng và 06 chương trình Trung cấp (các chương trình khác của 13 nghề Cao đẳng và 11 nghề Trung cấp không tuyển sinh được từ 2017 nên không rà soát, chỉnh sửa), biên soạn mới 01 chương trình Trung cấp (Tin học ứng dụng) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động GDNN số 74/2019, Trường có QĐ 152 ^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 28/6/2019 v/v ban hành mới và ban hành sau rà soát chỉnh sửa 06 chương trình trình độ Cao đẳng và 07 chương trình trình độ Trung cấp; QĐ 157 ^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 và QĐ 226/QĐ-CĐCNVĐ ngày 02/7/2019 v/v ban hành 02 chương trình liên thông (Công nghệ KT Cơ khí - sau khi rà soát, chỉnh sửa và Công nghệ KT Điện - Điện tử - Biên soạn chương trình mới).

Năm 2020 trường điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng chất lượng cao. Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo)*). Chương trình đảm bảo độ chính xác về kiến thức, kỹ năng, bám sát thực tiễn, cập nhật tiến bộ Khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính linh hoạt khi có sự thay đổi của thị trường lao động. (4.5.01- *Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa*). Các chương trình cụ thể của từng nghề trên cơ sở báo cáo của các khoa chuyên môn về chương trình đảm bảo tính thực tiễn, đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Các khoa chuyên môn đăng ký lựa chọn giáo trình, gửi Danh sách cho phòng đào tạo để phòng đào tạo tổ chức xét duyệt danh sách, có Biên bản lựa chọn và thẩm định giáo trình. (4.11.04 - *Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình*).

Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019). (4.10.01 - *Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn*; 4.10.02 - *Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ nghề*; 4.10.03 - *Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun)*).

Giáo trình đào tạo đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng môn học - mô đun trong chương trình đào tạo; ví dụ:

Chương trình đào tạo	Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của MĐ/MH	Giáo trình đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng
	- MĐ 31.Trang bị điện 3; Bài 2. Mục tiêu: - Trình bày được trang bị điện,	Giáo trình “Máy công nghiệp dùng chung” (Trang bị điện - Điện tử):

Điện công nghiệp	<p>nguyên lý hoạt động của thang máy.</p> <p>- Lựa chọn được các thiết bị điện thang máy, lắp ráp được mạch điện thang máy đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thời gian và an toàn; đo kiểm tra xác định được các dạng sai hỏng, nguyên nhân, cách phòng ngừa.</p>	Chương 3: Trang bị điện - Điện tử thang máy và máy nâng.
	<p>Bài 3: Mục tiêu:</p> <p>-Trình bày được trang bị điện, nguyên lý hoạt động của băng tải.</p> <p>- Lựa chọn được các thiết bị điện thang máy, lắp ráp được mạch điện băng tải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thời gian và an toàn; đo kiểm tra xác định được các dạng sai hỏng, nguyên nhân, cách phòng ngừa.</p>	<p>Giáo trình “Máy công nghiệp dùng chung” (Trang bị điện - Điện tử):</p> <p>Chương 5: Trang bị điện - Điện tử các thiết bị vận tải liên tục.</p>
Công nghệ Ô tô	<p>MĐ 29. Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật Ô tô. Bài 2. Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật hệ thống điện.</p> <p>Yêu cầu kiến thức: Trình bày được nhiệm vụ, yêu cầu của chẩn đoán trạng thái kỹ thuật hệ thống điện; Chẩn đoán được những dạng sai hỏng của hệ thống điện;</p> <p>Yêu cầu kỹ năng: Lựa chọn được phương pháp và sử dụng thiết bị để chẩn đoán trạng thái kỹ thuật hệ thống điện.</p>	<p>- Mục 12.3. Kiểm tra, chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống đánh lửa bằng xăng.</p> <p>- Mục 12.4. Kiểm tra, chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật hệ thống phụ tải và các thiết bị khác (Chẩn đoán và bảo dưỡng kỹ thuật Ô tô).</p>
	<p>MĐ 25. Chẩn đoán và bảo dưỡng hệ thống truyền lực. Bài 2. Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số;</p> <p>Yêu cầu kỹ năng: Chẩn đoán và bảo dưỡng được hộp số đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thời gian và an toàn.</p>	<p>3.2.2. Hộp số 3 trục</p> <p>3.3. Cơ cấu điều khiển số</p> <p>Giáo trình bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực, TCGDNN.</p>

Cắt gọt KL	MĐ.18. Tiện trụ trơn ngoài Yêu cầu về kiến thức: Mô tả được phương pháp tiện trụ ngắn, trụ dài, cắt rãnh, cắt đứt trên máy tiện.	Bài 8. Tiện trụ trơn ngoài gá trên mâm cặp ba vấu tự định tâm Bài 9. Tiện mặt đầu khoan tâm Bài 10. Tiện trụ bậc Bài 11. Tiện cắt rãnh, cắt đứt (Giáo trình Tiện 1-NXB LĐ-2009)
	MĐ 25. Tiện CNC 1 Yêu cầu về kỹ năng: Lập được chương trình, gia công được chi tiết bằng chu trình G90, G91, G92 trên máy tiện CNC đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, thời gian và an toàn.	Bài 10. Lập trình gia công trên máy tiện CNC. Bài 11. Chu trình cắt ren trên máy tiện CNC.

Hàng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo; biên soạn giáo trình tài liệu; Ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo; Công tác quản lý người học... Hầu hết các đề tài của cán bộ, nhà giáo đã được ứng dụng vào công giáo dục, quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy...; Trong nhiều năm trở lại đây nhà trường thường xuyên thực hiện từ 1-2 đề tài cấp Bộ và được hội đồng cấp Bộ đánh giá cao. (4.12.01 - Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát về chương trình đào tạo và giáo trình (4.12.02 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.13:** *Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo trình về nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp với mục tiêu đào tạo trong giai đoạn mới trường đã ban hành các quy định cụ thể về công tác biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy.

Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy đã và đang được thực hiện theo đúng quy trình, từ xây dựng kế hoạch, triển khai, tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý

trong trường, người học và cán bộ quản lý doanh nghiệp, phản biện và ra quyết định ban hành.

Trường đã đăng ký hoạt động GDNN cho 3 cấp trình độ, trong đó có 19 ngành/ngành thuộc hệ cao đẳng, 18 nghề thuộc hệ trung cấp, 02 nghề hệ sơ cấp được BLĐTBXH phê duyệt (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019). Các chương trình đào tạo được xây dựng một cách hệ thống trên cơ sở chương trình khung do Bộ LĐTĐTBXH ban hành, các chương trình đào tạo chi tiết cho từng môn học, mô đun, theo từng học kỳ, năm học và được phê duyệt của Hiệu trưởng. (2.1.03 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo; 4.13.01 - Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học theo ngành nghề).

Hàng năm các khoa chuyên môn đăng ký lựa chọn giáo trình, gửi Danh sách cho Phòng đào tạo để phòng đào tạo tổ chức xét duyệt danh sách, có biên bản lựa chọn và thẩm định giáo trình. (4.11.04 - Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình).

Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVĐ ngày 20/8/2019). (4.10.01 - Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn; 4.10.02 - Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành; 4.10.03 - Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).

Hàng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào nghiên cứu quản lý đào tạo; biên soạn giáo trình tài liệu; Ứng dụng kiến thức khoa học, công nghệ trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng đào tạo. (4.13.02 - Giáo án thể hiện phương pháp dạy học tích cực). Hầu hết các đề tài của cán bộ, nhà giáo đã được ứng dụng vào công tác giáo dục, quản lý, nâng cao chất lượng giảng dạy...; (4.12.01 - Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm).

Đội ngũ viên chức, người lao động; gọi tắt là viên chức lao động (VCLĐ) của trường hiện đang công tác tại các Phòng, Khoa, Trung tâm, đều hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào mức độ và khối lượng hoàn thành công tác phục vụ và theo báo cáo tổng kết năm học của trường và của các đơn vị cho thấy đội ngũ VCLĐ của trường có năng lực chuyên môn phù hợp với từng công việc vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu công việc được

giao. (3.15.01 - Danh sách trích ngang viên chức, lao động của Trường (Họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...).

Hàng năm, trường đã thực hiện khảo sát về chương trình đào tạo và giáo trình (4.13.03 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 4.14:** Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, trường có Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp, người tốt nghiệp, cán bộ quản lý, nhà giáo về mức độ phù hợp của chương trình, giáo trình.

Đối với doanh nghiệp và cựu HS-SV trường có Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh - Sinh viên đến trực tiếp doanh nghiệp phối hợp công tác với cán bộ phụ trách và gặp gỡ các cựu HS-SV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp để lấy ý kiến vào phiếu khảo sát. Trong phiếu khảo sát doanh nghiệp và cựu HS-SV có các câu hỏi đánh giá về chương trình đào tạo (đánh giá về sự phù hợp của giáo trình đào tạo): “Nội dung giáo trình đào tạo đảm bảo mục tiêu kiến thức, kỹ năng đã đề ra, phù hợp với nhu cầu xã hội”, hoặc (đánh giá về mức độ đầy đủ của giáo trình...); “Các hình ảnh minh họa, bảng biểu, bản vẽ, quy trình thực hiện đầy đủ, phù hợp với thực tế”

Đối với cán bộ quản lý, giáo viên của trường, gửi phiếu khảo sát đến tất cả các đơn vị Phòng, Khoa cho cán bộ quản lý và Giáo viên. (4.14.01 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp được khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo)

Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo. (4.14.02 - Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 4.15:** *Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có các chương trình đào tạo được ban hành năm 2017 (4.7.01 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo).*

- Năm 2019, trường đã cập nhật và chỉnh lý 06 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và 06 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 01 chương trình liên thông;

- Năm 2020: Trường điều chỉnh và ban hành 05 chương trình cao đẳng chất lượng cao. Các chương trình đào tạo được cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo và tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. Trường đã thực hiện việc xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy định, cụ thể năm 2019, Trường có Kế hoạch số 51^a/KH-CĐCNVD ngày 22/02/2019 v/v rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Trong kế hoạch có Căn cứ, danh sách các ngành nghề cần chỉnh sửa, nội dung công việc và tiến độ thực hiện, tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các hội đồng, tiểu ban, các phòng và các đơn vị đào tạo (4.2.01 - *Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm*). Tất cả các chương trình đào tạo của trường hàng năm được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Chương trình đảm bảo độ chính xác về kiến thức, kỹ năng, bám sát thực tiễn, cập nhật tiến bộ Khoa học kỹ thuật, đảm bảo tính linh hoạt khi có sự thay đổi của thị trường lao động. (4.5.01- *Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa*).

Chương trình đào tạo của trường định kỳ rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo quy định để đáp ứng nhu cầu đào tạo. Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thông qua các cuộc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá, nhận xét của chuyên gia từ các doanh nghiệp, cán bộ, nhà giáo và người học của trường làm cơ sở để thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo cho phù hợp. (4.7.02 - *Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo).*

Khi chương trình có sự thay đổi, các khoa chuyên môn đã có báo cáo về chương trình và giáo trình (4.15.01 - *Báo cáo của các đơn vị đào tạo về nội dung giáo trình*). Ví dụ một số nghề có nội dung thay đổi về chương trình và giáo trình:

TT	Nghề	MĐ - MH	Nội dung thay đổi chương trình	Nội dung thay đổi của giáo trình
		MĐ 26. Kỹ	Đã bổ sung thêm bài	Tài liệu tham khảo

1	Điện Công nghiệp	thuật lắp đặt điện.	4: Lắp đặt hệ thống điện thông minh.	trên mạng Internet
		Bổ sung thêm MĐ 32. Máy điện 3.	Đã cập nhật nội dung về Động cơ Servo (bài 1) và Động cơ bước (bài 2)	Tài liệu tham khảo trên mạng Internet
2	Công nghệ ô tô	MĐ 29. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh.	Chẩn đoán hệ thống phanh ABS.	Bổ sung giáo trình 1. Kỹ thuật ô tô và xe máy hiện đại (tài liệu dịch), Nhà xuất bản trẻ, 2018. 2. Giáo trình công nghệ ô tô (phần hệ thống phanh), Phạm Tố Như, NXB Lao động, 2010.
		MĐ 38. Kỹ thuật kiểm định ô tô.	- Thiết bị kiểm định đèn. - Thiết bị kiểm định phanh. - Thiết bị kiểm định khí thải. - Thiết bị kiểm định trượt ngang.	Bổ sung giáo trình: 1. Kỹ thuật ô tô và xe máy hiện đại (tài liệu dịch), Nhà xuất bản trẻ, 2018.
		MĐ 24. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel.	Chẩn đoán hệ thống phun Diesel điện tử.	Bổ sung giáo trình: 1. Kỹ thuật ô tô và xe máy hiện đại (tài liệu dịch), Nhà xuất bản trẻ, 2018. 2. Giáo trình công nghệ ô tô (phần nhiên liệu), Phạm Tố Như, NXB Lao động, 2010.
			Bổ sung MĐ Gia công trên trung tâm tiện CNC.	Đã có trong giáo trình được lựa chọn năm 2017.

3	Cắt gọt kim loại		Bổ sung MĐ Gia công trên máy xung, máy cắt dây, gia công trên khuôn mẫu.	- Bổ sung tài liệu Gia công trên máy cắt dây (Trung Quốc). - Bổ sung tài liệu Gia công bằng tia lửa điện CNC (NXB KHKT 2005).
---	------------------	--	--	--

Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh giáo trình. Căn cứ Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 được phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã lựa chọn có tổng số có 737 giáo trình được lựa chọn: trong đó có 06 giáo trình môn chung (Quyết định số 194/QĐ-CĐCNVD ngày 20/8/2019).
(4.10.01 - Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn; 4.10.02 - Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành; 4.10.03 - Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).

Trường có giáo trình, tài liệu cho tất cả các ngành nghề đang đào tạo, tuy nhiên Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun) chưa đảm bảo cho các nghề. Vì một số ngành/ nghề mấy năm gần đây trường không tuyển sinh được, nên không in đủ giáo trình tài liệu theo quy định, vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 0 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

*** Mở đầu:**

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức được thành lập ngày theo Quyết định số 1765/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đóng trên địa bàn phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích 132.427,7 m². Trụ sở chính của trường nằm ngay cạnh đường Thống Nhất, cách đường cách mạng tháng 8 khoảng 500m nơi có tuyến xe Buyt nội tỉnh chạy qua và cách quốc lộ 3 khoảng 1,5km nơi có các tuyến xe liên tỉnh chạy qua; Cách Công ty May Shinwon 2km, cách Công ty TNHH Doosun Việt Nam 2,7km, cách Công ty Menifa 4,5km, cách Công ty phụ tùng máy số

một 4,7km và cách xa khu công nghiệp Sông Công Thái Nguyên 6,5km, đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và môi trường an toàn, không bị ảnh hưởng bởi các chất rác thải độc hại thải ra từ các xí nghiệp, khu công nghiệp.

** Những điểm mạnh:*

Hàng năm, nhà trường có đầu tư kinh phí để cải tạo nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng: đường đi, nhà ở KTX, nhà làm việc, nhà xưởng, hội trường, công trình công cộng, khu thể thao trong nhà và ngoài trời phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt của Cán bộ, VCLĐ và người học của trường.

Nhà trường thường xuyên đầu tư, mua sắm trang thiết bị, máy móc, dụng cụ dạy học hiện đại, tiên tiến, phục vụ cho học tập lý thuyết, thực hành đầy đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng.

Khuôn viên cao ráo thoáng mát, khu thực hành rộng rãi, môi trường xanh, sạch đẹp, thoáng mát có nhiều diện tích cây xanh, hồ nước, nhà xưởng đảm bảo tiêu chuẩn của trường cao đẳng và đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, nhà giáo và người học.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức đảm bảo điều kiện cách xa các khu công nghiệp thải ra các chất độc hại, gây tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí.. thuận tiện cho việc học tập, giảng dạy và công tác.

** Những tồn tại:*

Thiết bị đào tạo của nhiều ngành/ngành chưa đảm bảo về chủng loại và số lượng so với quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

Diện tích thư viện còn nhỏ, chưa đáp ứng và tương xứng với quy mô đào tạo của trường.

Thư viện điện tử chưa đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, số lượng máy tính còn ít

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường cần quan tâm đầu tư trang thiết bị đồng bộ tiến tới đạt tiêu chuẩn về chủng loại và số lượng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và khai thác hiệu quả tính năng của hệ thống trang thiết bị đào tạo;

Nhà trường quan tâm đầu tư thư viện đạt chuẩn theo quy định hiện hành nhằm tạo điều kiện cho giáo viên và người học có cơ hội nghiên cứu, trang bị bổ sung thêm thông tin kiến thức cần thiết.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
-----------------------------	-------------------	-------------------------

Tiêu chí 5	15 điểm	13 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

*** Tiêu chuẩn 5.1:** *Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức nằm trên khu vực có cấu tạo địa chất ổn định, có nền đất cứng và tương đối đồng nhất, cao ráo nên không bị ngập úng. Hệ thống đường nội bộ, đường điện, đường nước được thiết kế hợp lý thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Bên cạnh trường là các khu dân cư yên tĩnh cách xa các khu công nghiệp độc hại nên có môi trường trong lành, thoáng mát không ảnh hưởng bởi tiếng ồn lớn, bụi bặm, chất thải độc hại, ô nhiễm không khí, nguồn nước; bảo đảm an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy và học tập. Công tác an ninh của trường luôn đảm an ninh, trật tự trong các hoạt động.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức được thành lập ngày theo Quyết định số 1765/QĐ-BLĐT BXH ngày 10/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (1.1.01-

Quyết định số 1765/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/4/2006 về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức). Trường đóng trên địa bàn phường Thăng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích 132.427,7 m², trụ sở chính của trường nằm ngay cạnh đường Thống Nhất, cách đường cách mạng tháng 8 khoảng 500m nơi có tuyến xe buýt nội tỉnh chạy qua và cách quốc lộ 3 khoảng 1,5km nơi có các tuyến xe liên tỉnh chạy qua; cách Cty May Shinwon 2km, cách Cty TNHH Doosun Việt Nam 2,7km, cách Công ty Menifa 4,5km, cách Công ty phụ tùng máy số một 4,7km và cách xa khu công nghiệp Sông Công Thái Nguyên 6,5km, đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và môi trường an toàn, không bị ảnh hưởng bởi các chất rác thải độc hại thải ra từ các xí nghiệp, khu công nghiệp. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. (5.1.01 - *Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp*; 5.1.02 - *Bảng kê khoảng cách đến các nhà máy xí nghiệp trên địa bàn sông công*).

Hàng năm nhà trường thực hiện kiểm tra và có báo cáo tổng kết công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm (5.1.03 - *Biên bản kiểm tra, báo cáo tổng kết vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng năm*).

Nhà trường đảm bảo việc cung cấp điện 24/24 giờ cho mọi hoạt động sinh hoạt, giảng dạy, học tập với trạm biến áp 22/0,4 KV công suất 320 KVA. Được Hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty điện lực Miền Bắc, chi nhánh Thành phố Sông công. (5.1.04 - *Báo cáo tình hình sử dụng điện nước hàng năm*).

Từ năm 2016 nhà trường hoàn tất và đưa vào sử dụng hệ thống nước sạch được nhà nước đầu tư với tổng kinh phí lên đến 19.386.000.000 đồng, sử dụng nguồn nước từ hệ thống giếng khoan trong khuôn viên nhà trường, đến thời điểm kiểm tra thì hệ thống đang hoạt động tốt; đáp ứng được nhu cầu nước sạch trong toàn trường.

Đồng thời địa điểm của trường cũng phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (5.1.05 - *Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN” tỉnh Thái Nguyên*).

Hàng năm, trường thực khảo sát lấy ý kiến về cơ sở vật chất và điều kiện an toàn đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý. (5.1.06 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về cơ sở vật chất và điều kiện an toàn hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)).

Qua khảo sát cho thấy nhà giáo, cán bộ quản lý và người học, đều hài lòng với vị trí địa lý cũng như môi trường cảnh quan của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.2:** Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường ĐČCN Việt Đức được quy hoạch, xây dựng trên 03 khu đất tổng diện tích 125.711m² (bao gồm trụ sở chính tại phường Thắng Lợi, TP Sông Công, diện 112.858m²; Trung tâm bảo dưỡng sửa chữa ô tô tại tổ 2A, phường Phố Cò, diện tích tích 908 m² và Sân tập lái xe ô tô hạng B1, B2 tại tổ dân phố Kè, phường Phố Cò, diện tích tích 11.945 m²). Tại trụ sở chính được quy hoạch, bố trí xây dựng 25 hạng mục công trình, bao gồm các nhóm công trình theo chức năng chính như nhà hiệu bộ hành chính 986 m²; nhà xưởng học thực hành, nhà học lý thuyết; khu ký túc xá 10.702 m²; nhà khách; nhà ăn 586m², nhà xe cho cán bộ, giáo viên và HS-SV 1.750m²; khu thể thao vui chơi giải trí 2.990m², và các khu đất dự trữ phát triển... Với tổng mật độ xây dựng là 21,7%. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. (5.2.01 - Bản đồ hành chính khu vực đặt địa điểm trường; 5.2.02 - Quyết định số 2258/QĐ-UBND tỉnh Thái nguyên, ngày 25/10/2005 về việc Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể của Trường; 5.2.03 - Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất).

Mặt bằng tổng thể khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với chức năng đào tạo, bảo đảm yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan và bảo đảm cảnh giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên trường. (5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập,

trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;

Quy hoạch diện tích đất sử dụng và diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định, với tổng diện tích cây xanh và thảm cỏ là 59.800 m² chiếm 47,6% diện tích đất toàn trường, đảm bảo tiêu chuẩn là từ 30 - 40% theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc Gia TCVN 9210:2012. (5.2.04 - Báo cáo số liệu về diện tích xây dựng; 5.2.05 - Báo cáo số liệu về diện tích cây xanh bao gồm diện tích các vườn hoa, thảm cỏ, dải cây xanh cách ly, cây bảo vệ, cây bóng mát...; 5.2.06 - Hồ sơ hoàn công các công trình của trường).

Hàng năm, trường thực khảo sát lấy ý kiến về về xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường (5.2.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.3:** *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có đầy đủ các khối công trình: Phòng học lý thuyết; Phòng học thực hành; Phòng học chuyên môn; Xưởng thực thành, thực tập; Khu vực rèn luyện thể chất, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. Trong đó, khu nhà hiệu bộ rộng 246m²; Hội trường rộng 765m²; Khu nhà học lý thuyết 7 tầng có mặt sàn rộng 1.400m²; Các phòng/nhà xưởng/sân học thực hành rộng 16.123m²; Khu ký túc xá bao gồm 4 dãy nhà 5 tầng được đầu tư xây dựng đảm bảo theo thiết kế gồm 206 phòng, với sức chứa 1.560 người. Diện tích phòng tại ký túc xá là 30m²/phòng. Phòng ở rộng rãi được trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, khu vệ sinh khép kín, mỗi phòng bố trí tối đa là 06 người/phòng. Trong phòng có hệ thống vệ sinh khép kín và được trang bị hoàn chỉnh, đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt với hệ thống lọc nước của nhà trường. Trước khu ký túc xá có hồ điều hoà và các phương tiện sinh hoạt khác..., đảm bảo điều kiện chỗ ở sinh hoạt, thuận tiện cho việc học tập và đi lại cho người học. Khu thể thao rộng 2.990m² và các công trình phụ trợ khác. (5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: *Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí*

nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp; 5.2.06 - Hồ sơ hoàn công các công trình của trường).

Trường có 109 phòng học lý thuyết/giảng đường. Hội trường với tổng diện tích sàn là 12.075m², các phòng học lý thuyết đảm bảo diện tích đủ rộng để bố trí các hoạt động dạy và học. Phòng học có diện tích nhỏ nhất là 70m² và lớn nhất là 393m², đảm bảo không nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đảm bảo cho 1 lớp học lý thuyết 35 HS-SV đồng thời đảm bảo diện tích tối thiểu cho mỗi HS-SV là 1,5 m²/chỗ theo TCVN 9210-2012.

Có 84 xưởng/phòng /sân học thực hành với tổng diện tích là 20.153 m² (trong đó 01 sân tập lái ô tô rộng 11.945 m²; tổng diện tích các phòng/xưởng học thực hành đào tạo Trung cấp, Cao đẳng là 7.619 m²), diện tích trung bình của phòng/xưởng học thực hành là 90,7 m², trong đó phòng có diện tích nhỏ nhất là 75 m² và phòng/xưởng có diện tích lớn nhất là 224 m², các phòng/xưởng thực hành đảm bảo diện tích theo quy chuẩn. (5.3.01 - *Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết/ phòng học thực hành/xưởng/mô phỏng toàn Trường*).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát và thực hiện tổng hợp số liệu khảo sát về điều kiện phục vụ công tác giảng dạy trong trường đối với cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và HS-SV của trường (5.3.02 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, chính sách phục vụ người học hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)*).

Kết quả khảo sát cho thấy số lượng người được lấy ý kiến thỏa mãn với điều kiện phục vụ của trường hàng năm đều trên 96%. Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và các hoạt động khác cho người học cũng như cán bộ, giáo viên của trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.4:** *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng

cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt. Hệ thống đường giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý, đủ rộng, đảm bảo nhu cầu di chuyển của cán bộ, nhà giáo, người học cũng như vận chuyển trang thiết bị và nguyên nhiên vật liệu. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên Trường đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. (5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động, được bảo dưỡng và vận hành theo đúng quy trình, đúng chức năng và công suất thiết kế. Đối với việc bảo dưỡng định kỳ hoặc sửa chữa lớn đều được lập dự toán kinh phí và thực hiện theo đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Trên cơ sở kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa chống xuống cấp hằng năm, phòng Quản trị đời sống của trường đã thực hiện kế hoạch, tổ chức thực hiện và đều có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật. (5.4.01 - Kế hoạch sửa chữa hạ tầng hàng năm (đường giao thông nội bộ; Hệ thống điện; Cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; Thông gió; Phòng cháy chữa cháy).

Hệ thống cấp nước sinh hoạt cũng như xử lý nước thải được thiết kế khoa học, hiện đại, hợp lý, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, không gây độc hại, hệ thống thoát nước hoạt động tốt, ổn định và không xảy ra tình trạng ngập úng vào mùa mưa (5.4.02 - Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý rác thải của trường).

Nhà trường có 2 trạm biến áp lấy từ nguồn điện từ Chi nhánh điện Thành phố Sông công. Trạm thứ nhất để phục vụ nhu cầu hoạt động đào tạo, sản xuất là 320(KVA), trạm thứ 2 cấp cho hệ thống khu ký túc xá sinh hoạt là 180(KVA). Trong đó hệ thống đã lắp đặt thiết bị ngắt điện bảo vệ tự động và thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các công trình khi có sự cố xảy ra, đồng thời trường ký hợp đồng với Chi nhánh điện Thành phố Sông Công thuộc Công ty điện lực thành phố Thái Nguyên để vận hành, quản lý đường dây và trạm trong suốt

quá trình sử dụng (5.4.03 - *Hồ sơ thiết kế, lắp dựng, hoàn công công trình trạm biến thế của trường*; 5.4.04 - *Hợp đồng thuê quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp*).

Công tác PCCC được nhà trường rất quan tâm đầu tư cả nhân lực và vật lực, Trường đã tiến hành mua sắm các thiết bị PCCC và xây dựng các phương án cứu nạn cứu hộ, ban hành quy định về PCCC và thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy, định kỳ tập huấn công tác PCCC cho các thành viên (5.4.05 - *Hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy*).

Đối với rác thải chất rắn, trường có đội ngũ nhân viên phục vụ, dọn dẹp vệ sinh, các đoàn thể trong trường luôn phát động và duy trì đến CB, VCLĐ và HS-SV hoạt động bảo vệ môi trường, đồng thời Trường ký Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Sông Công để thu gom vận chuyển rác thải (5.4.06 - *Hợp đồng thu gom rác thải*).

Hàng năm, phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Thái Nguyên thực hiện kiểm tra định kỳ công tác PCCC của nhà trường. (5.4.07- *Biên bản nghiệm thu các công trình: hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống phòng cháy chữa cháy*).

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên trường đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan; bảo đảm chỉ giới quy hoạch, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình xây dựng trong và ngoài khuôn viên. (5.2.06 - *Hồ sơ hoàn công các công trình của Trường*).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động, được bảo dưỡng và vận hành theo đúng quy trình, đúng chức năng và công suất thiết kế. Đối với việc bảo dưỡng định kỳ hoặc sửa chữa lớn đều được lập dự toán kinh phí và thực hiện theo đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Trên cơ sở kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa chống xuống cấp hằng năm, phòng Quản trị đời sống của trường đã thực hiện kế hoạch, tổ chức thực hiện và đều có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật (5.4.08 - *Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm*).

Các công trình xây dựng của Nhà trường đều có hệ thống thống phòng cháy chữa cháy theo quy chuẩn đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình vận hành các hoạt động chung của trường. Trong quá trình thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy đều được sự kiểm tra chặt chẽ của Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đều phải có đại diện của phòng cảnh sát PCCC cùng nghiệm thu. (5.4.09 - *Quy định về PCCC*; 5.4.10 - *Kế hoạch PCCC hàng năm*. 5.4.11 -

Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCCC; 5.4.12 - Danh sách Cán bộ quản lý, viên chức người lao động tham gia tập huấn PCCC hàng năm; 5.4.13 - Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của trường (5.4.14 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.5:** *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có tổng diện tích mặt bằng là 125.711 m², được xây dựng thành các tòa nhà từ 1 đến 7 tầng và một số công trình phụ trợ; có đủ các khu vực phục vụ cho công tác đào tạo đạt tiêu chuẩn.

Tổng diện tích mặt sàn các phòng học lý thuyết và phòng/xưởng/sân thực hành là 32.228 m², trong đó: Có 109 phòng lý thuyết/giảng đường/hội trường với tổng diện tích mặt sàn là 12.075 m², các phòng học lý thuyết đảm bảo diện tích đủ rộng để bố trí các hoạt động dạy và học. Phòng học có diện tích nhỏ nhất là 70 m² và lớn nhất là 393 m², đảm bảo không nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đảm bảo cho 1 lớp học lý thuyết 35 HS-SV đồng thời đảm bảo diện tích tối thiểu cho mỗi HS-SV là 1,5 m²/chỗ theo TCVN 9210-2012.

Có 84 xưởng/phòng/sân học thực hành với tổng diện tích là 20.153 m² (trong đó 01 sân tập lái ô tô rộng 11.945 m²; tổng diện tích các phòng/xưởng học thực hành đào tạo Trung cấp, Cao đẳng là 7.619 m²), diện tích trung bình của phòng/xưởng học thực hành là 90,7 m², trong đó phòng có diện tích nhỏ nhất là 75 m² và phòng/xưởng có diện tích lớn nhất là 224 m², các phòng/xưởng thực hành đảm bảo diện tích theo quy chuẩn. (5.5.01 - *Biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng (nhà công nghệ cao, nhà thư viện...; (5.1.01 - Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí*

nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp).

Trường có đầy đủ các khối công trình: Phòng học lý thuyết; Phòng học thực hành; Phòng học chuyên môn; Xưởng thực thành, thực tập; Khu vực rèn luyện thể chất, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. Phần này như đã trình bày chi tiết, cụ thể tại tiêu chuẩn (5.3). (5.3.01 - *Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết/ phòng học thực hành/xưởng/mô phỏng toàn Trường*).

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được thiết kế thông thoáng, có sự liên kết với nhau để tạo thuận tiện cho các hoạt động chuyên môn; thuận tiện cho việc bố trí, lắp đặt, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị; bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo, không ảnh hưởng xấu đến tính năng, công nghệ cũng như tuổi thọ của thiết bị.

Tại tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đấu nối, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất... (5.5.02 - *Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm*; 5.5.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề*; 5.5.04 - *Sổ báo cáo thông tin*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo của trường. (5.5.05 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm đối với nhà giáo và cán bộ quản lý*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.6:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đảm bảo công tác quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện đúng quy trình, quy định, trường ban hành Quy định về quản lý tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư thực hành, Bảo trì - bảo dưỡng thiết bị đào tạo. Hàng năm Phòng thực tập sản xuất và quản lý thiết bị xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo định kỳ. Trong quá trình thực hiện Phòng thực tập sản xuất và quản lý thiết bị đã phối hợp với các đơn vị đào tạo trong trường thường xuyên kiểm tra và quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy định.

Tại tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đấu nối, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất...; (5.5.03 - Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề). Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. (5.6.01 - Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị; 5.6.02 - Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm).

Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường...; (5.6.03 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý).

Tại các phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn đều có đầy đủ nội quy, hướng dẫn sử dụng và các quy định cụ thể. (5.6.04 - Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị).

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như tăng tuổi thọ cho các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, trường đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản nhà nước của Trường, trong đó có nêu rõ các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết

bị, đồng thời xây dựng quy trình sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thiết bị đào tạo phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất. (5.6.05 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; 5.6.06 - Quy chế quản lý sử dụng tài sản công; 5.6.07 - Quy định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa).

Hệ thống các trang thiết bị đào tạo thực hành được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu học tập của người học, được sử dụng đúng công năng và phát huy tính năng thiết bị. (5.6.08 - Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.7:** *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. Được xây dựng đáp ứng yêu cầu làm việc và các hoạt động đào tạo, thực nghiệm, thực hành. Hệ thống các phòng học lý thuyết, phòng thực hành được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu học tập của người học, được sử dụng đúng công năng và phát huy công suất thiết kế, có nội quy quy định việc bảo vệ các tài sản phòng học, xưởng thực hành...; Trường còn ban hành các nội quy, quy định quản lý trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: Nội quy Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức, Nội quy quản lý phòng học lý thuyết, Nội quy quản lý xưởng thực tập, nội quy các phòng học chuyên môn...; (3.4.05 - Nội quy lớp học, xưởng thực hành, ký túc xá...). Hệ thống các trang thiết bị đào tạo thực hành được trang bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu học tập của người học, được sử dụng đúng công năng và phát huy tính năng thiết bị. (5.6.08 - Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo). Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như tăng tuổi thọ cho các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, trường đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản nhà nước của Trường, trong đó có nêu rõ các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, đồng thời xây dựng quy trình sử dụng, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thiết bị đào tạo phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất. (5.6.06 - Quy chế quản lý sử dụng tài sản công). Hàng năm trường tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. (5.7.01 - Sổ kiểm kê tài sản hàng năm).

Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm

học được Hiệu trưởng phê duyệt. (5.7.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*).

Hàng năm nhà trường đều tiến hành thống kê số liệu và thực hiện báo cáo đánh giá việc quản lý và sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa. (5.7.03 - *Báo cáo đánh giá việc quản lý và sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*). Báo cáo có đánh giá cụ thể về chất lượng, hiệu quả sử dụng và quá trình cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất tại các phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành...

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về việc sử dụng, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở vật chất thiết bị. (5.7.04 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc sử dụng, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở vật chất hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.8:** *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với ngành nghề đào tạo, trang thiết bị đào tạo của trường đều có hồ sơ quản lý rõ ràng. Tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đầu nôi, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất...; (5.5.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề; 5.8.01 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định*). Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê,

đánh giá xác định chất lượng. Hằng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. (5.6.01 - Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị). Theo đó, các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. (5.8.02 - Sổ bàn giao tình trạng thiết bị).

Thiết bị đào tạo của trường đủ để thực hiện chương trình đào tạo và đáp ứng điều kiện để người học thực hành đạt các chuẩn đề ra trong mỗi mô đun/môn học cũng như tiêu chuẩn kỹ năng nghề của từng chương trình đào tạo. (5.8.03 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.8.04 - Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đào tạo).

Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. (5.7.02 - Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về mức độ đáp ứng của thiết bị đào tạo. (5.8.05 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo)).

Qua đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định thì hiện nay thiết bị của nghề Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại là đủ về chủng loại và số lượng đáp ứng quy mô đào tạo; các nghề còn lại của trường đều chưa đáp ứng được cả về chủng loại và số lượng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.9:** *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Các thiết bị tại các phòng/xưởng thực hành được bố trí đảm bảo tính hợp lý, khoa học, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Các hồ sơ minh chứng cũng đã thể hiện rõ ý đồ sư phạm từ khâu thiết kế, lắp đặt, bố trí trang thiết bị các xưởng thực hành, phòng chuyên môn hóa theo các nghề khác nhau. Để thuận tiện cho việc theo dõi quản lý, sắp xếp, điều chỉnh trang

thiết bị dụng cụ ở các xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn hóa... nhà trường đã tiến hành lập tên, kí hiệu các xưởng và phòng học theo sơ đồ bố trí. (5.5.02 - *Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm*). Các phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. (5.8.02 - *Sổ bàn giao tình trạng thiết bị*).

Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. (5.6.01 - *Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị*). Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất...; (5.5.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề*).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động, được bảo dưỡng và vận hành theo đúng quy trình, đúng chức năng và công suất thiết kế. Đối với việc bảo dưỡng định kỳ hoặc sửa chữa lớn đều được lập dự toán kinh phí và thực hiện theo đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước. Trên cơ sở kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa chống xuống cấp hàng năm, phòng Quản trị đời sống của trường đã thực hiện kế hoạch, tổ chức thực hiện và đều có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật. (5.4.13 - *Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm*).

Các thiết bị tại các phòng/xưởng thực hành được bố trí đảm bảo tính hợp lý, khoa học, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

(5.9.01 - *Quy chế an toàn - vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong sử dụng thiết bị*). Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường...; (5.6.03 - *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý*).

Các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ, đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn, đồng thời, hàng năm trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ dạy học. (5.9.02 - Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. (5.9.03 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.10:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Để đảm bảo công tác quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện đúng quy trình, quy định, ngoài những Quy định được trường ban hành như: Quy định về quản lý tài sản, thiết bị, công cụ dụng cụ và vật tư thực hành, Quy trình bảo trì bảo dưỡng thiết bị trường đã quản lý chặt chẽ các khâu đầu tư mua sắm đến bàn giao đưa vào sử dụng, các thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, năm, nước sản xuất rõ ràng, được quản lý theo phân công phân nhiệm cho từng cá nhân, bộ phận quản lý theo quy định. Hàng năm trường tổ chức kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng còn lại của tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng. Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. (5.6.01 - Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị).

Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm

học được Hiệu trưởng phê duyệt. (5.7.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*).

Tại tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đầu nối, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất... (5.5.02 - *Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm*). Tại các phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn đều có đầy đủ nội quy, hướng dẫn sử dụng và các quy định cụ thể. (5.6.04 - *Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị*).

Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường...; (5.6.03 - *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý*). Thiết bị đào tạo của trường có hồ sơ quản lý đầy đủ, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng, đầy đủ thông tin: Tên thiết bị, nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng...; (5.10.01 - *Hồ sơ các thiết bị được đầu tư*; 5.5.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề*; 5.10.02 - *Sổ kiểm kê tài sản hàng năm*; 5.5.04 - *Sổ báo cáo thông tin*).

Phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. (5.8.02 - *Sổ bàn giao tình trạng thiết bị*; 5.4.04 - *Sổ báo cáo thông tin*).

Các thiết bị đào tạo được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ, đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn, đồng thời, hàng năm trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ dạy học. (5.9.02 - *Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.11:** *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Các trang thiết bị của trường có hồ sơ xuất xứ, năm và nước sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ, thiết bị được lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng, theo đúng các hợp đồng mua sắm thiết bị của các nghề. Thiết bị được bàn giao cho từng đơn vị, có sổ theo dõi riêng, được các đơn vị sử dụng đúng công năng của các thiết bị được tiến hành kiểm kê, đánh giá xác định chất lượng, có nhật ký bảo dưỡng định kỳ hoặc đột xuất. (5.6.01 - *Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị*; 5.10.01 - *Hồ sơ các thiết bị được đầu tư*).

Các đơn vị đào tạo hàng năm đều tiến hành xây dựng kế hoạch nhân lực giáo viên trên cơ sở kế hoạch tiến độ đào tạo các lớp, các khóa học của từng ngành, nghề học kỳ, năm học được Hiệu trưởng phê duyệt. (5.7.02 - *Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun*). Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất...; (5.5.03 - *Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề*).

Hàng năm, trường đều thực hiện đánh giá tình trạng quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị của các đơn vị. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường...; (5.6.03 - *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý*).

Tại các phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn đều có đầy đủ nội quy, hướng dẫn sử dụng và các quy định cụ thể. (5.6.04 - *Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị*).

Thiết bị đào tạo của trường có hồ sơ quản lý đầy đủ, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng, đầy đủ thông tin: Tên thiết bị, nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng...; (5.10.02 - *Sổ kiểm kê tài sản hàng năm*). Phòng học chuyên môn, xưởng thực hành... được giao cho từng giáo viên quản lý, phục vụ giảng dạy hàng ngày theo kế hoạch đào tạo. Trong quá trình sử dụng giáo viên được phân công giảng dạy và giáo viên được phân công trực phải thực hiện công tác bàn giao, ghi chép nhật ký bàn giao đầy đủ theo quy định. (5.8.02 - *Sổ bàn giao tình trạng thiết bị*).

Tất cả các phòng học lý thuyết, phòng học/xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa... đều được bố trí trang thiết bị phù hợp với mục đích sử dụng và yêu cầu của công tác

dạy và học. Ngoài các trang thiết bị truyền thống, trường đầu tư nhiều phòng thực hành ảo để giáo viên và người học có thể đầu nối, lắp ráp, vận hành chạy mô phỏng trên máy tính trước khi tiếp cận thực tế. (5.5.02 - Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm).

Các thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ, đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập không bị gián đoạn, đồng thời, hàng năm trường tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ dạy học. (5.5.04 - Sổ báo cáo thông tin; 5.9.02 - Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 5.12:** Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã xây dựng định mức tiêu hao vật tư thực hành cho các nghề có sử dụng vật tư thực hành và xây dựng định mức vật tư thực hành cho từng nghề cụ thể. Căn cứ Thông tư số 14 ngày 25/5/2017 của Bộ LĐTBXH, trường đã xây dựng bộ định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo cho 16 ngành/ nghề (Nguội sửa chữa máy công cụ, Nguội chế tạo, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện dân dụng, Điện tử công nghiệp, Điện tử dân dụng, Hàn Cắt gọt kim loại, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính, Kế toán doanh nghiệp, Rèn dập, Quản trị mạng máy tính, Cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí và Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử) trên tổng số 23 nghề trình độ cao đẳng và trung cấp có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp, có 07 nghề (Bảo trì thiết bị cơ điện, Nguội lắp ráp cơ khí, Tin học ứng dụng, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, và Tài chính - Ngân hàng) là do không tuyển sinh được nên trường không xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật.

Để đảm bảo vật tư thực hành được quản lý, sử dụng đúng quy định và phù hợp với từng mô đun, bài dạy. Sau khi Thông tư 08 ngày 14/8/2018 có hiệu lực, trường đã tổ chức, xây dựng, thẩm định và ban hành lại định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo cho 2 nghề đó là nghề Điện công nghiệp và Quản trị mạng máy tính (thông tư 08 chỉ có 2 nghề này trùng với nghề đào tạo của trường. Tháng 2/2020, khi các thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH và 25/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 có hiệu lực, trường đã tiếp tục tổ chức, xây dựng,

thẩm định và ban hành lại định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo cho 8 nghề: Cắt gọt kim loại, Hàn, Công nghệ ô tô, Điện tử công nghiệp, Điện tử dân dụng, Điện dân dụng, Cơ điện tử và Rèn dập. (5.12.01 - *Hồ sơ định mức kinh tế - kỹ thuật theo từng nghề*).

Căn cứ vào chương trình đào tạo, trước mỗi năm học, khoá học Phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp đảm bảo phù hợp với chương trình, các hình thức và phương thức đào tạo. (2.4.02 - *Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học*).

Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được trường tổ chức quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch thể hiện qua hệ thống sổ sách theo dõi. Vật tư khi mua về sẽ làm thủ tục nhập kho và viết vào phiếu nhập kho có đầy đủ các bên tham gia ký xác nhận (người lập phiếu, người giao hàng, thủ kho...). Khi các bộ phận có nhu cầu sử dụng thiết bị lập phiếu yêu cầu được phê duyệt sẽ làm thủ tục xuất kho. (5.12.02 - *Quy trình xuất, nhập vật tư, hàng hóa tại kho vật tư nhà trường*). Nhà trường có 02 kho sử dụng để lưu trữ vật tư, dụng cụ hàng hóa cho toàn trường với tổng diện tích là trên 400m² (5.12.03 - *Sơ đồ mặt bằng kho vật tư, kho bán thành phẩm, kho dụng cụ*). Có quy định sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; các kế hoạch liên quan đến vật tư... (5.12.04 - *Sổ dự trữ vật tư, dụng cụ*; 5.12.05 - *Sổ cấp phát vật tư, dụng cụ*; 5.12.06 - *Kế hoạch dự trữ vật tư, dụng cụ theo quý của các đơn vị*; 5.12.07 - *Bảng quyết toán vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo hằng tháng*).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về việc bảo quản, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo. (5.12.08 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bảo quản, sử dụng vật tư hàng năm (đối với nhà giáo, người học)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.13:** *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có thư viện bao gồm kho sách, phòng đọc truyền thống và thư viện điện tử, cụ thể như sau:

Tổng diện tích thư viện là 387m², trong đó diện tích phòng kho 192m², diện tích phòng đọc truyền thống 165m² và diện tích thư viện điện tử rộng 30m². Thư viện của trường có 2.515 đầu sách, hàng năm đều được bổ sung thêm những đầu sách, giáo trình, tài liệu, sách chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà giáo và người học. Ngoài các đầu sách chuyên môn, sách tham khảo, giáo trình các khoa; có cơ sở dữ liệu điện tử và phần

mềm quản lý thư viện để tạo điều kiện thuận tiện cho việc tra cứu tài liệu. Hàng năm nhà trường có tiến hành chỉnh sửa, biên soạn, lựa chọn lại giáo trình cho phù hợp nhu cầu tra cứu, tham khảo của bạn đọc. Tất cả các tài liệu, giáo trình do trường đầu tư mua sắm đều phù hợp với chuyên môn các nghề trường được phép tổ chức đào tạo. Trường có nhân viên chuyên trách công tác thư viện, thư viện được mở cửa 8 giờ trong ngày và được mở 5 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6; (5.13.01 - Nội quy thư viện; 5.13.02 - Lịch làm việc của thư viện; 5.13.03 - Bản vẽ diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện).

Các ngành, nghề đào tạo của trường đã đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận của Tổng cục GDNN. (1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHH-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019).

Tuy nhiên trong tất cả giáo trình của 23 ngành/ nghề trường được phép tổ chức đào tạo thì chỉ có 5 nghề (Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính; Cắt gọt kim loại; Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô và Điện công nghiệp) là trường có đủ số lượng giáo trình theo quy định (mỗi giáo trình có tối thiểu 5 bản in). 18 nghề còn lại có một số nghề không có đủ giáo trình mô đun/môn học (trong đó có một số ngành/ nghề nhiều năm không tuyển sinh được). (5.13.04 - Bảng kê danh mục tên chương trình, giáo trình, năm đưa vào sử dụng, đơn vị ban hành, số lượng bản in, bản điện tử).

Theo bảng thống kê diện tích các khu vực của thư viện thì khu vực dành cho bạn đọc của thư viện truyền thống có diện tích 165m². Theo thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018, thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực GDNN. (Phụ lục 03- Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các phòng trong thư viện), quy chuẩn xây dựng thư viện đối với trường Cao đẳng thì phòng đọc phải đáp ứng tối thiểu 15% HS-SV và 25% cán bộ giáo viên; tiêu chuẩn diện tích cho mỗi HS-SV là 2,0 m² và CBGV tối đa là 2,4 m²; tối thiểu là 2,0 m². Vậy phòng đọc của thư viện truyền thống chỉ mới đáp ứng cho $165/2 = 82,5$ HS-SV, cộng với 10 máy tính của thư viện điện tử, tổng cộng là thư viện chỉ đáp ứng 93 HS-SV.

Mặt khác trong 3 năm gần đây từ năm 2019 đến năm 2021 tổng số HS-SV nhỏ nhất vào năm 2020 với 918 HS-SV quy đổi; Như vậy thư viện của trường chỉ mới đáp ứng được 11,1 % HS-SV, chưa tính CBGV.

Thư viện nhà trường có giáo trình, tài liệu cho tất cả các ngành nghề đang đào tạo tại trường, tuy nhiên Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun) chưa đảm bảo cho các nghề. Một số ngành/ nghề mấy năm gần

đây trường không truyền sinh được, nên không in giáo trình tài liệu, vì vậy: Trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.14:** *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có nhân viên chuyên trách công tác thư viện, thư viện được mở cửa 8 giờ trong ngày và được mở 5 ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6; (5.13.01 - Nội quy thư viện, 5.13.02 - Lịch làm việc của thư viện). Nhân viên thư viện nhà trường luôn hỗ trợ, tư vấn cho người học trong việc tìm kiếm, tham khảo tài liệu, cho người học mượn sách đọc tại chỗ hoặc mượn về nhà. Các loại giáo trình được phân loại theo chuyên ngành riêng biệt giúp người học dễ dàng trong việc tìm kiếm, có hướng dẫn cách sử dụng máy tính tra cứu danh mục sách. Để dễ dàng tìm kiếm tài liệu cần thiết nên các tài liệu đều được cán bộ thư viện và nhà giáo chuyên môn tóm tắt nội dung cơ bản của tài liệu trên danh mục tra cứu và phần mềm tra cứu tài liệu. Thư viện của trường được trang phòng máy tính gồm 01 máy chủ và 10 máy trạm có kết nối mạng LAN và Internet nhằm giúp bạn đọc có thể tra cứu thông tin rõ ràng và thuận lợi hơn.

Công tác tổ chức và hoạt động của thư viện được thực hiện theo đúng quy định, mượn, trả sách được quản lý trên sổ mượn sách tại thư viện và được quản lý bằng phần mềm. (5.14.01 - Sổ theo dõi tra cứu, mượn giáo trình/tài liệu).

Hàng năm, nhà trường tiến hành công tác kiểm kê thư viện để có số liệu sách cũ, hư hỏng, giáo trình tài liệu tham khảo mất mát trong quá trình sử dụng từ đó có kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm học mới (5.14.02 - Biên bản kiểm kê thư viện hàng năm; 5.14.03 - Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm). Ngoài ra, thư viện điện tử của trường đã tạo đường link kết nối trực tuyến với Trung tâm học liệu và công nghệ thông tin Đại học Thái Nguyên ([Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin \(tnu.edu.vn\)](http://Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin (tnu.edu.vn))) để hỗ trợ bạn đọc có cơ hội tham khảo, nghiên cứu thêm tài liệu.

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện. (5.14.04 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 5: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 5.15:** Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Phòng thư viện điện tử có diện tích 30m², được trang bị 01 máy in, 01 máy chủ và 10 máy trạm có kết nối mạng LAN và Internet dùng cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm thông tin cần thiết. Hệ thống mạng nội bộ (LAN), cổng Internet của trường hoạt động tốt và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, nhà giáo và người học.

Công tác tổ chức và hoạt động của thư viện được thực hiện theo đúng quy định, mượn, trả sách được quản lý trên sổ mượn sách tại thư viện và được quản lý bằng phần mềm. (5.14.01 - Sổ theo dõi tra cứu, mượn giáo trình/tài liệu). Thư viện của trường được trang bị phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu. (5.15.01 - Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu - SMILIB- do công ty CMC cung cấp, phiên bản 4.0 CMC Grup; 5.15.02 - Danh mục giáo trình điện tử nội bộ).

Hàng năm, nhà trường tiến hành công tác kiểm kê thư viện để có số liệu sách cũ, hư hỏng, giáo trình tài liệu tham khảo mất mát trong quá trình sử dụng từ đó có kế hoạch mua sắm bổ sung cho năm học mới. (5.14.03 - Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hằng năm).

Phòng thư viện điện tử được trang bị 01 máy in, 01 máy chủ và 10 máy trạm có kết nối mạng LAN và Internet dùng cho bạn đọc tra cứu tìm kiếm thông tin cần thiết. Hệ thống mạng nội bộ (LAN), cổng Internet của trường hoạt động tốt và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, nhà giáo và người học. (5.15.03 - Giáo trình, tài liệu được đăng trên trang Web của trường: truongvietducthainguyen.edu.vn).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 1 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6

*** Mở đầu:**

Trường có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị nên có nhiều thuận lợi trong công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế. Do đó hằng năm cán bộ, nhà giáo đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp từ cấp cơ sở đến cấp Bộ/ngành, mang tính ứng dụng; các đề tài

tập trung vào các lĩnh vực như: Xây dựng các phần mềm vừa và nhỏ phục vụ cho công tác quản lý của trường; cải tiến các công cụ, thiết bị, thí nghiệm đã có phục vụ cho nhu cầu đặc trưng của từng ngành nghề đào tạo; thiết kế, xây dựng các thiết bị tự làm phục vụ giảng dạy.

Nhà trường rất coi trọng công tác nghiên cứu khoa học. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cán bộ, nhà giáo được định hướng giải quyết những vấn đề thực tế chung. Đây mạnh và mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế với các hình thức đa dạng và phong phú.

** Những điểm mạnh:*

- Trường có chế độ, chính sách và đã thực hiện các chế độ, chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, Viên chức lao động tham gia NCKH, sáng kiến, cải tiến kinh nghiệm...;

- Có nhiều đề tài NCKH được ứng dụng trong giảng dạy và trong thực tiễn;

- Trường thực hiện tốt các hoạt động hợp tác quốc tế, mang lại hiệu quả trong công tác đào tạo và bồi dưỡng, nâng cao trình độ của giáo viên.

** Những tồn tại:*

Trong 3 năm gần đây trường chưa có bài báo, ấn phẩm đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường tiếp tục có những chính động viên, khuyến khích, cán bộ, nhà giáo, VCLĐ thực hiện nghiên cứu khoa học để có nhiều các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, Cán bộ quản lý, VCLĐ đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	5 điểm	4 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>0 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

*** Tiêu chuẩn 6.1:** Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã có các chế độ chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Các chế độ, chính sách khuyến khích được thể hiện trong các văn

bản của trường như: Quy chế hoạt động khoa học công nghệ được bổ sung, chỉnh sửa ban hành năm 2018: (Quyết định số 220/QĐ-CĐNCD ngày 02/10/2018); Điều 21. Quyền lợi của người tham gia và khuyến khích hoạt động NCKH được quy đổi ra giờ chuẩn, được hưởng bồi dưỡng thực hiện đề tài, được ghi nhận kết quả thực hiện đề tài để bình xét danh hiệu thi đua trong năm học, được thanh toán tiền công lao động, trả bằng công lao động trí tuệ, thưởng tiền mặt... (1.3.08 - Quy chế hoạt động nghiên cứu cứu khoa học công nghệ hàng năm).

Hàng năm, nhà trường có quyết định về việc thành lập hội đồng khoa học nghiệm thu, ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ:

- Năm 2019: Quyết định số 164/QĐ-CĐNCD ngày 08/7/2019 v/v nghiệm thu và ghi nhận 35 đề tài NCKH.

- Năm 2020: Quyết định số 165/QĐ-CĐNCD ngày 14/7/2020 và Quyết định số 176a/QĐ-CĐNCD ngày 21/7/2020 v/v nghiệm thu và ghi nhận 56 đề tài NCKH.

- Năm 2021: Quyết định số 91/QĐ-CĐNCD ngày 16/6/2021 v/v nghiệm thu và ghi nhận 25 đề tài NCKH.

Các đề tài nghiên cứu khoa học chủ yếu về về các lĩnh vực quản lý, sáng cải tiến, xây dựng...; (6.1.01 - Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm).

Để khuyến khích cán bộ, nhà giáo nghiên cứu khoa học, trường có chính sách động viên khen thưởng cho công tác nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học như: được tính giờ nghiên cứu khoa học, được xét khen thưởng và bình bầu các danh hiệu thi đua trong năm học. Nhà trường có Quy chế công tác thi đua khen thưởng năm 2020; Quyết định số 137/QĐ-CĐNCD ngày 15/6/2020 (Điều 8, mục 2); một trong các quy định đạt tiêu chuẩn “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” là “Có sáng kiến tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác, được Hội đồng khoa học cấp trường công nhận hoặc có đề tài NCKH đã được Hội đồng khoa học nhà trường nghiệm thu và triển khai áp dụng tại đơn vị” (1.3.05 - Quy chế thi đua khen thưởng).

Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020; QĐ số 11/QĐ-CĐNCD ngày 02/01/2020, Điều 11. Chi thi đua, khen thưởng cho cá nhân công chức, viên chức đạt các danh hiệu thi đua các cấp; Chi thưởng đề tài NCKH, sáng kiến, cải tiến... (1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của trường hàng năm).

Công tác thi đua, khen thưởng của của nhà trường trong những năm qua tiếp tục được duy trì và có những đổi mới trong công tác chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua. Đảng

uỷ, Ban giám hiệu luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao đối với công tác thi đua, khen thưởng. (6.1.02 - *Quyết định Công nhận danh hiệu thi đua hàng năm*; 6.1.03 - *Luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ*).

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ. (6.1.04 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 6.2:** *Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào quản lý đào tạo, sáng cải tiến, xây dựng...; Ngoài ra trường còn tham gia dự thi đề tài nghiên cứu khoa học thiết bị tự làm năm học 2018 - 2019 (ngành Công nghệ ô tô) do tỉnh Thái Nguyên tổ chức, kết quả đạt được; đạt 1 giải ba và 1 giải khuyến khích.

Hàng năm, nhà trường có quyết định về việc thành lập hội đồng khoa học nghiệm thu, ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ như đã trình bày cụ thể ở tiêu chuẩn (6.1). (6.1.01 - *Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm*). Trong nhiều năm trở lại đây nhà trường thường xuyên thực hiện từ 1-2 đề tài cấp Bộ và được hội đồng cấp Bộ đánh giá cao. (6.2.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ/ Ngành*).

Nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên của cán bộ, nhà giáo được áp dụng phục vụ công tác đào tạo của trường. (6.2.02 - *Giáo án của nhà giáo thể hiện đã áp dụng đề tài NCKH trong giảng dạy*).

Các đề tài của trường đã và đang được áp dụng trong thực tiễn tại trường, ví dụ:

1. Nghề Công nghệ ô tô

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong giảng dạy
1	Nghiên cứu, xây dựng mô hình hệ thống phun nhiên liệu động cơ Diesel điện tử kiểu ống phân phối kết nối với máy tính phục vụ công tác đào tạo.	- Trình độ CD: Bài giảng Công nghệ sửa chữa, bảo dưỡng và chuẩn đoán kỹ thuật ô tô; MĐ 32. Bảo dưỡng và sửa chữa bơm cao áp điều khiển điện tử. - Trình độ TC: Bài giảng nguyên lý động cơ đốt trong; MĐ 20. Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun nhiên liệu động cơ Diesel.
2	Thiết kế và lắp ráp mô hình thực hành trang bị điện.	Trình độ CD: Ứng dụng trong các MĐ 22, MĐ 23 và MĐ 31. Trang bị điện.

2. Nghề Điện Công nghiệp

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong giảng dạy
1	Nghiên cứu, xây dựng mô hình mô phỏng bộ điều khiển động cơ DC Servo phục vụ đào tạo tại trường CDCN Việt Đức.	Trình độ TC: MĐ 20. Truyền động điện, bài 4. Điều khiển động cơ Servo; MH. Cơ sở điều khiển quá trình; MĐ 39. Vi điều khiển.

3. Nghề Hàn và nghề Nguội lắp ráp cơ khí.

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong giảng dạy
1	Xây dựng chương trình chi tiết MH15, MĐ17,18,19,20,23, 24, 25, 26,27,28,33. Chương trình đào tạo chất lượng cao nghề Hàn.	Dùng trong đào tạo nghề Hàn, chất lượng cao (Bắt đầu từ năm học 2020-2021).
2	Xây dựng chương trình tài liệu bồi dưỡng kỹ năng cho nhà giáo dạy trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề Nguội lắp ráp cơ khí.	Các GV của trường sử dụng chương trình chuẩn để bồi dưỡng kỹ năng cho nhà giáo dạy trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề Nguội lắp ráp cơ khí.
3	Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành nghề	Đánh giá kỹ năng thực hành cho nhà giáo.

	cho nhà giáo GDNN nghề Nguội lắp ráp cơ khí.	
--	---	--

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 6.3:** *Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã có những bài báo được đăng tải trên tạp chí, ấn phẩm chuyên ngành, tạp chí khoa học, điều đó khẳng định được vị thế về nghiên cứu khoa học của trường. (6.3.01 - *Danh sách các bài báo của giáo viên, cán bộ quản lý viên chức, người lao động*). Bài “Thực trạng rủi ro trong hoạt động đào tạo nghề tại một số trường cao đẳng thuộc Bộ Công thương” của thạc sĩ Hoàng Đại Thắng (Phòng Đào tạo) đăng trên báo điện tử Công thương, ngày 11/10/2018.

Tuy nhiên trong các năm gần đây trường không có các bài báo, ấn phẩm đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế. Như vậy, trường không đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 0 điểm

*** Tiêu chuẩn 6.4:** *Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hằng năm, nhà trường triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong toàn trường đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học, các đề tài phần lớn tập trung vào quản lý, sáng cải tiến, xây dựng...;

- Năm 2019: Quyết định số 164/QĐ-CĐNCD ngày 08/7/2019 v/v nghiệm thu và ghi nhận 35 đề tài NCKH.

- Năm 2020: Quyết định số 165/QĐ-CĐNCD ngày 14/7/2020 và Quyết định số 176a/QĐ-CĐNCD ngày 21/7/2020 v/v nghiệm thu và ghi nhận 56 đề tài NCKH.

- Năm 2021: Quyết định số 91/QĐ-CĐNCD ngày 16/6/2021 v/v nghiệm thu và ghi nhận 25 đề tài NCKH.

Các đề tài của trường và các quy trình bảo đảm chất lượng được ban hành và đang được áp dụng trong thực tiễn tại trường, ví dụ:

1. Phòng Đào tạo

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong thực tiễn
1	Các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý HS-SV thực tập, trải nghiệm ngoài Doanh nghiệp.	- Quản lý HS-SV khi đi thực tập tại Doanh nghiệp.
2	Ứng dụng CNTT trong quá trình quản lý, lưu trữ dữ liệu học sinh – sinh viên sau khi tốt nghiệp (thay cho việc viết sổ quản lý HS-SV).	- Quản lý HS-SV. - Lưu trữ hồ sơ của HS-SV.
3	Xây dựng Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận.	- In, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận theo TT 10/2017 và TT 34/2019 (sửa đổi).

2. Phòng Tổ chức - Hành chính

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong thực tiễn
1	Xây dựng Quy định in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận.	- In, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp, chứng chỉ, giấy chứng nhận theo TT 10/2017 và TT 34/2019 (sửa đổi).
2	Xây dựng cơ chế khoán công tác GVCN. Xây dựng Quy chế tiếp công dân.	- Chi tiền cho công tác quản lý lớp của các GVCN. - Cụ thể hóa Luật tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo trong công tác tiếp công dân tại trường.

3. Phòng Kế toán

TT	Tên đề tài	Ứng dụng trong thực tiễn
1	Xây dựng Quy trình, hệ thống mẫu biểu thanh quyết toán hợp đồng theo đơn đặt hàng.	- Rút ngắn thủ tục và thời gian thanh quyết toán cho các đơn vị trong trường. - Sử dụng mẫu biểu trong thanh quyết toán của trường.

Hàng năm, nhà trường có quyết định về việc thành lập hội đồng khoa học nghiệm thu, ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ như đã trình bày cụ thể ở tiêu chuẩn (6.1). (6.1.01 - Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học

hàng năm). Trong nhiều năm trở lại đây nhà trường thường xuyên thực hiện từ 1-2 đề tài cấp Bộ và được hội đồng cấp Bộ đánh giá cao. (6.2.01 - *Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ/ Ngành*).

Nhà trường có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp trường trở lên của cán bộ, nhà giáo được áp dụng phục vụ công tác đào tạo của trường. (6.2.02 - *Giáo án của nhà giáo thể hiện đã áp dụng đề tài NCKH trong giảng dạy*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 6.5:** *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trong những năm gần đây, trước xu thế hội nhập quốc tế cũng như yêu cầu phát triển của nhà trường, trường đã thực hiện nhiều chính sách, kế hoạch để thực hiện liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài và các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo của trường.

- Năm 2019: Ký hợp đồng đào tạo số 19/HĐ-CĐCNVD ngày 28/8/2019 với công ty TNHH sản xuất Sanwa Việt Nam (100% vốn nước ngoài) v/v đưa 20 SV nghề Cắt gọt kim loại đi thực tập tại doanh nghiệp. HS-SV của trường được nâng cao tay nghề, làm quen với môi trường lao động thực tế dưới sự quản lý của các chuyên gia nước ngoài, hiểu được tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định về An toàn lao động trong công việc.

- Năm 2020: Hợp đồng số 1325/HĐĐT-VP; Triển khai đào tạo thí điểm nghề Cắt gọt kim loại, trình độ cao đẳng, cấp độ quốc tế theo chương trình chuyển giao từ Cộng hòa Liên bang Đức (01 lớp có 16 SV). sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp 02 bằng: 01 bằng cao đẳng của Việt Nam và 01 bằng tốt nghiệp tương đương với trình độ bậc 4 theo Khung trình độ quốc gia Đức và Khung trình độ Châu Âu do Viện Tiểu thủ công nghiệp và Kỹ năng nghề Leipzig, Đức cấp. (6.5.01 - *Các văn bản ghi nhớ hoặc hợp đồng liên kết đào tạo với các tổ chức Quốc tế*).

Để nâng cao hiệu quả công việc, hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo phù hợp với từng đối tượng. Năm 2020 nhà trường đã cử 04 giáo viên khoa Cơ khí Cắt gọt tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề tại Cộng hòa Liên bang Đức, thời gian 04 tháng. (3.15.03 - *Quyết định cử giáo viên tham gia*

học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hằng năm).

Nhà trường tiếp tục tìm kiếm các tổ chức quốc tế, các cơ sở đào tạo quốc tế nhằm kết nối để trao đổi hợp tác, nâng cao chất lượng đào tạo của trường. (6.5.02 - Các báo cáo kết quả liên kết đào tạo với các tổ chức Quốc tế hàng năm; 3.8.02 - Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 1 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

*** Mở đầu:**

Việc đảm bảo các hoạt động thực hiện nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo của Trường các năm học, công tác quản lý tài chính luôn được Ban Giám hiệu trường quan tâm hàng đầu nhằm đáp ứng cơ bản, tối thiểu nhiệm vụ đào tạo, tăng cường nâng cao hiệu quả phục vụ đào tạo. Các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động đào tạo hằng năm được cân đối từ các nguồn ngân sách nhà nước cấp và hoạt động khác từ sản xuất, thực nghiệm sản xuất và dịch vụ, trên cơ sở dự toán được duyệt, chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm, đem lại hiệu quả thiết thực nhất cho người học.

*** Những điểm mạnh:**

- Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ chặt chẽ, đúng quy định, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

- Trường xây dựng nội dung chi và chi theo “Quy chế chi tiêu nội bộ”. Quy chế được cập nhật, sửa đổi bổ sung hàng năm thông qua ý kiến đóng góp dân chủ, công khai của cán bộ viên chức và người lao động toàn trường và dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quyết định ban hành đồng thời quy chế được gửi tới các cơ quan chức năng để báo cáo và kiểm soát gồm Vụ Tài chính, Bộ Công Thương, Vụ hành chính sự nghiệp và Đối mới Doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước Sông Công;

- Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

- Nhà trường chủ động bảo đảm các nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, tạo được một số nguồn thu hợp pháp; công tác tài chính được chuẩn hoá theo hai nội dung lập và tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động đào tạo phát triển.

- Tiền lương, tiền công, chế độ chính sách... của người lao động được trả đầy đủ, đúng thời hạn;

- Kinh phí mua vật tư, phôi liệu, kinh phí, bồi dưỡng giáo viên được đưa vào kế hoạch và thực hiện theo đúng quy định;

- Kinh phí xây dựng, mua sắm trang thiết bị cho trường trọng điểm được xây dựng và thực hiện theo đúng tiến độ, đúng quy trình;

- Các đơn vị hoạt động dịch vụ của trường đều xây dựng quy chế làm việc, quản lý hay phương án hoạt động phù hợp với đặc thù của mỗi lĩnh vực, khuyến khích cán bộ công chức Nhà trường tham gia, tăng nguồn thu của Trường.

* *Những tồn tại:* Không.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Nghiên cứu biến động giá cả thị trường liên tục để việc lập dự toán về thu, chi tài chính sát với tình hình thực tế;

- Có các giải pháp tăng nguồn thu để hỗ trợ nâng cao thu nhập cho cán bộ, giáo viên trong đó có việc điều chỉnh mức thu học phí.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6 điểm	6 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

* **Tiêu chuẩn 7.1:** Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức trực thuộc Bộ Công Thương được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự

ng nghiệp công lập; Theo đó trường được phân loại đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Trường thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ do chưa thực hiện được lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN. Trường quản lý, sử dụng kinh phí theo các văn bản quy định hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ. Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương, nhà trường đã xây dựng các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính như: Quy chế chi tiêu nội bộ. Hàng năm vào cuối quý II, Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp Bộ có công văn hướng dẫn lập dự toán ngân sách năm kế hoạch; căn cứ vào tình hình thực hiện trong năm như kinh phí quyết toán năm trước và kinh phí thực hiện đến thời điểm, số HS-SV, số biên chế tại thời điểm, nhiệm vụ bổ sung năm tới... Phòng Tài chính kế toán phối hợp với Phòng Tổ chức, Phòng đào tạo, Phòng Quản trị Đời sống, Phòng CTHS-SV của nhà trường lập dự toán ngân sách năm tới trình Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp và Vụ Kế hoạch Bộ Công Thương tổng hợp nhu cầu theo dự toán các đơn vị lập. Sau khi rà soát, kiểm tra hồ sơ, tổng hợp, cân đối với nguồn kinh phí của Ngân sách. Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ Công Thương gửi Bảng tổng hợp sau khi đã rà soát, kiểm tra, cân đối lên Bộ Tài chính, để Bộ Tài chính thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định của Bộ Tài chính. Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp báo cáo, đề xuất phương án phân bổ Ngân sách để Bộ ra quyết định phân bổ dự toán cho Trường.

Các khoản thu - chi nhà trường được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ trên được xây dựng, dựa trên các văn bản pháp luật của nhà nước và lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và triển khai thực hiện. Trước khi thực hiện nhà trường gửi Kho bạc nhà nước Thành phố Sông công, Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp để giám sát, sau 15 ngày các đơn vị trên không có ý kiến, Trường tổ chức thực hiện. Các quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt sẽ được gửi đến các đơn vị trong toàn trường để cho toàn thể cán bộ viên chức được biết, thực hiện và giám sát. (1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm).

Trường thực hiện Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách hỗ trợ, trường tiến hành xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cho từng năm để sử dụng và thanh quyết toán về tài chính. Quy chế

này được thảo luận và thông qua hội nghị cán bộ viên chức hàng năm trong đó quy định công khai tài chính 4 lĩnh vực:

- Công khai dự toán thu - chi ngân sách
- Công khai quyết toán thu - chi ngân sách
- Công khai phương án chi lương thưởng và các khoản thu nhập khác
- Công khai việc trích lập các quỹ

Ngoài quy chế quản lý tài chính chung, các đơn vị hoạt động dịch vụ khác như Trung tâm đào tạo lái xe, trung tâm sửa chữa ô tô đều được xây dựng các phương án hay quy định riêng. Các phương án và quy định này đều được thảo luận và thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức hàng năm.

Hàng năm trường thực hiện đúng nội dung công bố công khai quyết toán ngân sách theo Thông tư 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Sau khi báo cáo quyết toán ngân sách được phê duyệt, Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định công bố công khai quyết toán cho toàn thể cán bộ viên chức được biết. (7.1.01 - Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm; 7.1.02 - Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách của trường hàng năm; 7.1.03 - Thông báo biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Bộ Công thương hàng năm).

Tổng hợp số liệu bảng thu chi ngân sách nhà nước của Trường đã được công khai, quyết toán trong 3 gần đây như sau:

TT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm		
			2019	2020	2021
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	1	719.674.000	604.231.000	
<i>1.1</i>	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)</i>	<i>2</i>	<i>719.674.000</i>	<i>604.231.000</i>	
	- Kinh phí đã nhận	3			

	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	719.674.000	604.231.000	
1.2	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)</i>	5			
	- Kinh phí đã nhận	6			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7			
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	8	27.425.682.000	25.519.461000	22.318.681.000
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	9	17.978.000.000	12.000.000.000	11.500.000.000
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	10	9.447.682.000	13.510.461.000	10.818.868.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+ 13)	11	28.145.356.000	26.123.692.000	21.534.011.000
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)</i>	12	18.697.674.000	12.64.231.000	11.500.000.000
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)</i>	13	9.447.682.000	13.519.461.000	10.034.011.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	27.535.354.909	26.123.692.000	21.534.011.000
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	15	18.093.443.000	12.604.231.000	11.500.000.000
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	16	9.441.911.909	13.519.461.000	10.034.011.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	27.535.354.909	26.123.692.000	21.534.011.000
	- <i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	18	18.093.443.000	12.604.231.000	11.500.000.000
	- <i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	19	9.441.911.909	13.519.461.000	10.034.011.000
6	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	20	5.770.091	0	
	<i>Kinh phí thường xuyên/tự</i>	21			

	<i>chủ (21= 22+23+24)</i>				
	- Đã nộp NSNN	22			
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23			
	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)	24			
	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)</i>	25	5.770.091		
	- Đã nộp NSNN	26			
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27			
	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	28	5.770.091		
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	604.231.000	0	
	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)</i>	30	604.231.000		
	- Kinh phí đã nhận	31			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	604.231.000		
	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)</i>	33			
	- Kinh phí đã nhận	34			
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35			

Kết quả hoạt động đào tạo, sản xuất kinh doanh, dịch vụ Đvt: đồng

TT	Nội dung hoạt động dịch vụ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Tổng số thu trong năm:	8.353.827.044	9.496.041.501	9.824.765.756

1	+ Hoạt động thu học phí đào tạo chính quy	1.996.286.000	2.428.600.000	2.484.458.000
2	+ Hoạt động sản xuất dịch vụ, kinh doanh	6.069.477.800	6.217.420.000	6.841.821.700
3	+ Thu sự nghiệp khác	288.063.244	836.001.501	498.486.056
II	Tổng chi trong năm:	6.534.196.764	6.229.177.401	3.656.016.445
III	Chênh lệch Thu - Chi	1.819.630.280	3.266.864.100	6.168.749.311
1	+ Hoạt động thu học phí đào tạo chính quy	1.666.425.900	1.879.488.611	1.722.090.220
2	+ Hoạt động sản xuất dịch vụ	49.286.104	624.724.558	3.976.451.192
3	+ Thu sự nghiệp khác	103.918.276	762.670.931	470.207.899
IV	Trích lập các quỹ	1.819.630.280	3.266.864.100	6.168.749.311

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và được công bố công khai tài chính tại hội nghị cán bộ, công chức viên chức người lao động hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 7.2:** *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức là đơn vị sự nghiệp có thu. Ngoài khoản ngân sách nhà nước cấp, nhà trường luôn nghiên cứu mở rộng quy mô, loại hình đào tạo một cách hợp lý đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương, đồng thời tạo ra nguồn thu nhập hợp pháp cho nhà trường. Các nguồn thu sự nghiệp của nhà trường bao gồm: Thu từ học phí, lệ phí đào tạo hệ cao đẳng và trung cấp; Thu phí từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ - dịch vụ và đào tạo sơ cấp nghề; Thu dịch vụ đào tạo nghề lái xe ô tô, sư phạm dạy nghề, kỹ túc xá,... (7.2.01 - *Quyết định thu học phí, lệ phí; quyết định thu tiền ở của người học tại ký túc xá hàng năm*).

Các nguồn thu của trường đều được quản lý chặt chẽ bằng chứng từ, sổ sách kế toán và được lưu trữ theo đúng quy định của Nhà nước. (7.2.02 - *Hồ sơ quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm*).

Nhà trường thực hiện thu - chi ngân sách qua Kho bạc nhà nước và các hoạt động dịch vụ qua Ngân hàng Công thương chi nhánh Sông Công. Các nguồn tài chính được chi tiêu đúng quy định, đúng mục đích, sử dụng có hiệu quả cho hoạt động chung của toàn

trường. Hàng năm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi và hoàn thiện hệ thống sổ sách báo cáo theo quy định, Trường có báo cáo hoạt động tài chính đến đơn vị chủ quản đúng quy định. (7.2.03 - Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm).

Hàng năm, nhà trường chủ động thực hiện công tác tự kiểm tra thu - chi tài chính, kết quả kiểm tra cho thấy việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định (7.2.04 - Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm, 7.2.05 - Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra tài chính của trường hàng năm).

Hoạt động dịch vụ của trường đã được các cơ quan cấp trên và quản lý chuyên ngành đánh giá về cơ bản thực hiện đúng quy định (7.2.06 - Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm).

Nhà trường đã được cơ quan kiểm toán Nhà nước có thẩm quyền đánh giá công tác sử dụng tài chính hợp lý trong hoạt động của trường. (7.2.07 - Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán).

Kết quả cho thấy nhà trường đã quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động, dịch vụ của Trường đúng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 7.3:** Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nguồn tài chính của trường bao gồm các nguồn thu hợp pháp như: Kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên; Ngân sách nhà nước cấp cho các hoạt động chi không thường xuyên; Nguồn thu từ lệ phí tuyển sinh; Học phí của các hệ đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; sự phạm giáo dục nghề nghiệp; Nguồn kinh phí từ hoạt động sản xuất dịch vụ và các nguồn thu khác.

Nhà trường có đủ nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường, thể hiện qua biểu số liệu sau:

Dvt: Đồng

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Ngân sách nhà nước cấp	27.535.354.909	26.132.692.000	21.534.011.000
Thu học phí đào tạo chính quy	1.996.286.000	2.428.600.000	2.484.458.000
Thu hoạt động sản xuất dịch vụ	6.069.477.800	6.217.420.000	6.841.821.700

Thu sự nghiệp khác	288.063.244	836.001.501	498.486.056
Cộng	35.889.181.953	35.614.713.501	31.358.776.756

Là đơn vị sự nghiệp có thu tự chủ một phần kinh phí nên tất cả các nguồn thu trên đều được cơ quan quản lý là Bộ Công Thương đưa vào quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm (7.3.01 - *Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm*).

Để cân đối các nguồn lực tài chính chi phục vụ các hoạt động, nhà trường lập kế hoạch tài chính chi tiết cho từng năm (7.3.02 - *Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Trường hàng năm*).

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ Bộ Công Thương giao, căn cứ vào định mức nhà nước quy định, trường tổ chức thu các khoản phí, lệ phí và các khoản khác theo quy định cụ thể của từng thời điểm. Các khoản thu, chi đều được quyết toán với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của nhà nước (7.3.03 - *Quy định về việc thu học phí, miễn, giảm học phí của trường hàng năm*).

Nhà trường thực hiện thu - chi ngân sách qua Kho bạc nhà nước và các hoạt động dịch vụ qua Ngân hàng Công thương chi nhánh Sông Công. Các nguồn tài chính được chi tiêu đúng quy định, đúng mục đích, sử dụng có hiệu quả cho hoạt động chung của toàn trường. Hàng năm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi và hoàn thiện hệ thống sổ sách báo cáo theo quy định, Trường có báo cáo hoạt động tài chính đến đơn vị chủ quản đúng quy định. (7.2.03 - *Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường chủ động thực hiện công tác tự kiểm tra thu - chi tài chính, kết quả kiểm tra cho thấy việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định (7.2.05 - *Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra tài chính của trường hàng năm*).

Hoạt động dịch vụ của Trường đã được các cơ quan cấp trên và quản lý chuyên ngành đánh giá về cơ bản thực hiện đúng quy định. (7.2.06 - *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*).

Tất cả hoạt động tài chính của trường đều được công khai tại Hội nghị cán bộ, VCLĐ nhà trường hàng năm. (7.3.04 - *Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm*).

Nhà trường đã được cơ quan kiểm toán Nhà nước có thẩm quyền đánh giá công tác sử dụng tài chính hợp lý trong hoạt động của trường. (7.2.07 - *Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán*).

Đối với việc tuân thủ luật Phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm

chống lãng phí: Trường đã quán triệt thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, các nghị định của Chính phủ, các chương trình, kế hoạch hành động của Bộ Công Thương. Trường đã xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản. Trường đã tiết kiệm chi phí và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ VCLĐ và người lao động. Đối với việc thực hiện cơ chế tự chủ, thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP, trường đã thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước. Việc quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản công trường đảm bảo theo dự toán được duyệt, đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo, dạy nghề, Bộ LĐTBXH, Tổng cục GDNN quy định.

Theo đó, nhà trường có đủ nguồn lực tài chính để đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của trường trong công tác tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp như: Chi xây dựng, chỉnh sửa chương trình giáo trình, Chi nghiệp vụ chuyên môn: Bồi dưỡng hoạt động, phối liệu, vật tư thực hành, tiền sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 7.4:** *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã được cơ quan kiểm toán Nhà nước có thẩm quyền đánh giá công tác sử dụng tài chính hợp lý trong hoạt động của trường. Hàng năm, vụ Tài chính Đổi mới Doanh nghiệp, Bộ Công Thương sẽ có văn bản gửi đến các trường về việc xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau. Trường căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Vụ Tài Chính Đổi mới Doanh nghiệp về lập dự toán thu của Bộ Công Thương; Căn cứ vào tình hình thực hiện trong năm như kinh phí quyết toán năm trước và kinh phí thực hiện đến thời điểm, số HS-SV, số biên chế tại thời điểm, nhiệm vụ bổ sung năm tới... Phòng Tài chính kế lập dự toán ngân sách năm tới trình Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp và Vụ Kế hoạch Bộ Công Thương tổng hợp nhu cầu theo dự toán các đơn vị lập. (7.3.01 - *Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm*).

Để cân đối các nguồn lực tài chính chi phục vụ các hoạt động, nhà trường lập kế hoạch tài chính chi tiết cho từng năm (7.3.02 - *Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Trường hàng năm*). Các hoạt động thu - chi đều có sổ sách theo dõi đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Cụ thể là các chứng từ thu - chi sự nghiệp, sổ chi tiết chi hoạt động (7.4.01 - *Chứng từ thu - chi sự nghiệp hàng năm*; 7.4.02 - *Các sổ chi tiết chi hoạt động hàng năm*). Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán của trường được thực hiện đúng quy định thể hiện rõ ràng và chi tiết trong báo cáo tài chính hàng năm (7.2.03 - *Báo cáo tài*

chính, báo cáo quyết toán hàng năm).

Hoạt động dịch vụ của trường đã được các cơ quan cấp trên và quản lý chuyên ngành đánh giá về cơ bản thực hiện đúng quy định (7.2.06 - *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*). Tất cả hoạt động tài chính của trường đều được công khai tại Hội nghị cán bộ, VCLĐ nhà trường hàng năm. (7.3.04 - *Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm*).

Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên đối với công tác chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý và đảm bảo sử dụng kinh phí theo quy định và đạt hiệu quả cao. Cụ thể tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ Công Thương đã nhận xét: “Trường thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán hiện hành của nhà nước quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. Sổ sách kế toán và chứng từ thu, chi được sắp xếp, đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra”, “Công tác tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản cố định trong năm đơn vị thực hiện đúng theo quy định hiện hành” (7.2.07 - *Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 7.5:** *Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước”. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính và thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán đúng quy định. (7.2.04 - *Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm*). Trong kế hoạch tự kiểm tra tài chính ghi rõ mục đích kiểm tra, nội dung kiểm tra, thành phần tổ kiểm tra theo quyết định; (7.5.01 - *Quyết định thành lập tổ kiểm tài chính hàng năm*).

Hàng năm, nhà trường chủ động thực hiện công tác tự kiểm tra thu - chi tài chính, kết quả kiểm tra cho thấy việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định (7.2.05 - *Báo cáo kết quả thực*

hiện kiểm tra tài chính của trường hàng năm).

Theo phân công của nhà trường việc kiểm tra, giám sát công tác tài chính tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thu chi quỹ phúc lợi, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, kiểm kê tài sản... của trường do ban Thanh tra nhân dân thực hiện (7.5.02 - *Kế hoạch hoạt động của ban thanh tra nhân dân hàng năm*; 7.5.03 - *Biên bản kiểm tra của ban thanh tra nhân dân*). Hàng năm ban thanh tra nhân dân đều báo cáo kết quả hoạt động trước hội nghị cán bộ, công chức viên chức người lao động. Nội dung báo cáo đều khẳng định quy chế chi tiêu nội bộ, công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị, văn phòng phẩm đều thực hiện đúng quy định. (7.5.04 - *Báo cáo công tác thanh tra nhân dân hàng năm*).

Hoạt động dịch vụ của trường đã được các cơ quan cấp trên và quản lý chuyên ngành đánh giá về cơ bản thực hiện đúng quy định (7.2.06 - *Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm*). Nhà trường đã thực hiện công tác quyết toán hàng năm với Bộ Công Thương, công khai hoạt động tài chính theo Thông tư 61/2017/TT/BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như: Báo cáo hoạt động tài chính năm trước và kế hoạch dự toán thu - chi được thông qua tại Hội nghị CB, VCLĐ hàng năm; Công khai quyết toán tài chính hàng năm, được thực hiện ngay sau khi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được phê duyệt, nội dung công khai đã thể hiện tại mục (7.1). (7.5.05 - *Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của trường hàng năm*). Tất cả hoạt động tài chính của trường đều được công khai tại Hội nghị cán bộ, VCLĐ nhà trường hàng năm. (7.3.04 - *Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm*).

Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên đối với công tác tài chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý và đảm bảo sử dụng kinh phí theo quy định và đạt hiệu quả cao. Cụ thể tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ Công Thương đã nhận xét: “Trường thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán hiện hành của nhà nước quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. Sổ sách kế toán và chứng từ thu, chi được sắp xếp, đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra”, “Công tác tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản cố định trong năm đơn vị thực hiện đúng theo quy định hiện hành” (7.2.07 - *Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 7.6:** Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định: Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính là nhiệm vụ rất quan trọng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính nhà trường; vì vậy hàng năm trường có kế hoạch và quyết định thành lập Hội đồng đánh giá để có biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. (7.6.01 - Kế hoạch đánh giá hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính của Trường hàng năm; 7.6.02 - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường hàng năm). Việc đánh giá sử dụng các nguồn tài chính hàng năm của Trường cụ thể, chi tiết như: Các trang thiết bị máy móc được đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo chất lượng; định mức kinh phí chi cho đào tạo đảm bảo; chi phí duy tu bảo dưỡng sửa chữa cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, và chi nâng cao đời sống vật chất CB, VCLĐ và HS-SV nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. (7.6.03- Danh mục theo hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định; 7.6.04 - Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính của Trường hàng năm). Trong báo cáo tài chính đều có phần phân tích hiệu quả sử dụng nguồn tài chính năm đã qua, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính. Một số các biện pháp kiến nghị đã được thực hiện qua các năm nhằm tăng thu như: tăng nguồn thu học phí các hệ; điều chỉnh mức thu các hoạt động dịch vụ khác, học phí các loại hình đào tạo ngắn hạn và đào tạo theo hợp đồng cho sát với giá thị trường. Song song với việc đó các biện pháp giảm chi cũng được đề xuất như: Rà soát lại các định mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ; Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, mua sắm vật tư, sửa chữa nhỏ; xây dựng hoàn thiện các phương án tài chính các hoạt động dịch vụ;... Các biện pháp đó đều được thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ công chức hàng năm, và được đưa vào báo cáo phương hướng nhiệm vụ và nghị quyết của hội nghị nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.07 - Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm).

Hàng năm, nhà trường lấy ý kiến của cán bộ quản lý về công tác tài chính của trường thông qua phiếu khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các cán bộ quản lý đều hài lòng

với công tác quản lý tài chính của trường. Nhà trường đã sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, mọi thủ tục liên quan đến công tác tài chính đều nhanh chóng, công khai, minh bạch (7.6.05 - *Biên bản thẩm định quyết toán tài chính hàng năm*).

Tất cả hoạt động tài chính của trường đều được công khai tại Hội nghị cán bộ, VCLĐ nhà trường hàng năm. (7.3.04 - *Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm*).

Kết quả các đợt thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên đối với công tác tài chính của nhà trường trong những năm qua cho thấy nhà trường không vi phạm các quy định về quản lý và đảm bảo sử dụng kinh phí theo quy định và đạt hiệu quả cao. Cụ thể tại Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Vụ Tài chính và Đổi mới Doanh nghiệp - Bộ Công Thương đã nhận xét: “Trường thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán hiện hành của nhà nước quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính. Sổ sách kế toán và chứng từ thu, chi được sắp xếp, đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra”, “Công tác tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản cố định trong năm đơn vị thực hiện đúng theo quy định hiện hành” (7.2.07 - *Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán*).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về việc quản lý và sử dụng tài chính của nhà trường. (7.6.06 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của cán bộ quản lý về việc quản lý và sử dụng tài chính hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 1 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8

*** Mở đầu:**

Trong giai đoạn hiện nay các “dịch vụ người học” được trường hết sức quan tâm, đầu tư để phục vụ tốt nhất nhu cầu của người học trong quá trình đào tạo. Nhà trường có đầy các đủ các phục vụ người học: Nhà ăn, Hội trường, thư viện, trạm y tế, sân thể thao... phục vụ nhu cầu của người học trong quá trình học tập tại trường.

Trường có bộ phận tuyển sinh và Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ HS - SV, thường xuyên cung cấp các thông tin về thị trường lao động và việc làm nhằm trợ giúp giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

*** Những điểm mạnh:**

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về ngành/ngành đào tạo, các quy định quy chế của trường, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với HS-SV; có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, hỗ trợ kịp thời HS-SV đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

Trường cung cấp mọi dịch vụ thiết yếu cho người học như ăn, ở, sinh hoạt, hoạt động thể thao, vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, góp phần nâng cao và làm phong phú đời sống tinh thần cho người học.

Trường duy trì mối quan hệ mật thiết với doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác tư vấn và hỗ trợ việc làm người học sau tốt nghiệp.

* *Những tồn tại:* Không.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục duy trì đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí, hoạt động ngoại khóa....

- Cải tạo lại nhà ăn Học sinh - Sinh viên khang trang hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	9 điểm	9 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

* **Tiêu chuẩn 8.1:** *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế*

độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. Cụ thể:

Ngay sau khi nhập học hàng năm, Trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HS-SV. Chương trình Giáo dục đầu khóa gồm 05 nội dung cung cấp thông tin cần thiết cho HS-SV:

- Giáo dục lý tưởng cách mạng, ý thức tuân thủ pháp luật;
- Giới thiệu về trường: Mục tiêu, sứ mạng, Lịch sử truyền thống và các hoạt động của trường; Các ngành nghề đào tạo, quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra...;
- Chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ chí minh;
- Học tập quy chế công tác HS-SV, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện, các chính sách đối với người học...
- Công tác đảm bảo an ninh, chính trị trong nhà trường; giới tính, sức khỏe sinh sản, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động văn hóa, thể thao, hướng nghiệp, công tác Đoàn...

Trên cơ sở kế hoạch sinh hoạt đầu khóa, Trường có các kế hoạch tổ chức “Giáo dục đầu khóa cho Học sinh - Sinh viên” cho các lớp, trong đó quy định cụ thể thời gian, địa điểm và giảng viên lên lớp theo các nội dung trong Kế hoạch. (8.1.01 - Các kế hoạch giáo dục đầu khoá; 8.1.02 - Các tài liệu về giáo dục đầu khoá). Các nội dung người học được giới thiệu và cung cấp bao gồm: Quy chế liên quan hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp trong quá trình học tập; các chính sách miễn giảm học phí, các quy định đánh giá kết quả rèn luyện (2.4.01 - Quyết định số 161/QĐ- CĐCNVD ngày 01 tháng 07 năm 2018 về việc ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Trường đã ban hành các văn bản về nội quy, quy chế nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của HS-SV học tập tại trường cũng như trong ký túc xá của trường. (8.1.03 - Quyết định số 179/QĐ-CĐCNVD ngày 28 tháng 07 năm 2020 Ban hành Quy định về quản lý học sinh, sinh viên nội trú, ngoại trú; 8.1.04 - Quyết định số 461/QĐ-CĐCNVD ngày 29/12/2017 về ban hành thực hiện nội quy học đường; 8.1.05 - Quyết định ban hành quy tắc ứng xử văn

hóa trong trường CDCN Việt Đức). (8.1.06 - Quyết định/ thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm).

Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại nguy hiểm đối với nhà giáo. Thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho học sinh, sinh viên học nghề Hàn, Cắt gọt kim loại; rèn dập...giảm 70% học phí, do đặc thù của nghề độc hại. Hệ trung cấp 9/12 được miễn giảm 100% học phí. Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học. Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định như: Thông báo, Quyết định, lập danh sách các đối tượng thuộc diện ưu đãi và được hưởng chế độ miễn giảm học phí. Các báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. (8.1.06 - Quyết định/ thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm; 1.12.02 - Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm; 8.1.07 - Quyết định số 218/QĐ-CĐCNCD ngày 02/10/2018 Quyết định về việc ban hành Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CDCN Việt Đức; 8.1.08 - Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm).

Ngoài ra, người học còn được cung cấp thông tin được thể hiện qua việc đối thoại với sinh viên hàng tháng với phòng Công tác HS-SV, giờ sinh hoạt lớp giữa giáo viên chủ nhiệm và HS-SV. (8.1.09 - Kế hoạch công tác học sinh, sinh viên năm học; 8.1.10 - Sổ biên bản hội nghị giao ban hội đồng lớp trưởng).

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập tại trường (8.1.11 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học hàng năm (đối với người học, nhà giáo)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 8.2:** *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Căn cứ các văn bản như: Luật giáo dục nghề nghiệp 2014; Nghị định số 86/2015/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Thông tư liên tịch số 09/2016/ TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh

và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ - CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ - TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú; Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT-BGDĐT - BLĐT BXH - BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT - BGDĐT - BLĐT BXH - BTC ngày 28/4 2008 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 14/9/2007 về chính sách học bổng đối với HS-SV tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc diện chính sách.

Trường ban hành các văn bản hướng dẫn các thủ tục hưởng chế độ, chính sách đối với người học. (1.12.01 - Các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người học mà trường đang áp dụng (Quy định miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng ...; 8.2.01 - Bảng thống kê các chế độ chính sách đối với người học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức).

- Các văn bản hiện hành:

TT	Các chế độ, chính sách	Văn bản của Trường
1	Miễn giảm học phí	- Các Thông báo miễn giảm học phí; - Các hướng dẫn về miễn giảm học phí hàng năm; - Các Quyết định về việc miễn giảm học phí năm học của trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức.
2	Nội trú	Quyết định 179/QĐ-CĐCNVD ngày 28/07/2020 Ban hành quy định về quản lý học sinh, sinh viên nội trú - ngoại trú.
3	Khen thưởng, kỷ luật	- Quy chế Công tác HS-SV ban hành theo QĐ số 218/QĐ-CĐCNVD ngày 02/10/2018; - Quy chế chi tiêu nội bộ số 30/QĐ-CĐCNVD ngày 25/01/2021.
4	Vay tín dụng	- Thông báo cấp Giấy xác nhận HS-SV để hưởng chế độ, chính sách; - Giấy xác nhận HS-SV; - Các Hướng dẫn vay vốn tín dụng cho HS-SV.
5	Chính sách xã hội	- Thông báo hỗ trợ Học sinh - Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về quê ăn Tết hàng năm; - Các Quyết định hỗ trợ hàng năm.

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học. Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định xây dựng quy chế quy chế Học sinh - Sinh viên của Trường như: Các báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. (1.12.02 - Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm).

TT	QUYẾT ĐỊNH MIỄN GIẢM	NGÀY KÝ	SỐ LƯỢNG HS-SV	SỐ TIỀN MIỄN GIẢM	GHI CHÚ	KỲ HỌC
Năm 2019						
1	Số 09/QĐ-CĐCNVĐ	01/08/2019	1	670,000		Kỳ II năm học 2018-2019
2	Số 107/QĐ-CĐCNVĐ	26/04/2019	838	2,940,430,000	Đợt 1	
3	Số 133/QĐ-CĐCNVĐ	22/05/2019	50	117,585,000	Đợt 2	
4	Số 209/QĐ-CĐCNVĐ	11/08/2019	853	2,681,128,000	Đợt 1	KỲ I năm học 2019-2020
5	Số 225/QĐ-CĐCNVĐ	12/02/2019	51	141,050,000	Đợt 2	
6	Số 227/QĐ-CĐCNVĐ	16/12/2019	5	12,580,000	Đợt 3	
	Cộng		1798	5,892,773,000		
Năm 2020						
1	Số 39/QĐ-CĐCNVĐ	18/06/2020	829	2,975,870,000		Kỳ II năm học 2019-2020
2	Số 130/QĐ-CĐCNVĐ	24/11/2020	771	2,664,948,000	Đợt 1	Kỳ I năm học 2020-2021
3	Số 24/QĐ-CĐCNVĐ	26/01/2021	134	424,352,000	Đợt 2	
	Cộng		1734	6,065,170,000		
Năm 2021						

	Số thiếu năm trước chuyển sang			(460,939,000)		
1	Số 41/QĐ-CĐCNVĐ	31/03/2021	855	3,750,022,000	Đợt 1	Kỳ II năm học 2020-2021
2	Số 212/QĐ-CĐCNVĐ	11/11/2021	786	2,790,778,000	Đợt 1	Kỳ I năm học 2021-2022
3	Số 220/QĐ-CĐCNVĐ	01/12/2021	157	580,314,000	Đợt 2	
	Cộng		1798	7,582,053,000		

Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định như: Thông báo, Quyết định, lập danh sách các đối tượng thuộc diện ưu đãi và được hưởng chế độ miễn giảm học phí. Các báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. (8.1.06 - *Quyết định/ thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm; 8.1.08 - Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm*).

Hàng năm Phòng Công tác HS - SV đều có báo cáo tổng kết về công tác Học sinh - Sinh viên nhà trường. (8.2.02 - *Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm; 8.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác HS-SV hàng năm của trường*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 8.3:** *Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã ban hành quy chế HS-SV dựa trên Thông tư số 17/2017/ TT-BLĐTĐ của Bộ LĐTBXH và quy chế chi tiêu nội bộ để quy định cụ thể chính sách khen thưởng và định mức chi khen thưởng cho HS-SV và tập thể lớp đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Trong Quy chế tại Chương V có quy định về khen thưởng đột xuất, khen thưởng thường xuyên cho tập thể và cá nhân HS-SV có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện. (8.1.07 - *Quyết định số 218/QĐ-CĐCNCD ngày 02/10/2018 Quyết định về việc ban hành Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức*).

Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhà trường. Trường ban hành các quy chế nội bộ dựa trên các văn bản chỉ đạo và thông tư của Bộ, ngành. (1.3.07 - *Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm*).

Để hỗ trợ sinh viên cũng như quản lý lớp học, Trường đã phân công các giáo viên làm công tác chủ nhiệm. Hàng tuần tổ chức họp giao ban giữa các phòng chức năng và cán bộ lớp, tổ chức sinh hoạt lớp giữa giáo viên chủ nhiệm và HS-SV để tiếp nhận các thông tin phản ánh của HS-SV trong quá trình học tập và sinh hoạt tại trường. (8.3.01 - *Quyết định phân công nhà giáo chủ nhiệm*).

Trường đã xây dựng Quy định về xét, cấp học bổng khuyến khích, hỗ trợ Học sinh - Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt...; Quyết định số 10a/QĐ-CĐCNVD ngày 28/02/2020; Quyết định số 55a/QĐ-CĐCNVD ngày 30/07/2020 về ban hành quy định học bổng, khuyến khích học tập cho Học sinh - Sinh viên. (8.3.02 - *Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập của trường*; 8.3.03 - *Quyết định về hỗ trợ người học gia đình chính sách, người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và người học xa trường hưởng chính sách nội trú*).

Hàng năm Phòng Công tác HS - SV đều có báo cáo tổng kết về công tác Học sinh - Sinh viên nhà trường. (8.2.02 - *Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm*).

Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định như: Thông báo, Quyết định, danh sách các đối tượng thuộc diện ưu đãi và được hưởng chế độ miễn giảm học phí. Hàng năm các Báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của nhà trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. (8.3.04 - *Các thông báo về cấp học bổng*). Ngoài ra, nhà trường còn có hình thức khen thưởng đột xuất, kịp thời đối với HS-SV có thành tích trong các hội thi tay nghề, HS-SV có thành tích cao trong Hội thi chào mừng ngày nhà giáo, khó khăn vươn lên trong học tập, tốt nghiệp loại giỏi...; (8.3.05 - *Các Quyết định khen thưởng người học đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, văn nghệ, thể thao và tham*

gia hoạt động công tác Đoàn; 8.3.06 - Quyết định về khen thưởng người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện học).

Phòng Công tác HS - SV nhà trường, hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác hoạt động của đơn vị. (8.3.07 - Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV).

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát về thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học. (8.3.08 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học hàng năm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 8.4:** Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường đã có những hoạt động thể hiện sự tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với tất cả HS-SV trong toàn trường, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân: Thông qua các quy chế tuyển sinh, Trường đã cung cấp cho người học đầy đủ các thông tin về quyền và nhiệm vụ cũng như các chính sách ưu tiên của người học. (2.2.01 - Quy chế tuyển sinh hàng năm) Tiêu chuẩn (2.2) đã trình bày cụ thể.

Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN nhà trường được cấp, hàng năm nhà trường triển khai thông báo tuyển sinh cho các cấp trình độ (1.2.03 - Thông báo tuyển sinh hàng năm).

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học. Trường thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định xây dựng quy chế quy chế Học sinh - Sinh viên của Trường như: Các báo cáo tổng hợp số liệu về HS-SV thuộc diện chính sách ưu đãi và chính sách xã hội hàng năm của trường cho thấy 100% người học thuộc diện chính sách được hưởng các chế độ, chính sách theo đúng quy định. 8.1.07 - Quyết định số 218/QĐ-CĐCNCD ngày 02/10/2018 Quyết định về việc ban hành Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức). Trường đã ban hành các văn bản về nội quy, quy chế nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của HS-SV học tập tại trường cũng như trong ký túc xá của trường. (8.1.03 - Quyết định số 179/QĐ-CĐCNVD ngày 28 tháng 07 năm 2020 Ban hành Qui định về quản lý học sinh, sinh viên nội trú, ngoại trú).

Trường có nội quy ký túc xá và quy trình quản lý ký túc xá đảm bảo an ninh trật tự và nề nếp khu nhà ở nội trú. Phòng Công tác HS - SV quản lý ký túc xá và nhân viên bảo vệ

luôn nhiệt tình trong công tác, giải quyết kịp thời các vấn đề trong sinh hoạt tại ký túc xá đảm bảo an ninh, trật tự an toàn. 8.4.01 - *(Nội quy ký túc xá của trường)*.

Nhà trường luôn tôn trọng và đối xử bình đẳng với tất cả người học, trong tất cả các hoạt động, luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định, các dịch vụ hỗ trợ cho người học và đa dạng hóa các hình thức hoạt động vui chơi giải trí không phân biệt giới tính, tôn giáo và nguồn gốc xuất thân. Thường xuyên quan tâm đến công tác bình đẳng giới của người học ngay từ khi tuyển sinh đến trong quá trình học tập, điều này được thể hiện rất rõ thông qua các quy chế, quy định liên quan đến người học. (8.4.02 - *Quyết định/ thông báo về chính sách hỗ trợ người học nội trú Trường CĐCN Việt Đức*). Ngoài ra còn thể hiện qua các hoạt động đoàn thể, cơ cấu tổ chức lớp học như: Trong ban cán sự lớp, bí thư, phó bí thư chi đoàn các lớp hàng năm có nhiều HS-SV là nữ. Trong các kế hoạch tổ chức Đại hội đoàn thanh niên có yêu cầu ủy viên BCH là cán bộ, đoàn viên thuộc các đối tượng, lĩnh vực, không phân biệt nam, nữ, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân...; (8.4.03 - *Các kế hoạch tổ chức Đại hội đoàn Trường*; 8.4.04 - *Các quyết định công nhận bí thư chi đoàn*; 8.4.05 - *Báo cáo tổng kết năm học của Đoàn thanh niên*; 8.4.06 - *Các quyết định công nhận cán bộ lớp*).

Phòng Công tác HS - SV nhà trường, hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác hoạt động của đơn vị. (8.3.07 - *Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV*).

Hàng năm, trường đều thực hiện công tác tổng kết năm học đánh giá các mặt hạn chế và đưa ra phương hướng tiếp theo. Trong báo cáo thể hiện rõ công tác tuyển sinh và các văn bản tuyển sinh đều không phân biệt nguồn gốc tôn giáo, thành phần xuất thân. Trong quá trình học tại trường, người học không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, được tham gia tất cả các hoạt động trong khuôn khổ pháp luật như các hoạt động học tập, hoạt động văn thể mỹ...; (8.4.07 - *Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường CĐCN Việt Đức*)

Các ý kiến của người học được trường tiếp thu thể hiện qua các buổi giao ban đối thoại hàng tuần với HS-SV vào thứ 5 hàng tuần. (8.4.08 - *Nội quy tiếp công dân của Trường CĐCN Việt Đức*; 8.4.09 - *Thông báo kết luận hội nghị giao ban hội đồng lớp trưởng hàng tháng*).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, các đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động. (1.5.03 - *Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm*; 8.4.10 - *Biên bản thanh tra, kiểm tra*).

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát về người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (8.4.11 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện (đối với người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 8.5:** Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Ký túc xá của trường hiện nay đáp ứng đủ cho nhu cầu của người học. Nhà trường có 4 dãy nhà ký túc xá 5 tầng, các dãy nhà ký túc xá đều có diện tích mặt bằng xây dựng là $12,7 \times 54,25\text{m} = 688,9\text{m}^2$. Kiến trúc xây dựng đảm bảo theo thiết kế (Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9210:2012 “Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”), gồm 206 phòng với sức chứa 2.080 người. Các phòng ở nội trú đều bố trí 04 giường tầng, mỗi phòng bố trí tối đa là 08 người/phòng (Diện tích bình quân $52,99\text{m}^2$). Phòng ở rộng rãi được trang bị đầy đủ hệ thống điện nước, khu vệ sinh khép kín. Trong phòng có hệ thống sinh hoạt khép kín và được trang bị hoàn chỉnh, đầy đủ đèn điện, nước sạch để sinh hoạt với hệ thống lọc nước của nhà trường được đầu tư xây dựng; Khu nhà ăn của HS-SV tách riêng. Trước khu ký túc xá của trường có hồ điều hoà và các phương tiện sinh hoạt khác..., đảm bảo điều kiện chỗ ở sinh hoạt, thuận tiện cho việc học tập và đi lại cho người học. (8.5.01 - Bản vẽ hoàn công ký túc xá Trường CDCN Việt Đức; 8.5.02 - Biên bản bàn giao thiết bị cho ban quản lý ký túc xá; 8.5.03 - Biên bản kiểm kê trang thiết bị ký túc xá hàng năm).

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHÀ KÝ TÚC XÁ CỦA TRƯỜNG

TT	Nội dung	Tổng diện tích (m²)	Số phòng	Diện tích bình quân (m²)	Ghi chú
1	Ký túc xá A1	3.444,5	65	52,99	
2	Ký túc xá A2	3.444,5	65	52,99	
3	Ký túc xá A3	3.444,5	65	52,99	
4	Ký túc xá A4	3.444,5	65	52,99	
Tổng cộng		13,778	260	52,99	

Trường có văn bản hướng dẫn người học đăng ký ở ký túc xá và quy trình quản lý ký túc xá đảm bảo an ninh trật tự và nề nếp khu nhà ở nội trú. Phòng Công tác HS - SV quản lý ký túc xá và nhân viên bảo vệ luôn nhiệt tình trong công tác, giải quyết kịp thời các vấn đề trong sinh hoạt tại ký túc xá đảm bảo an ninh, trật tự an toàn. (8.4.01 - Nội quy ký túc xá của trường).

Trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN nhà trường được cấp, hàng năm nhà trường triển khai thông báo tuyển sinh cho các cấp trình độ (1.2.03 - Thông báo tuyển sinh hàng năm). Lưu lượng HS-SV ở nội trú trong 3 năm gần đây: Năm học 2018 - 2019: 792 HS-SV, năm học 2019 - 2020: 768 HS-SV, năm học 2020 - 2021: 828 HS-SV (do phần lớn HS-SV của Trường là người Thái Nguyên nên không có nhu cầu ở ký túc xá). Các số liệu nêu trên cho thấy tỷ lệ lấp đầy ký túc xá mới chỉ đạt khoảng 39,8 %. Ký túc xá của Trường hoàn toàn đáp ứng cho HS-SV có nhu cầu.

Để nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị trong toàn trường, hàng tuần Trường tổ chức họp giao ban cán bộ lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng quản lý trong các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. (1.11.04 - Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt).

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của người học về ký túc xá nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho sinh viên (8.5.04 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện các điều kiện cho sinh hoạt và học tập cho người học ở ký túc xá hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

* **Tiêu chuẩn 8.6:** *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có trạm y tế, trạm y tế có diện tích 78 m². trạm y tế được bố trí ở khu vực thoáng mát, được lắp đặt hệ thống chiếu sáng, quạt trần đáp ứng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người học trên giảng đường cũng như người học lưu trú trong ký túc xá của trường khi có yêu cầu. Cán bộ y tế được biên chế tại Phòng quản trị đời sống của nhà trường gồm 02 người, Cán bộ y tế có chuyên môn nghiệp vụ về y tế đảm bảo yêu cầu khám, chữa bệnh.

Trạm y tế với chức năng là sơ cứu, chăm sóc bước đầu theo tuyến của Bảo hiểm y tế, phát thuốc chữa bệnh cho người học khi có nhu cầu cũng như kết hợp với Bệnh viện trong khu vực thành phố để khám sức khỏe định kỳ cho sinh viên trong toàn trường. (8.6.01 -

Chức năng nhiệm vụ của phòng Quản trị - Đời sống; 8.6.02 - Sơ đồ vị trí của trạm y tế; 8.6.03 - Bảng cấp của nhân viên y tế; 8.6.04 - Quyết định bổ nhiệm trạm trưởng).

Trạm y tế được trang bị 02 giường khám chữa bệnh, có đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học (8.6.05 - *Danh mục các thiết bị y tế; 8.6.06 - Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế*).

Y tế nhà trường chủ yếu thực hiện việc sơ cứu ban đầu và cấp phát thuốc cho CB, VCLĐ và HS-SV. Hàng năm nhà trường có kế hoạch với bệnh viện đa khoa Việt Bắc - Thành phố Thái Nguyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, VCLĐ và tất cả các lớp HS - SV của trường cụ thể 3 năm gần đây: (Kế hoạch CD-CNVĐ ngày 08/11/2019; ngày 16/10/2020; ngày 11/10/2021). Kế hoạch thể hiện các nội dung như: Công tác tuyên truyền, tư vấn sức khỏe; Công tác khám sức khỏe cho HS-SV; Công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống tai nạn; Công tác cung cấp, bảo quản thuốc và các trang thiết bị y tế...

Việc cấp phát thuốc thông thường cho CB, VCLĐ và HS-SV được theo dõi qua Sổ khám bệnh, trong đó ghi rõ thông tin về người được cấp thuốc, triệu chứng, loại thuốc được cấp. (8.6.07 - *Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho người học hàng năm; 8.6.08 - Danh sách người học khám sức khỏe định kỳ hàng năm*).

Hợp đồng với bệnh viện đa khoa Việt Bắc - Thành phố Thái Nguyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB, VCLĐ và tất cả các lớp HS - SV của trường cụ thể hợp đồng 3 năm gần đây: Hợp đồng số 106/HĐ-CĐCNVĐ ngày 08/11/2019. Số 52/HĐ-CĐCNVĐ ngày 09/10/2020. số 56^a/HĐ-CĐCNVĐ ngày 21/09/2021. (8.6.09 - *Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm; 8.6.10 - Sổ cấp thẻ phát thẻ bảo hiểm y tế của người học; 8.6.11 - Nhật ký khám bệnh và phát thuốc hàng năm*).

Trên cơ sở thực hiện các kế hoạch, cán bộ cán bộ trạm y tế đều lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác chăm sóc y tế định kỳ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm. (8.6.12 - *Các báo cáo công tác dịch vụ chăm sóc y tế 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm*).

Nhân viên nhà ăn là viên chức của trường có đủ sức khỏe, nhiệt tình và phục vụ chu đáo. Nhà ăn được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, có Biên bản kiểm tra của Đoàn thanh tra Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 93/QĐ-ATTP ngày 04/06/2020 do ông Lý Văn Cảnh, Chi cục trưởng Chi cục ATVSTP làm trưởng đoàn. Thực hiện nội dung kiểm tra, Đoàn đánh giá cao công tác vệ sinh và an toàn thực phẩm của trường và khuyến nghị trường đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống Covid19...; (8.6.13 - *Báo cáo tổng kết năm học công tác vệ sinh an toàn thực phẩm hàng*

năm; 8.6.14 - Sơ đồ mặt bằng khu nhà ăn Trường CDCN Việt Đức; 8.6.15 - Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm; 8.6.16 - Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với dịch vụ ăn uống; 8.6.17 - Các kế hoạch triển khai vệ sinh an toàn thực phẩm năm học; 8.6.18 - Văn bản ủy quyền xác nhận chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm; 8.6.19 - Biên bản kiểm tra an toàn vệ sinh thực của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thái Nguyên (số 29/QĐ-ATTP ngày 05/06/2020).

Đề nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị trong toàn trường, hàng tuần trường tổ chức họp giao ban cán bộ lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng quản lý trong các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. *(1.11.04 - Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt).*

Dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường; thường xuyên kiểm tra vệ sinh ATTP, vệ sinh môi trường và lập báo cáo kết quả công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo từng kỳ, năm học. Trong các báo cáo có đánh giá những năm gần đây không có trường hợp nào ngộ độc thực phẩm xảy ra. *(8.6.20 - Báo cáo tổng kết của Phòng quản trị đời sống hàng năm và báo cáo công tác của trạm y tế thường kỳ theo quý).*

Hàng năm, trường khảo sát lấy ý kiến về thực hiện các điều kiện y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe dịch vụ ăn uống cho người học. *(8.6.21 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện các điều kiện y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe dịch vụ ăn uống cho người học hàng năm).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 8.7:** *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường có diện tích sân bãi bao gồm khu vực rèn luyện thể chất, sân bóng đá, bóng bàn, sân bóng chuyền, cầu lông, đáp ứng các yêu cầu rèn luyện thể chất, thể thao cho HS-SV. Trường có 01 hội trường sức chứa 300 chỗ ngồi được trang bị điều hòa, hệ thống âm thanh, ánh sáng và 01 máy chiếu; có 01 sân bóng mini cỏ nhân tạo để mục đích phục vụ sinh viên giải trí, nâng cao sức khỏe... *(8.7.01 - Biên bản giao nhận hồ sơ các công trình đưa vào sử dụng; Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá thành sân cỏ nhân tạo...; 8.7.02 - Quyết định của Hiệu Trường về việc bàn giao tài sản, trang thiết bị cho phòng quản trị đời sống; 8.7.03 - Thống kê số liệu cơ sở vật chất TDTT).*

Hạng mục và số liệu các công trình phục vụ hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao của trường như sau:

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường	01	393	
2	Sân bóng đá	02	2000	
3	Sân cầu lông	03	590	
4	Khu vực rèn luyện thể chất	01	2900	
5	Sân bóng chuyên	03	400	

Các công trình xây dựng của nhà trường đều có hệ thống thống phòng cháy chữa cháy theo quy chuẩn đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình vận hành các hoạt động chung của Trường. Trong quá trình thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy đều được sự kiểm tra chặt chẽ của Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Thái Nguyên, trong quá trình nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đều phải có đại diện của phòng cảnh sát PCCC cùng nghiệm thu. (8.7.04 - Giấy chứng nhận hệ thống PCCC; 5.4.13 - Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm; 8.7.05 - Hồ sơ, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình phòng cháy chữa cháy).

Hàng năm trường đều có báo cáo tổng kết năm học công tác vệ sinh an toàn trong khuôn viên trường. (8.7.06 - Báo cáo tổng kết công tác vệ sinh an toàn).

- Về các hoạt động văn hóa, xã hội cho người học:

Hàng năm, Đoàn thanh niên trường kết hợp với các đơn vị, các Khoa đào tạo tổ chức cho học sinh - sinh viên luyện tập, biểu diễn văn nghệ vào các ngày lễ lớn như: Đêm hội văn hóa ATGT, ngày khai giảng năm học mới, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11...; (8.7.07 - Các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; Thể dục thể thao; Hoạt động tình nguyện của Đoàn trường hàng năm; 8.7.08 - Các quyết định thành lập đội thanh niên xung kích; 8.7.09 - Có cập nhật thông tin về các hoạt động của Đoàn thanh niên được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn; 8.7.10 - Báo cáo tổng kết năm của Đoàn thanh niên).

- Vấn đề an toàn cho người học trong khuôn viên trường:

Nhà trường đảm bảo tuyệt đối về vấn đề an ninh, trật tự trong mọi điều kiện; Trường có 06 nhân viên bảo vệ nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên nhà trường 24h/24h. Hàng năm trường có đánh giá và tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTV, đánh giá về tình hình an ninh trật tự của trường. (8.7.11 - Văn bản liên kết

công tác đảm bảo an ninh trật tự hàng năm; 8.7.12 - Báo cáo đánh giá sơ kết, tổng kết cụm an ninh khu vực I Thành phố Sông Công hàng năm).

Trường có các nội quy, quy định đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, nề nếp tại lớp học, phòng thực hành, nhà xưởng, ký túc xá và được phổ biến tới cán bộ, viên chức lao động và Học sinh - Sinh viên toàn trường. (8.4.01 - *Nội quy ký túc xá của trường; 8.7.13 - Nội quy học đường; 8.7.14 - Nội quy phòng học, xưởng thực hành).*

Phòng Công tác HS - SV nhà trường, hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác hoạt động của đơn vị. (8.3.07 - *Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV).*

Để nắm bắt tình hình hoạt động của các đơn vị trong toàn trường, hàng tuần Trường tổ chức họp giao ban cán bộ lãnh đạo nhằm nâng cao chất lượng quản lý trong các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. (1.11.04 - *Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt).*

Hàng năm, trường khảo sát lấy ý kiến về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường. (8.7.15 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường cho người học hàng năm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm)).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 8.8:** *Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh, Sinh viên. Hàng năm trường đều có kế hoạch công tác hướng nghiệp, tư vấn hỗ trợ việc làm cho HS-SV gồm các nội dung: Tư vấn hướng nghiệp cho HS-SV; Tham gia Hội chợ việc làm tỉnh Thái Nguyên; Sinh viên của các ngành/nghề giao lưu, tiếp xúc với chủ doanh nghiệp; Phiên giao dịch việc làm lưu động Tỉnh Thái nguyên; Nhận và phát Thông báo tuyển dụng của các nhà tuyển dụng, đưa lên trang website của trường, Facebook, Fanpage, địa chỉ <http://truongvietducthainguyen.edu.vn> (8.8.01 - *Chức năng nhiệm vụ Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh, Sinh viên).*

Hàng năm xây dựng và thực hiện các kế hoạch như: Tổ chức tư vấn việc làm cho HS-SV tham gia chương trình “Ngày đoàn viên”, “Khởi nghiệp sáng tạo-Nghề nghiệp việc làm”. Tổ chức hội nghị tư vấn, định hướng nghề nghiệp với sự tham gia của Công ty CP Kim khí Thăng Long, Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu, Công ty CP sản xuất và thương mại điện cơ Hà Nội, Công ty TNHH sản xuất SanWa Việt Nam, Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Việt, Tập đoàn Hoà Phát, Công ty CP Technokom, Tập đoàn IcoGROUP,

Công ty THHH một thành viên phụ tùng máy số 1, Công ty THHH một thành viên Diesel Sông Công, Công ty cổ phần Cơ khí lắp dựng Từ Sơn Bắc Ninh...; (8.8.02 - *Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho người học hàng năm*; 8.8.03 - *Các công văn mời các doanh nghiệp tư vấn việc làm*; 8.8.04 - *Danh sách các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm hàng năm*; 8.8.05 - *Các thông báo tư vấn việc làm*). Nhà trường luôn chú trọng tìm kiếm các doanh nghiệp có việc làm tốt, có mức thu nhập ổn định để cho người học có cơ hội lựa chọn việc làm phù hợp, phát Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. (1.1.06 - *Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm*; 8.8.06 - *Thông báo tuyển dụng trên Website của Trường*; 8.8.07 - *Bảng đăng ký tìm việc của người học*).

Kết quả thực hiện các kế hoạch tổ chức tư vấn, hướng nghiệp việc làm được Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh, Sinh viên tổng hợp, lập báo cáo hàng năm. (8.8.08 - *Báo cáo về tổ chức chương trình tư vấn việc làm*). Bên cạnh đó nhà trường cũng thực hiện khảo sát lần vết người học sau tốt nghiệp với các chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. (8.8.09 - *Các văn bản về lần vết người học sau tốt nghiệp*).

Hàng năm, trường khảo sát lấy ý kiến về công tác tư vấn việc làm đối với người học, người học sau tốt nghiệp. (8.8.10 - *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm)*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 8.9:** *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, trường kết hợp tổ chức hội nghị tư vấn, định hướng việc làm và tham gia “Phiên giao dịch việc làm” do Trung tâm dịch vụ việc làm Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên tổ chức: Năm 2019 số 36/KH-CĐCNVĐ ngày 05/02/2019;

Năm 2020 trường có Kế hoạch tổ chức “Phiên giao dịch việc làm” số 57/CĐ-CNVĐ ngày 03/03/2020 và Kế hoạch số 175/KH-TTĐVVL ngày 18/05/2020 với sự tham gia của 40 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 2180 vị trí việc làm, do Trung tâm dịch vụ việc làm Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên tổ chức.

Năm 2021 có Kế hoạch số 483^a ngày 18/10/2021, phối hợp tổ chức phiên giao dịch tư vấn, việc làm với số lượng tham gia của 5 doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng 1500 vị trí việc làm do, Trung tâm dịch vụ việc làm Sở LĐTBXH tỉnh Thái Nguyên tổ chức. (8.9.01 - *Các kế hoạch phối hợp với đơn vị tham dự hội chợ việc làm*; 8.9.02 - *Kế hoạch phiên giao dịch việc làm lưu động tại thành phố/tỉnh*; 8.9.03 - *Các công văn mời các doanh nghiệp tham gia hội chợ việc làm*; 8.9.04 - *Các thông báo tham dự ngày hội việc làm*; 8.8.04 - *Danh sách các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm hàng năm*).

Hàng năm trường phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh Thái Nguyên Tổ chức tư vấn việc làm cho HS-SV tham gia chương trình “Ngày đoàn viên”, “Khởi nghiệp sáng tạo - Nghề nghiệp việc làm”. Tổ chức hội nghị tư vấn, định hướng nghề nghiệp. ngày Sinh viên tiếp xúc với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và ngày tư vấn hỗ trợ việc làm tại Trường để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được tiếp cận thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, tạo cơ hội tìm việc làm cho sinh viên đúng khả năng, ngành học và nguyện vọng Kết quả thực hiện các kế hoạch tổ chức tư vấn, hướng nghiệp việc làm được Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ Học sinh, Sinh viên tổng hợp, lập báo cáo hàng năm. (8.9.05 - Các báo cáo kết quả tham gia ngày hội việc làm; 8.9.06 - Báo cáo tổng kết năm học của Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên).

Để đánh giá các công tác chuyên môn và nhiệm vụ năm học, Phòng Công tác HS - SV nhà trường có báo cáo tổng kết năm học. (8.3.07 - Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV).

Hàng năm, trường khảo sát lấy ý kiến về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm. cán bộ quản lý). (8.9.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ quản lý).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9

*** Mở đầu:**

Với mục tiêu đánh giá toàn diện các hoạt động đào tạo của trường, hằng năm trường đều tổ chức tự đánh giá chất lượng trường và chương trình đào tạo. Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan bao gồm: Nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp và người học về các hoạt động trong quá trình đào tạo nhằm đánh giá chất lượng tổng thể của trường, xác định được mặt tốt và chưa tốt để có kế hoạch cải tiến các hoạt động của trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc giám sát và đánh giá chất lượng đào tạo luôn được nhà trường quan tâm, nó thể hiện được thương hiệu và chất lượng của nhà trường.

*** Những tồn tại: Không.**

***Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Thường xuyên thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp...; thông qua đó có những biện pháp điều chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	6 điểm	6 điểm
<i>Tiêu chuẩn 1</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 5</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<i>1 điểm</i>	<i>1 điểm</i>

*** Tiêu chuẩn 9.1:** Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường có các kế hoạch triển khai việc thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, đồng thời trường triển khai thu thập ý kiến, tổng hợp, phân tích kết quả và có kế hoạch nâng cao chất lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. (9.1.01 Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm; 9.1.02 - Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm).

Kết quả thu được cho thấy tỷ lệ doanh các nghiệp hài lòng với khả năng thực hiện công việc chuyên môn của người học tốt nghiệp khá cao (80% trở lên đánh giá tốt), cụ thể 3 năm gần đây:

- Năm 2019 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HS-SV đang làm việc
1	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	217

2	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
3	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	56
4	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	32
5	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	25
6	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	08
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	06
8	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	TX. Phổ Yên - Thái Nguyên	03
9	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	15
10	Công ty TNHH Rèn, dập Điềm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	02
11	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phổ Yên	Phổ Yên - Thái Nguyên	07
12	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	02
13	Công ty dịch vụ và thương mại Ngân Đào	Sông Công - Thái Nguyên	02
14	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
15	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Trần Tiến	Đồng Hỷ - Thái Nguyên	01
16	Trung tâm dịch vụ sửa chữa ô tô Sáng Tài	TP. Thái Nguyên - Thái Nguyên	01
Tổng cộng			567

Trong số 16 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên.

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ	Kiến thức	Kỹ năng thực hành	Kỹ năng làm việc	Kỹ năng làm việc	Tính kỷ luật trong	Khả năng áp dụng kiến
--------	-----------	-------------------	------------------	------------------	--------------------	-----------------------

đáp ứng	chuyên môn	công việc	độc lập	theo nhóm	công việc	thức vào thực tiễn
Tốt	14	14	13	14	14	13
Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2020 trường lấy ý kiến của 15 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	05
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	05
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	05
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	185
5	Công ty CP SX và TM Điện cơ Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	12
6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP. Sông Công - Thái Nguyên	5
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP. Sông Công - Thái Nguyên	10
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	225
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP. Sông Công - Thái Nguyên	20
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phở Yên	Phở Yên - Thái Nguyên	30
11	Công ty CP Cơ khí Phở Yên	TX. Phở Yên - Thái Nguyên	15

12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	60
13	Công ty TNHH Rèn, dập Đầm Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	5
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyển	TP. Sông Công - Thái Nguyên	2
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	10
Tổng cộng			594

Trong số 15 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	13	13	12	13	13	12
Khá	2	2	3	2	2	3
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

- Năm 2021 trường lấy ý kiến của 16 doanh nghiệp, kết quả như sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng HSSV đang làm việc
1	Công ty ô tô Trường Hải Sông Công	Sông Công - Thái Nguyên	07
2	Công ty TNHH Mitshubishi Thái Nguyên	Thái Nguyên - Thái Nguyên	06
3	C.ty TNHH MTV Cơ khí chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Long Biên - Hà Nội	08
4	Công ty TNHH Sản xuất SanWa Việt Nam	Việt Yên - Bắc Giang	195
5	Công ty CP SX và TM Điện cơ	Thanh Trì - Hà Nội	13

	Hà Nội		
6	Công ty TNHH Cơ khí Long Bình	TP.Sông Công - Thái Nguyên	6
7	Công ty CP Dụng cụ máy số 1	TP.Sông Công - Thái Nguyên	12
8	Công ty CP Dụng cụ cơ khí xuất khẩu	Mê Linh - Hà Nội	238
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	TP.Sông Công - Thái Nguyên	25
10	Công ty TNHH Cơ khí chính xác Phở Yên	Phở Yên - Thái Nguyên	38
11	Công ty CP Cơ khí Phở Yên	TX.Phở Yên - Thái Nguyên	19
12	Công ty TNHH MaNi Hà Nội	Phú Bình - Thái Nguyên	75
13	Công ty TNHH Rền, dập Điem Thụy	Phú Bình - Thái Nguyên	7
14	Công ty TNHH Cơ khí Thanh Chuyên	TP.Sông Công - Thái Nguyên	3
15	Công ty TNHH DONGWHA Việt Nam	Sông Công - Thái Nguyên	15
16	Công ty CP Technokom	Văn Lâm - Hưng Yên	20
Tổng cộng			687

Trong số 687 doanh nghiệp được khảo sát thì 100% doanh nghiệp cho rằng cựu sinh viên nhà trường đáp ứng phần lớn yêu cầu của công việc được giao, từ mức khá trở lên:

Bảng tổng hợp mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp của cựu sinh viên

Mức độ đáp ứng	Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng thực hành công việc	Kỹ năng làm việc độc lập	Kỹ năng làm việc theo nhóm	Tính kỷ luật trong công việc	Khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn
Tốt	14	13	14	14	12	14
Khá	2	3	2	2	4	2
T. Bình	-	-	-	-	-	-
Yếu	-	-	-	-	-	-

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 9: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 9.2:** *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm, trường đều tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. Kết quả cho thấy tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được lấy ý kiến đều ghi nhận nhà trường đều thực hiện tốt và đầy đủ, đúng quy định, công khai và minh bạch các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thu thập ý kiến của các nhóm đối tượng liên quan. Sau đó tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả lên lãnh đạo nhà trường để có kế hoạch bổ sung điều chỉnh công tác tổ chức quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tế. (9.2.01 - *Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động; 9.2.02 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến hàng năm*).

- Năm 2019 lấy ý kiến của 90 Cán bộ viên chức, người lao động (tỉ lệ 67%), kết quả thu được:

+ Có 87 người trở lên đồng tình cao với chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm mà nhà trường đang thực hiện (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 97% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 82 người trở lên đồng tình cao với công tác tổ chức hoạt động đào tạo tại trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 91% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 81 người trở lên đồng tình cao với điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 90% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 84 người đồng tình cao với các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 86 người trở lên đồng tình cao với chất lượng chương trình, giáo trình của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 90 người đồng tình cao với các hoạt động tài chính của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 100% số người được hỏi.

- Năm 2020 lấy ý kiến của 80 Cán bộ viên chức, người lao động (tỉ lệ 61%), kết quả thu được:

+ Có 77 người trở lên đồng tình cao với chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm mà nhà trường đang thực hiện (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 74 người trở lên đồng tình cao với công tác tổ chức hoạt động đào tạo tại trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 75 người trở lên đồng tình cao với điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thư viện của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 94% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 74 người đồng tình cao với các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 93% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 77 người trở lên đồng tình cao với chất lượng chương trình, giáo trình của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 96% số người được hỏi; Số còn lại đánh giá mức trung bình;

+ Có 80 người đồng tình cao với các hoạt động tài chính của trường (đánh giá mức tốt trở lên), chiếm tỷ lệ trên 100% số người được hỏi.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 9: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 9.3:** *Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường có tổ chức thu thập lấy ý kiến trên 30% đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy. Tất cả người học được khảo sát đều cho ý kiến xác thực và hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường: (9.3.01 - Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường).

- Năm 2019 lấy ý kiến của 200 HS-SV đang học các nghề như sau: Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, kết quả thu được:

+ 200 HS-SV đồng tình với chất lượng chương trình đào tạo, chiếm tỷ lệ 100% số người được hỏi;

+ 200 HS-SV được hỏi đồng tình với hình thức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ nhà trường đang áp dụng (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

+ 180 HS-SV hài lòng với tinh thần phục vụ của CB, VCLĐ liên quan các hoạt động học tập tại trường, chiếm tỷ lệ 90%; 20 HS-SV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HS-SV đánh giá cao chất lượng của hệ thống CSVC, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học, chiếm tỷ lệ 95%; 03 HS-SV đánh giá mức độ trung bình;

+ 200 HS-SV hài lòng với việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người học của trường (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

- Năm 2020 lấy ý kiến của 190 HS-SV đang học các nghề như sau: Cắt gọt kim loại, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Công nghệ ô tô, kết quả thu được:

+ 180 HS-SV đồng tình với chất lượng chương trình đào tạo, chiếm tỷ lệ 94,7% số người được hỏi; 10 HS-SV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HS-SV được hỏi đồng tình với hình thức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ nhà trường đang áp dụng (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%;

+ 180 HS-SV hài lòng với tinh thần thái độ giảng dạy của giáo viên nhà trường, chiếm tỷ lệ 94,7%; 10 HS-SV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 170 HS-SV hài lòng với tinh thần phục vụ của CB, VCLĐ liên quan các hoạt động học tập tại trường, chiếm tỷ lệ 89,5%; 20 HS-SV còn lại đang phân vân chưa có câu trả lời;

+ 190 HS-SV đánh giá cao chất lượng của hệ thống CSVC, các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học, chiếm tỷ lệ 100%;

+ 190 HS-SV hài lòng với việc thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến người học của trường (đánh giá mức khá trở lên), chiếm tỷ lệ 100%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 9: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 9.4:** *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Hàng năm trường đều tổ chức tự đánh giá chất lượng trường theo quy định. Năm 2019 Tổng cục giáo dục nghề nghiệp có công văn hướng dẫn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng. Trên cơ sở đó, hàng năm trường thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng, xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chất lượng, tổ chức tự đánh giá chất lượng. (1.7.04 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*; 1.7.06 - *Quyết định và danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm*)

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng. Nhà trường đã cập nhật bổ sung xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng nội bộ của trường. (1.7.03 - *Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức được Hiệu trưởng phê duyệt*).

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng trường đã góp phần hoàn thiện về mọi mặt và nâng cao chất lượng thương hiệu đào tạo của nhà trường. (1.8.02 - *Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*). Trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng trường theo quy định, có báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng nhà trường hàng năm (1.7.08 - *Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng trường hàng năm*).

Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường được đăng công khai trên Website của trường hàng năm (9.4.01 - *Có cập nhật thông tin về các hoạt động tự đánh giá chất lượng và công tác đảm bảo chất lượng được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 9: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 9.5:** *Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có*

Mô tả, phân tích, nhận định: Như đã phân tích đánh giá ở tiêu chuẩn (9.4) hàng năm, trường tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở. (1.7.04 - *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*). Căn cứ công văn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, Cao đẳng. Nhà trường đã cập nhật bổ sung xây dựng hoàn thiện bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng nội bộ của trường. (1.7.03 - *Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức được Hiệu trưởng phê duyệt*).

Qua quá trình tự đánh giá chất lượng trường đã góp phần hoàn thiện về mọi mặt và nâng cao chất lượng thương hiệu đào tạo của nhà trường. (1.8.02 - *Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường hàng năm*).

Trên cơ sở Báo cáo tự đánh giá chất lượng trường có liệt kê các điểm mạnh, các hạn chế tồn tại và đề ra phương hướng, kế hoạch nâng cao chất lượng, duy trì và phát huy các thế mạnh, khắc phục các hạn chế tồn tại. Hàng năm trong năm tiếp theo; Cuối năm sau nhà trường tổng kết quá trình khắc phục các tồn tại hạn chế của năm trước để rút kinh nghiệm và có phương án nâng cao chất lượng cho thời gian tiếp theo (9.5.01 - *Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm*; 9.5.02 - *Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại của tự đánh giá chất lượng trường*).

Hàng năm, trường đều thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng trường theo quy định, có báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng nhà trường. (1.7.08 - *Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng hàng năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 9: 1 điểm

*** Tiêu chuẩn 9.6:** *Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường có trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên. Hàng năm thực hiện khảo sát lần vết người tốt nghiệp trên cơ sở danh sách HS-SV vừa tốt nghiệp trong vòng 6 tháng nhằm nắm bắt kịp thời tình hình việc làm và cuộc sống của HS-SV tốt nghiệp ra trường. Bằng hình thức gửi phiếu điều tra và tiếp xúc trực tiếp tại doanh nghiệp. Trường đã thực hiện tốt công tác điều tra lần vết đối với

người tốt nghiệp hàng năm. (9.6.01 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm*; 9.6.02 - *Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát việc làm sau khi tốt nghiệp của người học hàng năm*).

Kết thúc mỗi đợt khảo sát, có tổng hợp kết quả, phân tích các điều kiện liên quan đến tình hình việc làm để có phương án hỗ trợ thêm cho người học đã tốt nghiệp có cơ hội tiếp cận với công việc đúng nghề và việc làm hiệu quả hơn, thu nhập cao hơn.

Kết quả thua thập được hàng năm như sau:

- Năm 2019 trường có 505 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 505 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 284 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 56,2%: Trong đó 253 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 89%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	73
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	211

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	09
2	Doanh nghiệp tư nhân	224
3	Doanh nghiệp nước ngoài	51

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	62
2	7 đến 12 triệu VNĐ	175
3	Trên 12 triệu VNĐ	47

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	239
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	14

3	Trái chuyên môn được đào tạo	31
---	------------------------------	----

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm.

- Năm 2020 trường có 226 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 226 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 118 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 52,2%: Trong đó 107 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 90,7%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	76
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	42

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	12
2	Doanh nghiệp tư nhân	89
3	Doanh nghiệp nước ngoài	17

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	18
2	7 đến 12 triệu VNĐ	44
3	Trên 12 triệu VNĐ	56

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	102
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	5

3	Trái chuyên môn được đào tạo	11
---	------------------------------	----

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm.

- Năm 2021 trường có 287 người học tốt nghiệp ra trường, trường tiến hành gửi phiếu đến tất cả 287 người học tốt nghiệp, kết quả thu về 160 phiếu có điền thông tin về việc làm, đạt 55,8% trong đó 152 người tốt nghiệp làm việc đúng nghề được đào tạo hoặc có ứng dụng kiến thức kỹ năng vào hỗ trợ công việc, chiếm 95%, cụ thể như sau:

+ Thời gian tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp

TT	Thời gian tìm được việc làm	Số lượng
1	Dưới 3 tháng	128
2	Từ 3 - dưới 6 tháng	24

+ Loại hình doanh nghiệp

TT	Loại hình doanh nghiệp	Số lượng
1	Doanh nghiệp nhà nước	26
2	Doanh nghiệp tư nhân	55
3	Doanh nghiệp nước ngoài	71

+ Mức thu nhập

TT	Thu nhập	Số lượng
1	Dưới 7 triệu VNĐ	25
2	7 đến 12 triệu VNĐ	112
3	Trên 12 triệu VNĐ	15

+ Sự phù hợp với chuyên môn và trình độ được đào tạo

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng
1	Phù hợp với chuyên môn	136
2	Có ứng dụng kiến thức nghề nghiệp vào công việc	8

3	Trái chuyên môn được đào tạo	8
---	------------------------------	---

Tất cả số người học tốt nghiệp có phản hồi đều đang hài lòng với công việc đang làm.

Như vậy theo kết quả điều tra và Báo cáo tổng hợp của trường thì hàng năm đều có trên 80% người tốt nghiệp của trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành/nghề đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
<i>Tiêu chí 1</i>	<i>Tiêu chuẩn 6</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng Trường đang trình Bộ Công thương chưa có quyết định công nhận. - Trường tuy chưa được Bộ Công thương trả lời, nhưng Hội đồng tư vấn gồm các bộ chủ chốt đã hoạt động với vai trò như Hội đồng Trường trong mọi hoạt động... 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2022 nhà trường tiếp tục đề xuất với Bộ Công thương để có Quyết định Hội đồng Trường.

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
Tiêu chí 2	Tiêu chuẩn 9	Trường có phần mềm quản lý đào tạo; tuy nhiên hiện nay phần mềm quản lý đào tạo hỏng không hoạt động, giáo viên và học sinh không có tài khoản để truy cập.	Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư tin cậy để cải tạo lại hệ thống phần mềm, hoặc nâng cấp phần mềm về quản lý đào tạo.
Tiêu chí 3	Tiêu chuẩn 3; 9	- Tính đến thời điểm tháng 12/2021 Trường có 58/92 nhà giáo có trình độ kỹ năng nghề bậc 3/7 trở lên, do đó trường mới đảm bảo được 52% vì vậy trường không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn theo quy định. - Một số nhà giáo chưa được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.	- Năm 2022 tiếp tục cử các nhà giáo tham gia bồi dưỡng và thi chứng chỉ kỹ năng nghề, đảm bảo tỷ lệ nhà giáo theo yêu cầu tiêu chuẩn. - Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho nhà giáo đi tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.
Tiêu chí 4	Tiêu chuẩn 10; 15	- Trường có giáo trình, tài liệu cho tất cả các ngành nghề hiện đang đào tạo, tuy nhiên bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun (tối thiểu 05 quyển/ môn học - mô đun) chưa đảm bảo cho tất cả các nghề. Vì một số ngành/ nghề mấy năm gần đây trường không tuyển sinh được, nên không in đủ giáo trình tài liệu theo quy định.	- Trường tiếp tục rà soát, bổ sung giáo trình, tài liệu đảm bảo tất cả các ngành nghề đào tạo theo quy định.
Tiêu chí 5	Tiêu chuẩn 8; 13	- Trường có giáo trình, tài liệu cho tất cả các ngành nghề hiện đang đào tạo, tuy nhiên bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học - mô đun (tối thiểu 05 quyển/ môn học - mô đun) chưa đảm bảo cho tất cả các nghề. Vì	- Trường tiếp tục rà soát, bổ sung giáo trình, tài liệu đảm bảo cho các ngành nghề đào tạo theo quy định. - Tiếp tục đầu tư trang thiết bị đào tạo cho các nghề còn lại

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
		<p>một số ngành/ nghề mấy năm gần đây trường không truyền sinh được, nên không in đủ giáo trình tài liệu theo quy định.</p> <p>- Qua đối chiếu với danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị tối thiểu do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định thì hiện nay thiết bị của nghề Công nghệ ô tô và Cắt gọt kim loại là đủ về chủng loại và số lượng đáp ứng quy mô đào tạo; các nghề còn lại của trường chưa đáp ứng được cả về chủng loại và số lượng.</p>	<p>của trường so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định, đảm bảo về chủng loại và số lượng.</p>
Tiêu chí 6	Tiêu chuẩn 3	<p>Một số năm gần đây trường không có các bài báo, ấn phẩm đăng trên các báo, tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế vì vậy trường không đạt yêu cầu tiêu chuẩn.</p>	<p>Trong những năm tới trường sẽ khuyến khích cán bộ, nhà giáo viết bài và đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước; tiếp tục mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, nhà giáo, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.</p>
Tiêu chí 7	Không		<p>Trong thời gian tới Trường tiếp tục tiến hành phân cấp hệ thống quản lý tài chính mạnh hơn cho những đơn vị tự chủ được một phần về tài chính.</p>
Tiêu	Không		<p>- Tăng cường quảng bá trên</p>

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Các điểm tồn tại năm 2021	Kế hoạch nâng cao chất lượng năm 2022
<i>chí 8</i>			trang Website của trường và trên facebook, phổ biến thông tin tư vấn việc làm cho các lớp năm cuối. - Tích cực kết hợp với các trung tâm, đơn vị tổ chức hội chợ việc làm cho học sinh, sinh viên được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.
<i>Tiêu chí 9</i>	<i>Không</i>		Năm 2022, ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát HS-SV nhằm thu thập được nhiều ý kiến đóng góp hơn.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức hàng năm tiến hành tự đánh giá chất lượng trường theo công văn hướng dẫn số 453/TCGDNN/KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, trường Cao đẳng và bộ tiêu chí, tiêu chuẩn nội bộ của trường.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn nội bộ của trường được Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành đầy đủ các bước, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn một cách chính xác để tìm ra những điểm mạnh và tồn tại qua đó từng bước khắc phục tồn tại và phát huy những thế mạnh để trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức không ngừng lớn mạnh về quy mô và chất lượng đào tạo, hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển nhà trường.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá chất lượng trường, trường có một số đề xuất Cục kiểm định chất lượng GDNN - Tổng cục GDNN như sau:

Tiếp tục mở thêm các lớp đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kiểm định, đào tạo kiểm định viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu tự đánh giá của nhà trường hiện nay.

Xây dựng phần mềm để triển khai cập nhật dữ liệu tự đánh giá chất lượng trường (số hóa dữ liệu hồ sơ minh chứng) để giảm thiểu khối lượng phô tô, in ấn, lưu trữ hồ sơ minh chứng.

Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho nhà trường tham gia các dự án về kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn khu vực và Quốc tế.

2. Kiến nghị: Không.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Sinh

PHỤ LỤC 1

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/QĐ-CĐCNVD

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng
Trường Cao đẳng công nghiệp Việt Đức năm 2021

Căn cứ quyết định số 115/QĐ- BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho trường CĐCN Việt Đức;

Căn cứ Luật số 74/2014/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội ban hành luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường Trung cấp, trường Cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 45^a/QĐ-CĐCNVĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức;

Theo đề nghị của ông trưởng phòng QLKH&HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức năm 2021 (*Có danh sách kèm theo*);

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thiện minh chứng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đã ban hành;

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.

(*Đã ký*)

Nguyễn Đức Sinh

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CĐCN VIỆT ĐỨC NĂM 2021

(*Kèm theo quyết định số 50/QĐ-CĐCNVĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng trường CĐCN Việt Đức*)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Sinh	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Hoàng Minh Thái	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3	Lê Xuân Đạt	Trưởng Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên thư ký

4	Nguyễn Văn Thủy	Chuyên Viên Phòng QLKH&HTQT	Ủy viên
5	Trần Minh Đức	Trưởng Phòng đào tạo	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Hồng Sơn	Trưởng Phòng TCHC	Ủy viên
7	Lê Anh Nguyên	Phó Trưởng Phòng TCHC, thường trực công tác văn phòng Đảng uỷ	Ủy viên
8	Lê Anh Tuấn	Trưởng Phòng TCKT	Ủy viên
9	Đỗ Khắc Nguyên	Trưởng Phòng Quản trị Đời sống	Ủy viên
10	Hoàng Văn Quân	Trưởng Phòng Công tác HSSV	Ủy viên
11	Mạc Văn Hùng	Trưởng Phòng QLTB&TTSX	Ủy viên
12	Trần Kiên	Phó Trưởng phòng Đào tạo - Phụ trách Tổ CNTT - KT	Ủy viên
13	Mai Quang Dương	Trưởng Khoa SPDN	Ủy viên
14	Nguyễn Thị Lanh	Trưởng Khoa KHCB	Ủy viên
15	Vũ Thị Ngoan	Phó Trưởng Khoa Điện - ĐT - ĐL	Ủy viên
16	Nguyễn Văn Thanh	Phó trưởng Khoa CKCG-KC	Ủy viên
17	Nguyễn Mạnh Giang	Phó trưởng TT đào tạo Lái xe Ô tô	Ủy viên
18	Nguyễn Gia Nghĩa	Tổ Trưởng Tổ Cơ khí Động lực	Ủy viên
19	Nguyễn Thị Kim Anh	Tổ Trưởng Tổ Cơ khí CTM	Ủy viên
20	Lê Thị Thu Hà	Trưởng ban nữ công	Ủy viên
21	Lý Quang Đại	Bí thư đoàn Thanh niên	Ủy viên
22	Phùng Thế Chiến	P.Giám đốc C.ty TNHH Linh trang	Ủy viên
23	Vũ Duy Hải	Trưởng phòng kế hoạch Công ty cổ phần Phụ tùng máy số I	Ủy viên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CĐCN VIỆT ĐỨC

Số: 103/KH-CĐCNVD

PHỤ LỤC 2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 3 năm 2021

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức năm 2021

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tự đánh giá chất lượng trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng năm 2021;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch tự đánh giá nội bộ phù hợp với tình hình thực tế;
- Nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá của các đơn vị trong toàn trường.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị thu thập, cập nhật đầy đủ hồ sơ minh chứng theo nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường năm 2021;
- Thực hiện việc tự đánh giá chất lượng của đơn vị đảm bảo nghiêm túc, chất lượng đúng kế hoạch.

II. NỘI DUNG

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Thực hiện	Ghi chú
1	Tự đánh giá chất lượng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường năm 2021.	Từ 18/3 đến 31/7/2021	Các đơn vị trong toàn trường	
2	Kiểm tra minh chứng, kết quả tự đánh giá chất lượng các đơn vị.	Từ 02/8 đến 15/9/2021	Phòng QLKH&HTQT	Có kế hoạch chi tiết
3	Tổng hợp minh chứng, kết quả tự đánh giá các đơn vị.	Từ 21/9 đến 30/9/2021	Phòng QLKH&HTQT	
4	Họp hội đồng thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng các đơn vị.	Từ 01/10 đến 11/10/2021	Hội đồng tự đánh giá chất lượng	
5	Bổ sung hoàn thiện minh chứng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường.	Từ 15/10 đến 31/10/2021	Các đơn vị trong toàn trường	
6	Tổng hợp viết báo cáo tự đánh giá chất lượng trường năm 2021;	Từ 01/11 đến 30/11/2021	Phòng QLKH&HTQT	
7	Hoàn thiện báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền.	Trước 15/12/2021	Phòng QLKH&HTQT	

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đức Sinh

PHÒNG QLKH&HTQT

(Đã ký)

Lê Xuân Đạt

PHỤ LỤC 3

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí,	Tên minh chứng
-------	----------	------------	---------------	--	----------------

				tiêu chuẩn	
1	1	1	1.1.01		Quyết định thành lập trường CĐCN Việt Đức Số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006; trường vietducthainguyen.edu.vn
2			1.1.02		Quyết định số 115/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường CĐCN Việt Đức;
3			1.1.03		Quy chế tổ chức, hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
4			1.1.04		Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025”; Quyết định số 1769/QĐ-BLĐT BXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường cao đẳng, trường trung cấp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025;
5			1.1.05		Văn bản phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam /Bộ /Tỉnh;
6			1.1.06		Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
7			1.1.07		Thông báo tuyển sinh hàng năm trên trang Website; Pa nô- áp phích, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà trường trên đài truyền thanh, truyền hình các huyện thành, thị...;
8			1.1.08		Cập nhật thông tin đăng tải trên Website:
9			1.1.09		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mục tiêu và sứ mạng của Nhà trường hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
10	1	2	1.2.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
11			1.2.02		Chiến lược phát triển Trường CĐCN Việt Đức đến năm 2025 tầm nhìn 2030;
12				1.1.04	Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến 2025”; Quyết định số 1769/QĐ-BLĐT BXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường cao đẳng, trường trung cấp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

13			1.2.03		Thông báo tuyển sinh hàng năm;
14			1.2.04		Kế hoạch tuyển sinh hàng năm;
15			1.2.05		Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số người học thực tuyển hàng năm;
16			1.2.06		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm;
17				1.1.06	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
18			1.2.07		Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp hàng năm;
19			1.2.08		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp, sản giao dịch việc làm trên địa bàn hàng năm;
20			1.2.09		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của thị trường lao động hàng năm.
21	1	3		1.1.01	Quyết định thành lập trường CĐCN Việt Đức Số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006;
22				1.1.02	Quyết định số 115/QĐ- BCT ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với trường CĐCN Việt Đức;
23				1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
24			1.3.01		Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
25			1.3.02		Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
26			1.3.03		Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc Trường CĐCN Việt Đức;
27			1.3.04		Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức lao động;
28			1.3.05		Quy chế thi đua khen thưởng hàng năm;
29			1.3.06		Quy chế phúc lợi hàng năm;
30			1.3.07		Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
31			1.3.08		Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm;
32			1.3.09		Quy chế quản lý nhân sự;
33			1.3.10		Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn,
34			1.3.11		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của nhà giáo, cán bộ quản lý về các văn bản quy định tổ chức và quản lý theo hướng đảm

					bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định hàng năm.
35	1	4	1.4.01		Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý ban hành lần trước khi chỉnh sửa của nhà trường (Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức; Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trường CĐCN Việt Đức; Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm; Các quy trình- sổ tay bảo đảm chất lượng...);
36			1.4.02		Kế hoạch rà soát văn bản quy định về tổ chức quản lý hàng năm;
37			1.4.03		Biên bản họp liên quan đến việc chỉnh sửa văn bản quy định về tổ chức và quản lý hàng năm;
38			1.4.04		Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý ban hành lần sau khi chỉnh sửa của nhà trường (Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức; Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức; Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trường CĐCN Việt Đức; Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm; Các quy trình - Sổ tay bảo đảm chất lượng...).
39	1	5		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
40			1.5.01		Đề án vị trí việc làm được Bộ Công thương phê duyệt;
41			1.5.02		Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu;
42			1.5.03		Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
43				1.3.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
44				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHH-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
45				1.2.05	Bảng tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh và số người học thực tuyển hàng năm;
46				1.2.07	Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp hàng năm;
47			1.5.04		Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn

					trường.
48	1	6	1.6.01		Quyết định thành lập các Hội đồng: (Hội đồng trường; Hội đồng tư vấn; Hội đồng nghiên cứu khoa học; Hội đồng tinh giảm biên chế; Hội đồng sát hạch nhà giáo; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng lương, phụ cấp thâm niên nghề; Hội đồng tự kiểm định trường; Hội đồng tuyển sinh...); Báo cáo tổng kết hoạt động của các Hội đồng hàng năm;
49				1.3.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
50				1.5.04	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường;
51				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm,
52			1.6.02		Quyết định khen thưởng: Bằng khen, giấy khen đối với các cá nhân và đơn vị hàng năm;
53			1.6.03		Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có).
54	1	7	1.7.01		Quyết định thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế;
55				1.7.02	Chức năng, nhiệm vụ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế;
56				1.7.03	Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức được Hiệu trưởng phê duyệt;
57				1.7.04	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
58				1.7.05	Kế hoạch về việc xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Trường hàng năm;
59				1.7.06	Quyết định và danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm;
60				1.7.07	Quyết định về việc ban hành và đưa vào sử dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng hàng năm;
61				1.5.04	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường;
62				1.7.08	Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng Trường hàng năm;
63				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
64				1.7.09	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo

				chất lượng theo quy định hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
65	1	8	1.7.01	Quyết định thành lập Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế;
66			1.7.02	Chức năng, nhiệm vụ Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế;
67			1.7.05	Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Trường hàng năm;
68			1.7.07	Quyết định về việc ban hành và đưa vào sử dụng hệ thống quy trình bảo đảm chất lượng hàng năm;
69		1.8.01		Báo cáo tổng kết về xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường hàng năm;
70			1.7.04	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm;
71			1.7.06	Quyết định và danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường CĐCN Việt Đức hàng năm;
72		1.8.02		Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
73		1.8.03		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
74		1.8.04		Quyết định và danh sách hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
75		1.8.05		Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm;
76		1.8.06		Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường và chương trình đào tạo được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn
77		1.8.07		Báo cáo tổng kết năm học của phòng QLKH&HTQT;
78			1.7.08	Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng Trường hàng năm;
79			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
80		1.8.08		Hồ sơ thi đua khen thưởng của Phòng quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế hàng năm;
81		1.8.09		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác đảm bảo chất lượng hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
82	1	9	1.9.01	Quyết định về việc chuẩn y Ban chấp hành Đảng bộ Trường CĐCN Việt Đức; Quyết định về việc chuẩn y chức danh cấp uỷ;
83		1.9.02		Các văn bản hoạt động của Đảng uỷ trường (nghị quyết, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn...);
84		1.9.03		Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác Đảng của Đảng bộ

				Trường CĐCN Việt Đức và các Chi bộ hàng năm;	
85			1.9.04	Các quyết định công nhận tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh và các quyết định khen thưởng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên hàng năm.	
86			1.9.05	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường hàng năm. (đối với chi bộ, Đảng bộ).	
87	1	10	1.10.01	Quyết định thành lập; Quy chế hoạt động; Kế hoạch, Chương trình hành động; Các quyết định khen thưởng; Các hình ảnh hoạt động phong trào; Báo cáo tổng kết đối với các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ);	
88				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
89			1.10.02	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động của các tổ chức đoàn thể, xã hội trong Trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).	
90	1	11	1.11.01	Quy định về công tác kiểm tra, giám sát;	
91			1.11.02	Kế hoạch, biên bản, báo cáo tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát hàng năm (công tác Đào tạo, công tác quản lý người học, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi bộ Đảng, Công tác bảo đảm chất lượng...);	
92			1.11.03	Kế hoạch, kết quả sát hạch trình độ đội ngũ hàng năm;	
93			1.11.04	Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt;	
94			1.11.05	Các văn bản điều chỉnh (nếu có);	
95			1.11.06	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về phương pháp, công cụ kiểm tra giám sát hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).	
96	1	12	1.12.01	Các văn bản quy định về chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học; (Quyết định miễn, giảm học phí hàng năm; Quyết định cấp học bổng hàng năm...);	
97			1.12.02	Quyết định, Danh sách người học thuộc đối tượng ưu tiên: Họ và tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách) hàng năm;	
98			1.12.03	Nội quy ký túc xá nhà Trường;	
99				1.2.03	Thông báo tuyển sinh hàng năm;
100				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
101			1.12.04	Bảng lương hàng tháng của CB, CNVC, người lao	

				động của nhà Trường hàng năm của từng đơn vị;
102			1.12.05	Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
103			1.12.06	Chương trình hành động vì sự tiến bộ phụ nữ;
104			1.12.07	Quy chế hỗ trợ, quy chế chi tiêu của Công đoàn Trường;
105			1.12.08	Báo cáo tổng kết công tác bình đẳng giới hàng năm;
106			1.12.09	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; bình đẳng giới hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
107	2	1	1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
108			2.1.01	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra đối với các ngành/nghề đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp;
109			2.1.02	Bộ chuẩn đầu ra tương ứng đối với các ngành/nghề;
110			2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
111			2.1.04	Bộ chuẩn đầu ra được đăng tải trên Website: truongvietducthainguyen.edu.vn
112			2.1.05	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
113	2	2	2.2.01	Quy chế tuyển sinh hàng năm.
114	2	3	2.3.01	Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm;
115			1.2.04	Kế hoạch tuyển sinh hàng năm;
116			1.1.07	Thông báo tuyển sinh hàng năm trên trang Website; Pa nô- áp phích, tờ rơi; video, đĩa DVD giới thiệu về nhà Trường trên đài truyền thanh các huyện thành, thị...;
117			2.3.02	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm;
118			2.3.03	Biên bản họp hội đồng tuyển sinh;
119			2.3.04	Hồ sơ đăng ký dự tuyển (theo quy định);
120			2.3.05	Danh sách xét tuyển, trúng tuyển hàng năm;
121			2.3.06	Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
122			2.3.07	Các văn bản, báo cáo gửi bộ, ngành, sở về công tác tuyển sinh hàng năm;
123			1.2.06	Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm;
124			2.3.08	Báo cáo công tác thanh tra về tuyển sinh hàng năm (nếu có);
125			2.3.09	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả

				khảo sát về công tác tuyển sinh hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
126			1.1.06	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
127			1.2.09	Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo đánh giá nguồn lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động hàng năm;
128	2	4	1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
129			1.3.01	02. Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
130			2.4.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
131			2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
132			2.3.06	Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
133			2.4.03	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo hàng năm.
134	2	5	2.3.06	Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
135			2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
136			2.5.01	Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
137			2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
138			2.5.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo.
139	2	6	2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
140			2.5.01	Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun.
141			2.5.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo;
142			2.6.01	Hồ sơ sự phạm nhà giáo;
143			2.6.02	Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;
144			2.6.03	Biên bản kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có).
145	2	7	2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
146			2.7.01	Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm;
147			2.7.02	Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp tại doanh nghiệp;
148			2.7.03	Quyết định và Danh sách người học đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;
149			2.7.04	Quyết định, Danh sách nhà giáo hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;
150			2.7.05	Sổ nhật ký thực tập;

151			2.7.06		Báo cáo thực tập.
152	2	8	2.8.01		Sổ lên lớp;
153			2.8.02		Sổ tay nhà giáo;
154			2.8.03		Giáo án lên lớp của nhà giáo;
155			2.8.04		Bài giảng điện tử theo từng môn học, mô đun;
156			2.8.05		Phiếu dự giờ của nhà giáo;
157			2.8.06		Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch; Hội giảng hàng năm;
158			2.8.07		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm năm hàng năm.
159	2	9	2.9.01		Phần mềm quản lý đào tạo;
160			2.9.02		Bài giảng điện tử theo từng môn học, mô đun;
161			2.9.03		Phần mềm tích hợp tính năng quản lý hồ sơ nhập học của người học vào phần mềm tuyển sinh của trường; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý, lưu trữ dữ liệu người học sau khi tốt nghiệp;
162			2.9.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học hàng năm.
163	2	10		2.8.06	Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch; Hội giảng hàng năm;
164			2.10.01		Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo hàng năm (sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp...);
165				2.6.02	Kế hoạch, báo cáo kiểm tra công tác đào tạo hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học;
166			2.10.02		Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác kiểm tra hồ sơ sư phạm nhà giáo định kỳ;
167			2.10.03		Kế hoạch quý của nhà trường và các đơn vị.
168	2	11		2.8.06	Kế hoạch, phiếu đánh giá bài giảng sát hạch; Hội giảng hàng năm;
169				2.10.01	Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo hàng năm (sát hạch trình độ, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp...);
170				2.10.02	Kế hoạch, báo cáo tổng kết công tác kiểm tra hồ sơ sư phạm nhà giáo định kỳ;
171			2.11.01		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hoạt động kiểm tra, giám sát trong dạy và học (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).

172	2	12		2.4.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
173			2.12.01		Quyết định phê duyệt mẫu văn bằng chứng chỉ;
174			2.12.02		Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp.
175	2	13		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
176			2.13.01		Danh sách các doanh nghiệp có người học của trường đến làm việc;
177				2.7.01	Hợp đồng đào tạo với doanh nghiệp đưa người học đi thực tập, trải nghiệm;
178				2.7.02	Kế hoạch đưa người học đi trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp;
179				2.7.03	Quyết định, Danh sách người học đi trải nghiệm và thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp;
180				2.7.04	Quyết định, Danh sách nhà giáo hướng dẫn thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;
181				2.12.01	Quyết định phê duyệt mẫu văn bằng chứng chỉ;
182				2.12.02	Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp.
183	2	14		2.4.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
184				2.12.02	Các quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp.
185			2.14.01		Báo cáo tổng kết khóa học hàng năm;
186			2.14.02		Báo cáo về cấp phát văn bằng, chứng chỉ hàng năm.
187			2.14.03		Các văn bản, biên bản kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan (nếu có).
188	2	15		2.15.01	Kế hoạch rà soát và báo cáo kết quả sau rà soát; (Các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ).
189				2.15.02	Các văn bản điều chỉnh quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ (nếu có);
190				2.14.03	Các văn bản, biên bản kết luận thanh kiểm tra công

				tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm thể hiện trường nghiêm túc, khách quan (nếu có);
191			1.11.04	Biên bản hội nghị giao ban cán bộ chủ chốt;
192			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
193			2.15.03	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
194	2	16	1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
195			2.16.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông; Chương trình đào tạo liên thông các ngành/ngành;
196			2.16.02	Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông;
197			2.16.03	Kế hoạch đào tạo liên thông;
198			2.16.04	Báo cáo về việc tổ chức đào tạo liên thông;
199			2.16.05	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
200	2	17	2.4.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
201			2.17.01	Quy chế công tác văn thư, lưu trữ;
202			1.5.04	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường.
203			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
204			2.17.02	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
205	3	1	1.3.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
206			3.1.01	Quy chế tuyển dụng viên chức;
207			3.2.02	Quy chế quy hoạch cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý;

208				1.3.02	Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
209				1.3.04	Quy chế đánh giá và phân loại công chức, viên chức lao động.
210	3	2	3.2.01		Kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức lao động hàng năm;
211			3.2.02		Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm;
212			3.2.03		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức người lao động được tuyển dụng; Quy hoạch; Bồi dưỡng... hàng năm;
213			3.2.04		Báo cáo về biên chế, quy hoạch và đánh giá viên chức của trường hàng năm;
214				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
215			3.2.05		Nghị quyết về việc tuyển dụng viên chức hàng năm;
216			3.2.06		Kế hoạch; Thông báo tuyển dụng viên chức;
217			3.2.07		Hồ sơ tuyển dụng viên chức;
218			3.2.08		Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức;
219			3.2.09		Hình ảnh thông báo tuyển dụng tại bảng tin; Hình ảnh đăng tải trên website;
220			3.2.10		Quyết định về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức;
221			3.2.11		Báo cáo kết quả xét tuyển viên chức hàng năm;
222			3.2.12		Công văn hướng dẫn, triển khai công tác rà soát, quy hoạch cán bộ của Bộ Công thương hàng năm;
223			3.2.13		Thông báo của Trường CDCN Việt Đức về việc thực hiện công tác rà soát, quy hoạch cán bộ các đơn vị và nhà trường hàng năm;
224			3.2.14		Danh sách quy hoạch cán bộ hàng năm;
225			3.2.15		Báo cáo công tác quy hoạch cán bộ hàng năm;
226			3.2.16		Biên bản họp Đảng ủy về công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ hàng năm;
227			3.2.17		Kết quả phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
228			3.2.18		Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm;
229			3.2.19		Thông báo kế hoạch bình xét thi đua khen thưởng năm học hàng năm;
230				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;

231				1.12.05	Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
232			3.2.20		Danh sách công chức, viên chức, người lao động được tăng lương, phụ cấp thâm niên nhà giáo hàng năm;
233			3.2.21		Danh sách công chức, viên chức, người lao động được tăng lương trước thời hạn hàng năm;
234			3.2.22		Danh sách công chức, viên chức, người lao động được hưởng chế độ ốm đau, thai sản hàng năm;
235			3.2.23		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động hàng năm.
236	3	3	3.3.01		Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại Cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...);
237			3.3.02		Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm;
238			3.3.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo).
239	3	4		1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
240			3.4.01		Nội quy trường CĐCN Việt Đức;
241				3.3.01	Hồ sơ quản lý nhà giáo (danh sách trích ngang nhà giáo, phiếu đánh giá và phân loại cán bộ, viên chức lao động hàng năm, bản phô tô công chứng văn bằng chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, trích ngang phiếu kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học...);
242			3.4.02		Danh sách trích ngang viên chức lao động của trường, (họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...);
243				3.2.17	Kết quả phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
244			3.4.03		Kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm;
245				3.2.19	Thông báo kế hoạch bình xét thi đua khen thưởng hàng năm;
246			3.4.04		Kết quả bình xét thi đua khen thưởng hàng năm

247				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
248			3.4.05		Nội quy lớp học, xưởng thực hành, ký túc xá...;
249			3.4.06		Hồ sơ hoạt động của thanh tra đào tạo hàng năm;
250			3.4.07		Hồ sơ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân hàng năm;
251				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
252	3	5		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
253			3.5.01		Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
254			3.5.02		Bảng thống kê số lượng cán bộ nhà giáo quy đổi hàng năm;
255			3.5.03		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo hàng năm;
256			3.5.04		Bảng tổng hợp quy đổi người học/nhà giáo theo từng ngành/nghề đào tạo hàng năm;
257				1.12.05	Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
258				2.3.06	Quyết định thành lập lớp (có danh sách kèm theo);
259				2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
260				2.5.01	Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun.
261				2.5.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo;
262			3.5.05		Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, giáo viên chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...);
263			3.5.06		Bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp thanh toán tiền vượt giờ hàng năm.
264	3	6		3.5.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
265				2.5.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo;
266				2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
267				2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
268				2.8.01	Sổ lên lớp;
269				2.8.02	Sổ tay nhà giáo;

270				2.8.03	Giáo án lên lớp;
271			3.6.01		Lịch công tác tuần của nhà giáo;
272				2.5.01	Thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun.
273				2.8.05	Phiếu dự giờ của nhà giáo;
274			3.6.02		Biên bản kiểm tra của thanh tra.
275	3	7		1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
276				1.12.05	Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
277				1.3.02	Quy chế đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
278				2.10.01	Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...);
279			3.7.01		Bản đăng ký học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo từng đơn vị tại Hội nghị công chức viên chức vòng hai hàng năm;
280				3.2.02	Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm;
281			3.7.02		Bảng tổng hợp giờ giảng của nhà giáo theo từng năm học (kể cả giờ quy đổi thực hiện nhiệm vụ khác: Học tập nâng cao trình độ, nhà giáo chủ nhiệm, nghiên cứu khoa học, quản lý phòng học chuyên môn, tham gia hội giảng...);
282				1.5.04	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường.
283				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
284			3.7.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chính sách và các biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý).
285	3	8		2.10.01	Kế hoạch và Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ...);
286				3.2.02	Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm;
287			3.8.01		Các tài liệu/hình ảnh nhà giáo tham gia học tập, bồi

					đưỡng;
288			3.8.02		Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...(nếu có);
289				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
290	3	9		1.12.05	Chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
291			3.9.01		Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức lao động;
292				3.5.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: Họ và tên; môn học, mô đun đang giảng dạy; Trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, tin học...;
293			3.9.02		Các quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng tại các doanh nghiệp hàng năm;
294			3.9.03		Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;
295			3.9.04		Tài liệu/hình ảnh của nhà giáo đi thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp hàng năm;
296				3.8.02	Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...(nếu có);
297			3.9.05		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác bồi dưỡng, thực tập của nhà giáo.
298	3	10		2.10.01	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng (sát hạch trình độ nhà giáo, hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hàng năm...);
299				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
300			3.10.01		Biên bản họp chuyên môn của các đơn vị đào tạo hàng năm;
301			3.10.02		Biên bản họp giao ban cán bộ lãnh đạo.
302	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng;
303			3.11.02		Hồ sơ công chức của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng;
304			3.11.03		Hồ sơ bổ nhiệm lần đầu Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;
305				1.5.02	Quyết định phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu;
306			3.11.04		Các Quyết định khen thưởng hàng năm của nhà trường;
307			3.11.05		Bản tự kiểm điểm của cá nhân các đ/c trong Ban giám hiệu hàng năm;
308			3.11.06		Phiếu nhận xét, đánh giá Hiệu trưởng và các Phó

				hiệu trưởng hàng năm;
309			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm;
310	3	12	1.1.03	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường CĐCN Việt Đức;
311			1.3.01	Quy định chức năng, nhiệm vụ, Quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị trong trường CĐCN Việt Đức;
312			3.12.01	Danh sách trích ngang Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường;
313			1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
314			3.12.02	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc CĐCN Việt Đức;
315			3.12.03	Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng/Phó các đơn vị trong trường;
316			3.12.04	Hồ sơ cán bộ Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường;
317			3.12.05	Hồ sơ điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức hàng năm;
318			3.12.06	Biểu thống kê kết quả điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức hàng năm.
319	3	13	3.12.01	Danh sách trích ngang Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường;
320			3.12.04	Hồ sơ cán bộ của Trưởng/Phó các đơn vị trong toàn trường;
321			3.13.01	Phiếu đánh giá công chức, viên chức hàng năm đối với cán bộ quản lý hàng năm;
322			3.13.02	Kết quả phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
323			1.5.04	Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường.
324			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
325	3	14	3.14.01	Kế hoạch học tập bồi dưỡng cho cán bộ quản lý hàng năm;
326			3.14.02	Các quyết định cử Cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng hàng năm;
327			3.8.02	Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...(nếu có);
328			3.14.03	Tài liệu/hình ảnh Cán bộ quản lý đã tham gia các

				khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm;
329			3.14.04	Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý về việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.
330	3	15	3.15.01	Danh sách trích ngang viên chức, lao động của Trường (Họ và tên, trình độ đào tạo, thời gian công tác, vị trí công tác ...);
331			3.15.02	Kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ viên chức, lao động hàng năm;
332			3.15.03	Các Quyết định cử viên chức, lao động đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm;
333			3.15.04	Tài liệu/hình ảnh viên chức, người lao động đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm;
334				3.8.02 Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...(nếu có);
335			3.15.05	Phiếu đánh giá và phân loại, viên chức lao động hàng năm;
336				1.5.04 Báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị trong toàn trường.
337			3.15.06	Báo cáo tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức người lao động của trường hàng năm;
338				1.5.03 Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
339	4	1		1.2.01 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
340			4.1.01	Danh sách các ngành, nghề, đang tổ chức đào tạo tại Trường;
341				2.1.03 Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
342	4	2	4.2.01	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
343			4.2.02	Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
344			4.2.03	Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
345			4.2.04	Biên bản Hội thảo khoa học về chương trình đào tạo;
346			4.2.05	Biên bản họp Hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo;

347			4.2.06		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
348			4.2.07		Phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo;
349			4.2.08		Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
350				2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
351	4	3		2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
352	4	4		4.2.02	Quyết định thành lập hội đồng chuyên môn đánh giá chương trình đào tạo hàng năm;
353				4.2.03	Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
354				4.2.06	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
355				4.2.08	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo;
356				2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
357			4.4.01		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp tham gia quá trình xây dựng chương trình đào tạo (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp).
358	4	5		2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
359			4.5.01		Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa;
360			4.5.02		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo (đối với doanh nghiệp và người học đã tốt nghiệp).
361	4	6		2.16.01	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông (có chương trình đào tạo kèm theo);
362			4.6.01		Văn bản ghi nhớ/ hợp đồng đào tạo liên thông;
363			4.6.02		Quyết định/ hợp đồng của các trường đại học về đào tạo liên thông với cao đẳng công nghiệp Việt Đức;
364			4.6.03		Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông;
365			4.6.04		Quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng.
366	4	7	4.7.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
367				4.2.01	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương

					trình đào tạo hàng năm;
368				4.5.01	Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật, chỉnh sửa;
369				4.2.03	Quyết định thành lập hội đồng và các tiểu ban biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
370				4.2.06	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định, nghiệm thu/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
371			4.7.02		Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo).
372	4	8		4.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
373				4.2.01	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
374				4.5.01	Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật chỉnh sửa;
375				4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
376			4.8.01		Chương trình đào tạo thí điểm (có chương trình đào tạo kèm theo);
377				4.2.08	Biên bản nghiệm thu/lựa chọn các chương trình đào tạo.
378	4	9	4.9.01		Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ;
379				2.16.01	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo liên thông (có chương trình đào tạo kèm theo);
380			4.9.02		Hồ sơ đào tạo liên thông.
381	4	10		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
382				2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
383			4.10.01		Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
384			4.10.02		Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
385			4.10.03		Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).
386	4	11	4.11.01		Kế hoạch lựa chọn giáo trình;
387			4.11.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/lựa chọn giáo trình các môn học, mô đun;
388			4.11.03		Phiếu đánh giá giáo trình;
389			4.11.04		Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình;
390				4.10.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo

				trình đã thẩm định/lựa chọn;
391			4.10.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
392			4.11.05	Bảng tổng hợp số lượng môn học/mô đun và giáo trình;
393			4.10.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).
394	4	12	1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
395			2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
396			4.5.01	Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật chỉnh sửa;
397			4.11.04	Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình;
398			4.10.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
399			4.10.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
400			4.10.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun);
401			4.12.01	Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
402			4.12.02	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
403	4	13	1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
404			2.1.03	Quyết định ban hành các chương trình đào tạo (có chương trình đào tạo kèm theo);
405			4.13.01	Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học theo ngành nghề;
406			4.11.04	Biên bản thẩm định/lựa chọn giáo trình;
407			4.10.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
408			4.10.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề;
409			4.10.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/nghề (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun);
410			4.13.02	Giáo án thể hiện phương pháp dạy học tích cực

411				4.12.01	Hồ sơ nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
412				3.15.01	Danh sách đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, giáo viên, người lao động trong nhà trường hàng năm;
413			4.13.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chương trình đào tạo, giáo trình (đối với người học, nhà giáo).
414	4	14	4.14.01		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp được khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo;
415			4.14.02		Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo.
416	4	15		4.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần trước khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
417				4.2.01	Kế hoạch biên soạn/chỉnh sửa/lựa chọn chương trình đào tạo hàng năm;
418				4.5.01	Báo cáo của các khoa chuyên môn về nội dung chương trình cần cập nhật chỉnh sửa;
419				4.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo lần sau khi chỉnh sửa (có chương trình đào tạo kèm theo);
420			4.15.01		Báo cáo của các đơn vị đào tạo về nội dung giáo trình;
421				4.10.01	Quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng các giáo trình đã thẩm định/lựa chọn;
422				4.10.02	Bảng kê danh mục giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành;
423				4.10.03	Bản in giáo trình, tài liệu nội bộ cho từng môn học, mô đun theo ngành/ngành (tối thiểu 05 quyển/ môn học/ mô đun).
424	5	1		1.1.01	Quyết định thành lập trường CĐCN Việt Đức Số: 1765/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/4/2006;
425			5.1.01		Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;

426			5.1.02		Bảng kê khoảng cách đến các nhà máy xí nghiệp trên địa bàn Sông công;
427			5.1.03		Biên bản kiểm tra, báo cáo tổng kết vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm hàng năm;
428			5.1.04		Báo cáo tình hình sử dụng điện nước hàng năm;
429			5.1.05		Văn bản “Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN” tỉnh Thái Nguyên;
430			5.1.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về cơ sở vật chất và điều kiện an toàn hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
431	5	2	5.2.01		Bản đồ hành chính khu vực đặt địa điểm trường;
432			5.2.02		Quyết định phê duyệt quy hoạch mặt bằng tổng thể của Trường;
433			5.2.03		Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất;
434				5.1.01	Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;
435			5.2.04		Báo cáo số liệu về diện tích xây dựng;
436			5.2.05		Báo cáo số liệu về diện tích cây xanh bao gồm diện tích các vườn hoa, thảm cỏ, dải cây xanh cách ly, cây bảo vệ, cây bóng mát...
437			5.2.06		Hồ sơ hoàn công các công trình của trường;
438			5.2.07		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
439	5	3		5.1.01	Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;
440				5.2.06	Hồ sơ hoàn công các công trình của Trường;
441			5.3.01		Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết/ phòng học thực hành/xưởng/mô phỏng toàn Trường;

442			5.3.02		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về cơ sở vật chất, chính sách phục vụ người học hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
443	5	4		5.1.01	Hồ sơ quy hoạch mặt bằng trường CDCN Việt Đức;
444			5.4.01		Kế hoạch sửa chữa hạ tầng hàng năm (đường giao thông nội bộ; Hệ thống điện; Cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; Thông gió; Phòng cháy chữa cháy);
445			5.4.02		Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống cấp nước, thu gom và xử lý rác thải của trường;
446			5.4.03		Hồ sơ thiết kế, lắp dựng, hoàn công công trình trạm biến thế của trường;
447			5.4.04		Hợp đồng thuê quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp;
448			5.4.05		Hợp đồng cung cấp lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy;
449			5.4.06		Hợp đồng thu gom rác thải;
450			5.4.07		Biên bản nghiệm thu các công trình: Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
451				5.2.06	Hồ sơ hoàn công các công trình của Trường;
452			5.4.08		Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm;
453			5.4.09		Quy định về PCCC;
454			5.4.10		Kế hoạch PCCC hàng năm.
455			5.4.11		Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCCC;
456			5.4.12		Danh sách Cán bộ quản lý, viên chức người lao động tham gia tập huấn PCCC hàng năm;
457			5.4.13		Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm;
458			5.4.14		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).
459	5	5	5.5.01		Biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng (nhà công nghệ cao, nhà thư viện...);
460				5.1.01	Hồ sơ quy hoạch mặt bằng, thiết kế mặt bằng của trường: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); Khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); Khu vực rèn luyện thể chất; Khu hành

				chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt đối với người học và nhà giáo; Hệ thống nước sạch, trạm biến áp;
461			5.3.01	Bảng thống kê số lượng phòng học lý thuyết/ phòng học thực hành/xưởng/mô phỏng toàn Trường;
462			5.5.02	Sơ đồ mặt bằng bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong các xưởng thực hành; Trung tâm sửa chữa; Phòng thí nghiệm; Phòng học chuyên môn hóa.
463			5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
464			5.5.04	Sổ báo cáo thông tin;
465			1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
466			5.5.05	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo hàng năm đối với nhà giáo và cán bộ quản lý.
467	5	6	5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
468			5.6.01	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
469			5.6.02	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm;
470			5.6.03	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý;
471			5.6.04	Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị;
472			5.6.05	Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị;
473			5.6.06	Quy chế quản lý sử dụng tài sản công;
474			5.6.07	Quy định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa;
475			5.6.08	Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo.
476	5	7	3.4.05	Nội quy lớp học, xưởng thực hành, ký túc xá...
477			5.6.08	Quy định sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa;
478			5.6.06	Quy chế quản lý sử dụng tài sản công;
479			5.7.01	Sổ kiểm kê tài sản hàng năm;
480			5.7.02	Kế hoạch nhân lực các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
481			5.7.03	Báo cáo đánh giá việc quản lý và sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa;

482			5.7.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc sử dụng, bảo dưỡng hạ tầng cơ sở vật chất hàng năm (đối với nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên).
483	5	8		5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
484			5.8.01		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của Trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;
485				5.6.01	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
486			5.8.02		Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
487			5.8.03		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm;
488				5.7.02	Kế hoạch nhân lực các các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
489			5.8.04		Biên bản thanh tra, kiểm tra về thiết bị đào tạo (nếu có)
490			5.8.05		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng thiết bị đào tạo hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).
491	5	9		5.5.02	Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường;
492				5.8.02	Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
493				5.6.01	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
494				5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
495				5.4.13	Biên bản kiểm tra; Báo cáo về công tác phòng chống cháy nổ, công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm;
496			5.9.01		Quy chế an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong sử dụng thiết bị;
497				5.6.03	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý;
498			5.9.02		Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm;
499			5.9.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc bố trí, lắp đặt các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an

					toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm (đối với người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo).
500	5	10		5.6.01	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
501				5.7.02	Kế hoạch nhân lực các các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
502				5.5.02	Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường;
503				5.6.04	Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị;
504				5.6.03	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý;
505			5.10.01		Hồ sơ các thiết bị được đầu tư;
506				5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
507			5.10.02		Sổ kiểm kê tài sản hàng năm;
508				5.8.02	Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
509				5.5.04	Sổ báo cáo thông tin;
510				5.9.02	Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm.
511	5	11		5.6.01	Sổ tài sản kèm theo thông số kỹ thuật của các thiết bị;
512				5.10.01	Hồ sơ các thiết bị được đầu tư;
513				5.7.02	Kế hoạch nhân lực các các đơn vị đào tạo; Kế hoạch giảng dạy hoặc thời khóa biểu cho từng môn học, mô đun;
514				5.5.03	Danh mục thiết bị đào tạo kèm theo thông số kỹ thuật cho từng nghề;
515				5.6.03	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo theo quý;
516				5.6.04	Nội quy sử dụng, vận hành thiết bị;
517				5.10.02	Sổ kiểm kê tài sản hàng năm;
518				5.8.02	Sổ bàn giao ca tình trạng thiết bị;
519				5.5.02	Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ xưởng thực hành, phòng mô phỏng, phòng học chuyên môn nhà trường;
520				5.4.04	Sổ báo cáo thông tin;
521				5.9.02	Báo cáo kết quả sử dụng bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo hàng năm.
522	5	12	5.12.01		Hồ sơ định mức kinh tế - kỹ thuật theo từng nghề;
523				2.4.02	Kế hoạch tiến độ đào tạo của các lớp, các khóa học;
524			5.12.02		Quy trình xuất, nhập vật tư, hàng hóa tại kho vật tư

					nhà Trường;
525			5.12.03		Sơ đồ mặt bằng kho vật tư, kho bán thành phẩm, kho dụng cụ;
526			5.12.04		Sổ dự trữ vật tư, dụng cụ;
527			5.12.05		Sổ cấp phát vật tư, dụng cụ;
528			5.12.06		Kế hoạch dự trữ vật tư, dụng cụ theo quý của các đơn vị;
529			5.12.07		Bảng quyết toán vật tư, dụng cụ phục vụ đào tạo hàng tháng.
530			5.12.08		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bảo quản, sử dụng vật tư hàng năm (đối với nhà giáo, người học).
531	5	13	5.13.01		Nội quy thư viện;
532			5.13.02		Lịch làm việc của thư viện;
533			5.13.03		Bản vẽ diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ thư viện;
534				1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 74/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 7 năm 2019;
535			5.13.04		Bảng kê danh mục tên chương trình, giáo trình, năm đưa vào sử dụng, đơn vị ban hành, số lượng bản in, bản điện tử.
536	5	14		5.13.01	Nội quy thư viện;
537				5.13.02	Lịch làm việc của thư viện;
538			5.14.01		Sổ theo dõi tra cứu, mượn giáo trình/tài liệu;
539			5.14.02		Biên bản kiểm kê thư viện hàng năm.
540			5.14.03		Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm;
541			5.14.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, người học).
542	5	15		5.14.01	Sổ theo dõi tài sản của thư viện hàng năm;
543			5.15.01		Phần mềm quản lý tra cứu tài liệu; (Phần mềm (SMILIB) công ty CMC cung cấp, phiên bản 4.0 CMC Grup);
544			5.15.02		Danh mục giáo trình điện tử nội bộ;
545				5.14.03	Báo cáo kết quả hoạt động của thư viện hàng năm;
546			5.15.03		Giáo trình, tài liệu được đăng trên trang Web của trường: trungvietducthainguyen.edu.vn
547	6	1		1.3.08	Quy chế hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ hàng năm;
548			6.1.01		Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
549				1.3.05	Quy chế thi đua khen thưởng;
550				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;

551			6.1.02		Quyết định Công nhận danh hiệu thi đua hàng năm.
552			6.1.03		Luận văn Thạc sĩ, Tiến sĩ;
553			6.1.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Trường hàng năm (đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên).
554	6	2		6.1.01	Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
555			6.2.01		Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ/ Ngành;
556			6.2.02		Giáo án của nhà giáo thể hiện đã áp dụng đề tài NCKH trong giảng dạy.
557	6	3	6.3.01		Danh sách các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý viên chức, người lao động (có bài báo kèm theo).
558	6	4		6.1.01	Hồ sơ xét duyệt đăng ký, nghiệm thu và ghi nhận đề tài nghiên cứu khoa học hàng năm;
559				6.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ/ Ngành;
560				6.2.02	Giáo án của nhà giáo thể hiện đã áp dụng đề tài NCKH trong giảng dạy.
561	6	5	6.5.01		Các văn bản ghi nhớ hoặc hợp đồng liên kết đào tạo với các tổ chức Quốc tế;
562				3.15.03	Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tay nghề giỏi các cấp... hàng năm;
563			6.5.02		Các báo cáo kết quả liên kết đào tạo với các tổ chức Quốc tế hàng năm;
564				3.8.02	Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, giấy khen...
565	7	1		1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
566			7.1.01		Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm;
567			7.1.02		Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách của trường hàng năm;
568			7.1.03		Thông báo biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách của Bộ Công thương hàng năm.
569	7	2	7.2.01		Quyết định thu học phí, lệ phí; Quyết định thu tiền ở của người học tại ký túc xá hàng năm;
570			7.2.02		Hồ sơ quản lý các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm;

571			7.2.03		Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm;
572			7.2.04		Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm;
573			7.2.05		Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính của trường hàng năm;
574			7.2.06		Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm;
575			7.2.07		Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
576	7	3	7.3.01		Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm;
577			7.3.02		Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Trường hàng năm;
578			7.3.03		Quy định về việc thu học phí, miễn, giảm học phí của Trường hàng năm;
579				7.2.03	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm;
580				7.2.05	Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính của Trường hàng năm;
581				7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm;
582			7.3.04		Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm;
583				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
584	7	4		7.3.01	Quyết định giao ngân sách dự toán hàng năm;
585				7.3.02	Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của Trường hàng năm;
586			7.4.01		Chứng từ thu - chi sự nghiệp hàng năm;
587			7.4.02		Các sổ chi tiết chi hoạt động hàng năm;
588				7.2.03	Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm;
589				7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm;
590				7.3.04	Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm;
591				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
592	7	5		7.2.04	Kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính hàng năm;
593			7.5.01		Quyết định thành lập tổ kiểm tra tài chính hàng năm;
594				7.2.05	Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra công tác tự kiểm tra tài chính của Trường hàng năm;
595			7.5.02		Kế hoạch hoạt động của ban thanh tra nhân dân hàng năm;
596			7.5.03		Biên bản kiểm tra của ban thanh tra nhân dân hàng năm;
597			7.5.04		Báo cáo công tác thanh tra nhân dân hàng năm;
598				7.2.06	Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách hàng năm;
599			7.5.05		Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách của Trường hàng năm;

600				7.3.04	Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm;
601				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
602	7	6	7.6.01		Kế hoạch đánh giá hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính của Trường hàng năm;
603			7.6.02		Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường hàng năm;
604			7.6.03		Danh mục theo hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định;
605			7.6.04		Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính của Trường hàng năm;
606				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
607			7.6.05		Biên bản thẩm định quyết toán tài chính hàng năm;
608				7.3.04	Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm học tại hội nghị công chức, viên chức người lao động hàng năm;
609				7.2.07	Biên bản thanh kiểm tra, kiểm toán (nếu có).
610			7.6.06		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát của cán bộ quản lý về việc quản lý và sử dụng tài chính hàng năm.
611	8	1	8.1.01		Kế hoạch giáo dục đầu khóa;
612			8.1.02		Các tài liệu về giáo dục đầu khóa;
613				2.4.01	Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, mô đun, tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
614			8.1.03		Quy định về quản lý Học sinh - Sinh viên nội trú, ngoại trú;
615			8.1.04		Quyết định về việc ban hành thực hiện nội quy học đường;
616			8.1.05		Quyết định ban hành quy tắc ứng xử văn hóa trong trường CĐCN Việt Đức;
617			8.1.06		Quyết định/ thông báo về miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm;
618				1.12.02	Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm;
619			8.1.07		Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức;
620			8.1.08		Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm;
621			8.1.09		Kế hoạch công tác HS-SV năm học;
622			8.1.10		Sổ biên bản hội nghị giao ban hội đồng lớp trưởng;

623			8.1.11		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc cung cấp thông tin khi nhập học và trong quá trình học hàng năm (đối với người học, nhà giáo).
624	8	2		1.12.01	Các văn bản quy định về chế độ, chính sách đối với người học mà trường đang áp dụng (Quy định miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng ...);
625			8.2.01		Bảng thống kê các chế độ chính sách đối với người học tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức;
626				1.12.02	Các Quyết định, danh sách, hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách hàng năm;
627				8.1.06	Quyết định/thông báo về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét cấp học bổng cho người học hàng năm;
628				8.1.08	Các văn bản hướng dẫn về tín dụng cho người học hàng năm;
629			8.2.02		Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm;
630			8.2.03		Báo cáo tổng kết công tác HS-SV hàng năm của trường;
631				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
632	8	3		8.1.07	Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức;
633				1.3.07	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hàng năm;
634			8.3.01		Quyết định phân công nhà giáo chủ nhiệm;
635			8.3.02		Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập của trường;
636			8.3.03		Quyết định về hỗ trợ người học gia đình chính sách, người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và người học xa trường hưởng chính sách nội trú;
637				8.2.02	Báo cáo thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học hàng năm;
638			8.3.04		Các thông báo về cấp học bổng;
639			8.3.05		Các Quyết định khen thưởng người học đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện, văn nghệ, thể thao và tham gia hoạt động công tác Đoàn;
640			8.3.06		Quyết định về khen thưởng người học có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện học;
641			8.3.07		Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV;

642			8.3.08		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích cho người học hàng năm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm).
643	8	4		2.2.01	Quy chế tuyển sinh hàng năm;
644				1.2.03	Thông báo tuyển sinh hàng năm;
645				8.1.07	Quy chế Học sinh - Sinh viên trường CĐCN Việt Đức;
646				8.1.03	Qui định về quản lý Học sinh - Sinh viên nội trú, ngoại trú;
647			8.4.01		Nội quy ký túc xá nhà trường;
648			8.4.02		Quyết định/ thông báo về chính sách hỗ trợ người học nội trú Trường CĐCN Việt Đức;
649			8.4.03		Các kế hoạch tổ chức Đại hội đoàn Trường;
650			8.4.04		Các quyết định công nhận bí thư chi đoàn;
651			8.4.05		Báo cáo tổng kết năm học của Đoàn thanh niên;
652			8.4.06		Các quyết định công nhận cán bộ lớp;
653				8.3.07	Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV;
654			8.4.07		Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường CĐCN Việt Đức;
655			8.4.08		Nội quy tiếp công dân của Trường CĐCN Việt Đức;
656			8.4.09		Thông báo kết luận hội nghị giao ban hội đồng lớp trưởng hàng tháng;
657				1.5.03	Báo cáo tổng kết công tác của nhà trường tại hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm.
658			8.4.10		Biên bản thanh tra, kiểm tra (nếu có);
659			8.4.11		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện (đối với người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân).
660	8	5	8.5.01		Bản vẽ hoàn công ký túc xá Trường CĐCN Việt Đức;
661			8.5.02		Biên bản bàn giao thiết bị cho ban quản lý ký túc xá;
662			8.5.03		Biên bản kiểm kê trang thiết bị ký túc xá hàng năm;
663				8.4.01	Nội quy ký túc xá nhà trường;
664				1.2.03	Thông báo tuyển sinh hàng năm;
665				1.11.04	Biên bản hội nghị cán bộ chủ chốt;
666			8.5.04		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện các điều kiện cho sinh hoạt và học tập cho người học ở ký túc xá hàng

					năm.
667	8	6	8.6.01		Chức năng nhiệm vụ của phòng Quản trị - Đời sống;
668			8.6.02		Sơ đồ vị trí của trạm y tế;
669			8.6.03		Bảng cấp của nhân viên y tế;
670			8.6.04		Quyết định bổ nhiệm trạm trưởng;
671			8.6.05		Danh mục các thiết bị y tế;
672			8.6.06		Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế;
673			8.6.07		Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho người học hàng năm;
674			8.6.08		Danh sách người học khám sức khỏe định kỳ hàng năm;
675			8.6.09		Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm;
676			8.6.10		Sổ cấp thẻ phát thẻ bảo hiểm y tế của người học;
677			8.6.11		Nhật ký khám bệnh và phát thuốc hàng năm;
678			8.6.12		Các báo cáo công tác dịch vụ chăm sóc y tế 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm;
679			8.6.13		Báo cáo tổng kết năm học công tác vệ sinh an toàn thực phẩm hàng năm;
680			8.6.14		Sơ đồ mặt bằng khu nhà ăn Trường CĐCN Việt Đức;
681			8.6.15		Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có);
682			8.6.16		Bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với dịch vụ ăn uống;
683			8.6.17		Các kế hoạch triển khai vệ sinh an toàn thực phẩm năm học;
684			8.6.18		Văn bản ủy quyền xác nhận chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm;
685			8.6.19		Biên bản kiểm tra an toàn vệ sinh thực của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thái Nguyên;
686				1.11.04	Biên bản hội nghị cán bộ chủ chốt;
687			8.6.20		Báo cáo tổng kết của Phòng quản trị đời sống hàng năm và báo cáo công tác của trạm y tế thường kỳ theo quý;
688			8.6.21		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện các điều kiện y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe dịch vụ ăn uống cho người học hàng năm.
689	8	7	8.7.01		Biên bản giao nhận hồ sơ các công trình đưa vào sử dụng; Nâng cấp, cải tạo sân bóng đá thành sân cỏ nhân tạo...;
690			8.7.02		Quyết định của Hiệu Trưởng về việc bàn giao tài sản, trang thiết bị cho phòng quản trị đời sống;

691			8.7.03		Thống kê số liệu cơ sở vật chất TĐTT;
692			8.7.04		Giấy chứng nhận hệ thống PCCC;
693				5.4.13	Biên bản kiểm tra; Báo cáo về phòng chống cháy nổ công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường hàng năm;
694			8.7.05		Hồ sơ, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình phòng cháy chữa cháy;
695			8.7.06		Báo cáo tổng kết công tác vệ sinh an toàn;
696			8.7.07		Các kế hoạch tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ; Thẻ dực thể thao; Hoạt động tình nguyện của Đoàn trường hàng năm;
697			8.7.08		Các quyết định thành lập đội thanh niên xung kích;
698			8.7.09		Có cập nhật thông tin về các hoạt động của Đoàn thanh niên được đăng tải trên Website: trungvietducthainguyen.edu.vn
699			8.7.10		Báo cáo tổng kết năm của Đoàn thanh niên;
700			8.7.11		Văn bản liên kết công tác đảm bảo an ninh trật tự hàng năm;
701			8.7.12		Báo cáo đánh giá sơ kết, tổng kết cụm an ninh khu vực I Thành phố Sông Công hàng năm;
702				8.4.01	Nội quy ký túc xá nhà trường;
703			8.7.13		Nội quy học đường;
704			8.7.14		Nội quy phòng học, xưởng thực hành;
705				8.3.07	Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV;
706				1.11.04	Biên bản hội nghị cán bộ chủ chốt;
707			8.7.15		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thẻ dực thể thao, tham gia các hoạt động xã hội được đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường cho người học hàng năm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm).
708	8	8	8.8.01		Chức năng nhiệm vụ Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên;
709			8.8.02		Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho người học hàng năm;
710			8.8.03		Các công văn mời các doanh nghiệp tư vấn việc làm;
711			8.8.04		Danh sách các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm hàng năm;
712			8.8.05		Các thông báo tư vấn việc làm;
713				1.1.06	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp hàng năm;
714			8.8.06		Thông báo tuyển dụng trên Website của Trường;

715			8.8.07		Bảng đăng ký tìm việc của người học;
716			8.8.08		Báo cáo về tổ chức chương trình tư vấn việc làm;
717			8.8.09		Các văn bản về lần vết người học sau tốt nghiệp;
718			8.8.10		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm).
719	8	9	8.9.01		Các kế hoạch phối hợp với đơn vị tham dự hội chợ việc làm;
720			8.9.02		Kế hoạch phiên giao dịch việc làm lưu động tại thành phố/tỉnh;
721			8.9.03		Các công văn mời các doanh nghiệp tham gia hội chợ việc làm;
722			8.9.04		Các thông báo tham dự ngày hội việc làm;
723				8.8.04	Danh sách doanh nghiệp tham gia phiên giao dịch việc làm hàng năm;
724			8.9.05		Các báo cáo kết quả tham gia ngày hội việc làm;
725			8.9.06		Báo cáo tổng kết năm học của Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ học sinh, sinh viên.
726				8.3.07	Báo cáo tổng kết năm học của phòng Công tác HS-SV;
727			8.9.07		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về công tác tư vấn việc làm (đối với người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ quản lý).
728	9	1	9.1.01		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến, trong đó nêu rõ: Tên; Địa chỉ; Số lượng và tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm;
729			9.1.02		Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm.
730	9	2	9.2.01		Kế hoạch thu thập ý kiến, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức và người lao động;
731			9.2.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến hàng năm.
732	9	3	9.3.01		Kế hoạch, danh sách, phiếu thu thập ý kiến và báo cáo tổng hợp kết quả thu thập ý kiến của người học

					về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.
733	9	4		1.7.04	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
734				1.7.06	Quyết định thành lập/kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức hàng năm;
735				1.7.03	Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức;
736				1.8.02	Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
737				1.7.08	Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng trường hàng năm;
738			9.4.01		Có cập nhật thông tin về các hoạt động tự đánh giá chất lượng và công tác đảm bảo chất lượng được đăng tải trên Website: trungvietducthainguyen.edu.vn
739	9	5		1.7.04	Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
740				1.7.03	Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng trường CĐCN Việt Đức;
741				1.8.02	Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường hàng năm;
742			9.5.01		Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá hàng năm;
743			9.5.02		Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại của tự đánh giá chất lượng Trường.
744				1.7.08	Báo cáo tổng kết công tác bảo đảm chất lượng trường hàng năm;
745	9	6	9.6.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm;
746			9.6.02		Kế hoạch khảo sát; Phiếu khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát việc làm sau khi tốt nghiệp của người học hàng năm.